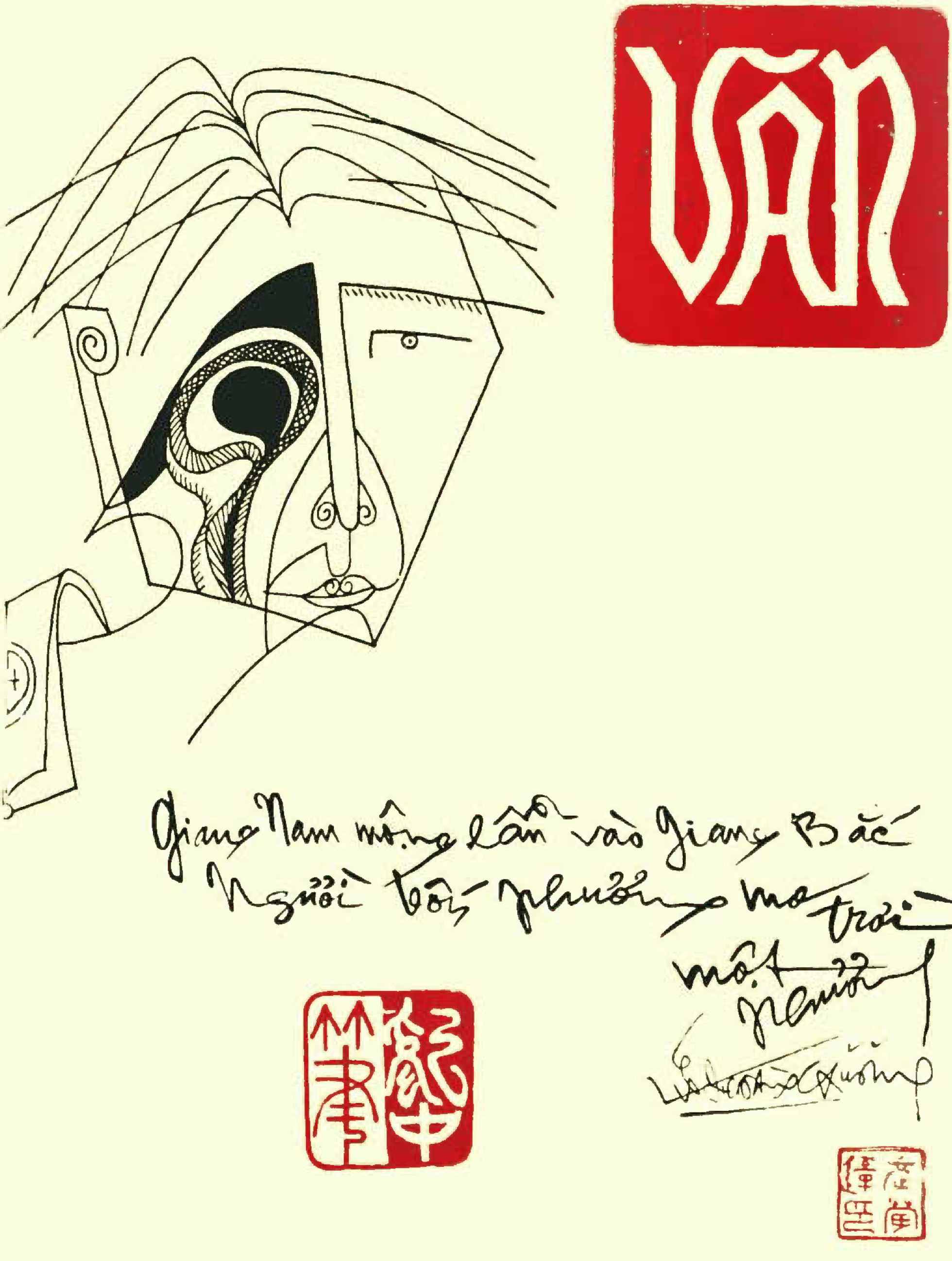

NHÀ THƠ NỔI DANH TỪ THỜI TIỀN-CHIẾN

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

TẬP-SAN VĂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỞNG NGHỆ-THUẬT

NĂM THỨ BẢY • SỐ 150 • RA NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 1970

đọc trong số này :

• VIẾT VỀ VŨ HOÀNG CHƯƠNG

1. Sơ lược tiểu sử — [illegible]

5. Vũ Hoàng Chương, kịch sĩ — Vũ Bằng

15. Hắn — Dương-Thiệu Mục

19. Đọc lại thơ Vũ Hoàng Chương — Đoàn Thêm

46. Nhân đọc « Rừng Phong » — Bùi Giáng

51. Đọc « Trời một phương » — Mai Trung Tĩnh và Vương Đức Lệ

69. Nửa thế kỷ làm thơ : Vũ Hoàng Chương — Nguyễn Mạnh-Côn

97. Nhìn về phía có Vũ Hoàng Chương — Mai-Thảo

• MỤC THƯỜNG-XUYÊN :

101. Đọc « Xứ Trầm Hương » của Quách Tấn — Nguyễn Hiến Lê

105. Tin văn vắn — Thu-Trung và các bạn

• BÌA : VŨ HOÀNG CHƯƠNG NHÌN BỞI TẠ TỴ, THỦ BÚT VÀ THIỆP SON CỦA VŨ HOÀNG CHƯƠNG. VĂN-THANH TRÌNH BÀY

Tòa-soạn và Trị sự [illegible] Ngũ Lão, Sài-gòn. Đ.T. [illegible] 595

Sơ-lược tiểu-sử

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Cuộc đời

Vũ Hoàng Chương sinh trưởng trong một gia đình nho học và khoa bảng danh tiếng tại trấn Sơn-nam Hạ. Ông thuộc dòng dõi cụ Nghè Vị-xuyên, cụ Nghè Bái-dương, và là trưởng nam cụ Tú Vũ Thiện Thuật, ở tỉnh Hưng-yên, xã Phù-ủng.

Thân phụ ông, rất thích thơ văn, tính tình cương trực nên xuất chính Tri Huyện hạng Ba, mà sau hai mươi năm, chỉ thăng có 2 trật (Tri Huyện hạng Nhất). Thân mẫu ông, họ Hoàng, cũng giỏi chữ Hán và ưa dạo Nguyệt-cầm như các vị nữ lưu khuê tú thời xa xưa.

Cuộc đời của Vũ Hoàng Chương cũng giống như cuộc đời của thân phụ ông, không màng công danh, coi nhẹ khoa bảng, yêu thơ, sống với thơ, và trao trọn cuộc đời cho thơ.

Sanh ngày 5 tháng 5 năm 1916 (theo hộ tịch, nhưng thật ra là năm Ất-Mão, 1915) tại Nam-định, kinh đô văn chương của đất Bắc-hà, Vũ Hoàng Chương thời thơ ấu sống tại phố Hàng Cót, trong một căn nhà cổ kính trông ra sông Vị-hoàng (lúc đó đã thành sông Lấp); rồi theo thân phụ đi các huyện vùng Hà-nam, Thái-bình, Bắc-giang, Phú-thọ. Sau, về ở phố Bến Thóc, Nam-định, với ngoại tổ mẫu, cho đến khi học hết bậc Tiểu-học (1927-1930).

Năm 1931, ông theo học trường trung học Pháp nổi tiếng nhất Bắc-hà lúc bấy giờ là Lycée Albert Sarraut, Hà-nội — nơi đã đào tạo ra phần lớn các cán bộ cao cấp ở bên này cũng như ở bên kia vĩ tuyến.

Đậu Tú-tài Pháp (phần I, ban cổ-ngữ La-tinh ; phần II, ban Toán-học), ông theo học trường Đại-học Luật-khoa Hà-nội, và năm 1939 được tuyển dụng làm Phó Kiểm-soát-viên Sở Hỏa-xa Đông-dương, một ngạch địa phương (cadre local) cao cấp lúc bấy giờ (phạm vi hoạt động từ Nacham đến Vinh).

Làm việc tại Sở Hỏa-xa được hơn 20 tháng, vừa hết thời gian tập sự, Vũ Hoàng Chương bỏ Sở, theo học ban Cử-nhân Toán-học một năm, dạy học tư một độ. Hoạt động hăng say cho văn nghệ (sáng tác thơ, kịch thơ, đóng kịch, dựng kịch...) tới ngày toàn quốc kháng chiến, Vũ Hoàng Chương dời thủ đô văn hóa, ra hậu phương tham gia cuộc chiến đấu chung của dân tộc.

Trở về vùng quốc gia (1950) Vũ Hoàng Chương tiếp tục sáng tác thơ, dựng kịch và dạy học tư. Ông là giáo sư giảng dạy môn Việt-văn rất nổi tiếng tại nhiều trường trung học lớn trước ở Hà-nội và từ 1954 tới nay tại Sài-gòn. Ông đã lập gia đình từ 1944 với Đinh Thục-Oanh, chị ruột thi sĩ Đinh-Hùng, và hiện nay chỉ có 1 trai 14 tuổi.

Sự nghiệp :

Tập thơ đầu tiên là *Thơ Say* xuất bản năm 1940, do nhà in Cộng Lực, đường Hàng Cót Hà-nội, ấn hành.

Vở kịch đầu tiên là *Vân Muội*, được trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà-nội đêm 12 tháng 12 năm 1942.

Thi phẩm thứ hai, *Mây*, do nhà Đời Nay xuất bản tại Hà nội năm 1943. Tuy đã nổi tiếng từ 1940, nhưng với thi phẩm thứ hai này, do nhà xuất bản danh tiếng và khắt khe trong việc tuyển lựa tác phẩm ấn hành, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã được xác nhận ngôi vị cao trong làng thơ Việt-nam.

Tập kịch-thơ *Trương Chi*, gồm ba đoản kịch *Trương Chi*, *Vân Muội*, và *Hồng Diệp*, do nhà Anh Hoa xuất bản, Hà-nội, 1944.

Tập thơ *Lửa* viết trong thời kháng chiến, được in vào năm 1947, tại Thái Nguyên.

Trở về vùng quốc gia (1950) ông ký thác tâm sự trong một vở kịch thơ nhan đề *Tâm sự kẻ sang Tần*, công diễn tại Nhà Hát Lớn Hà-nội đêm 1 tháng 1 năm 1951.

Từ 1952 đến 1960, ông hoàn thành các tác phẩm sau đây :

— Vở kịch thơ *Thằng Cuội*, trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà-nội, năm 1952.

— Thi phẩm *Rừng Phong* do nhà Phạm Văn Tươi, ấn hành tại Sài-gòn đầu năm 1954.

— Thi phẩm *Hoa Đăng*, do nhà Văn-hữu Á-châu ấn hành tại Sài-gòn năm 1959.

Từ năm 1960 đến 1969, thi sĩ Vũ Hoàng Chương rất lưu tâm đến việc phổ biến thơ văn Việt-nam trên Thi-đàn Quốc-tế. Sau khi đi dự Hội-nghị Thi-ca Quốc-tế tại Bỉ, ông nhận thấy thi ca là một vũ khí sắc bén để tranh đấu cho lập trường quốc gia dân tộc. Tuy không được một cơ quan công quyền nào hỗ trợ và tài trợ, ông đã tự lực cộng tác với nhà dịch thuật kiêm xuất bản Nguyễn Khang dịch sang Anh và Pháp-văn một số thi phẩm của ông, như :

— *Communion* (Cảm thông) Sài-gòn, 1960.

— *Les vingt huit étoiles* (Tâm tình người đẹp) Sài-gòn, 1961.

— *Poèmes Choisis* (Thi tuyển) Sài-gòn, 1963.

Các bản dịch Pháp-văn đều do nữ thi sĩ Bỉ Simone Kuhnen de La Cœuillerie. Từ bản Pháp-dịch này, được coi là căn bản, nhiều thi sĩ Âu-châu khác đã chuyển sang Ý-ngữ, Đức-ngữ v.v...

Năm 1962, ông cho ấn hành tập thơ *Trời Một Phương*.

Rồi năm 1963 đánh dấu một sự chuyển hướng trong tâm hồn của thi sĩ với tập thơ *Lửa Từ-bi*, do đoàn thể Thanh-tăng xuất bản, và tập *Ánh trăng đạo lý*, do Nha Tuyên-úy Phật-giáo ấn hành năm 1966.

Năm 1967, nhà xuất bản Vạn-Hạnh cho ấn hành thi phẩm *Bút nở hoa đàm*. Tập thơ này chưa kịp phát hành rộng rãi thì bị cháy trong cơn binh lửa đầu Xuân Mậu-Thân.

Năm 1968, Cơ-sở Văn xuất bản tập thơ *Cành mai trắng mộng*.

Cũng cần nói thêm rằng : Vào năm 1966, *Nhị thập bát tú* của ông được in ra Đức-ngữ, do nhà xuất bản Hoffmann tại Hamburg, và được phát hành khắp thế giới, nhân kỳ Hội Chợ Sách Frankfurt. Thi phẩm này đã đánh dấu sự hiện diện của

thi ca Việt-nam tại các vùng Âu-châu Đức-ngữ. Nhan đề Đức-ngữ của tập này là : *Die Achtundzwanzig Sterne.*

•

Hiện nay, ngoài việc giảng dạy môn văn chương quốc âm cho đám hậu sinh, thi sĩ Vũ Hoàng Chương vẫn âm thầm thu thập những bài thơ chữ Hán và thơ dịch trước đây chưa in thành tập, để chuẩn bị cho in. Mặt khác, ông vẫn tiếp tục sáng tác thơ văn. Sau tập *Cành mai trắng mộng*, sẽ là tập *Tân thi*, kèm theo bản Pháp-dịch (*Nouveaux Poèmes*) do nhà Nam-Chi sắp xuất bản. Còn như tập *Loạn Trung Bút* (tản văn) và tập *Ta đợi em từ ba mươi năm* (thơ tình yêu) thì hiện đã in được phần lớn, và sẽ hoàn tất gần đây. Qua năm 1971, ông sẽ cho in *Cô gái ma* (kịch thơ viết từ 1941) và *Ngồi quán* (thơ sáng tác sau 1968).

Cuộc đời của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, như trên đã nói, quả đã dâng hiến trọn vẹn cho thơ. Sự nghiệp của ông, được xây dựng bằng cả một đời người với bao nhiêu tâm huyết, chắc chắn sẽ còn sống mãi với thời gian.

Thi sĩ nay đã già yếu, tuổi đã gần lục tuần, nhưng thế hệ đi sau vẫn thầm mong cho họ Vũ được sống thêm nhiều tuổi trời nữa, dù cho tinh lực sáng tạo có không còn như trước. Mong thi sĩ sống như một tàng cây râm mát, như một dĩ vãng đẹp, để những kẻ đi sau vững tâm hơn trên con đường đi tới, tin cậy nhiều hơn trong cái công cuộc đạm bạc mà khốn khó nhất trần gian : làm văn nghệ.

Số báo đặc biệt này, được hoàn thành khi nhà thơ còn tại thế, xin được coi như bằng chứng của lòng ngưỡng mộ, lòng tin cậy, — không phải chỉ tin cậy và ngưỡng mộ nơi thi tài, nơi sự nghiệp văn chương của Vũ Hoàng Chương, mà còn là sự tin cậy, lòng ngưỡng mộ cuộc đời Vũ Hoàng Chương, cuộc đời đã không màng công danh, coi nhẹ khoa bảng, rẻ khinh phú quý, để dâng hiến trọn vẹn cho THƠ.

□□□

VŨ BẰNG

Vũ Hoàng Chương, kịch sĩ

Thuở còn đi học, về môn văn chương Pháp thế kỷ mười chín, tôi phải học hai thứ kịch : văn vần như Athalie, Polyeucte, Britannicus và văn xuôi như L'Avare, Les précieuses ridicules, Chatterton. Trong hai thứ đó, tôi thường nghiêng về kịch văn xuôi. Lý lẽ của tôi thiển cận lắm : kịch văn xuôi đi sát với đời hơn, còn kịch thơ có vẻ giả tạo, gò bó. Tôi không thể quan niệm được một nhân vật đi trả thù cho cha, như trong Le Cid, tuốt gươm ra ngâm một câu thơ rồi mới hạ kẻ địch của mình. Làm như thế, không khác gì hát cải lương. Muốn nói cách gì, tôi cũng không thể nào chịu nổi.

Tôi giữ nguyên lập trường đó cho đến khi ra đời. Mỗi khi nghe thấy anh em dựng một vở kịch thơ, tôi không mấy hoan nghênh cho đến một ngày mùa đông kia, tình cờ Trần Huyền Trân và Thâm-Tâm rủ tôi đi Hải-phòng chơi tếu. Thực tình, tôi chỉ tưởng là hai anh bạn rủ tôi đi « giang hồ vặt ». Xuống đến nơi, tôi mới biết rằng hai anh cùng với mấy bạn khác chơi một vở kịch thơ nhan đề là *« Bóng giai nhân »* của Nguyễn Bính soạn, trong có toàn anh em văn nghệ diễn.

Chính vì lần đi xem đó, tôi mới bớt quan niệm sai lầm về kịch thơ. Cảm tưởng của tôi lúc buông màn là một cảm tưởng « hay hay », « là lạ », « không dở quá », nhưng trong thâm tâm tôi thành thực phải nhận là lời ngâm thơ của các diễn viên đã ảnh hưởng rất nhiều đến đầu óc tôi và tôi nhớ lại câu thơ trong bài « *Tỳ bà hành* » tả giọng hát của người kỹ nữ như « mâm ngọc đâu bỗng nẩy hạt châu ».

Ít lâu sau, một sự việc khác làm cho tôi thay đổi thêm một chút nữa trong quan niệm về kịch thơ. Hồi đó, sống ở Bắc rất thanh bình. Cứ vào khoảng hai ba giờ chiều, kịch sĩ Trương-đình Thi lại đem vở kịch thơ « *Lên đường* » của Hoàng Cầm đến nhà tôi, độc diễn, một mình anh đóng đủ các vai, ngâm vang cả nhà như thể ở trên sân khấu vậy. Tôi bắt đầu yêu kịch thơ từ đó. Có lẽ một phần cũng vì yêu Trương-đình Thi và Hoàng Cầm.

Nhưng phải đợi đến lúc một số anh em ở bưng về, Vũ Hoàng Chương cho trình diễn vở kịch thơ « *Vân Muội* », tôi mới thực yêu kịch thơ. Tôi thích « *Vân Muội* » vì chủ đề, còn « *Bóng giai nhân* » thì chiếm cảm tình tôi vì lời thơ của các diễn viên ngâm. Trong « *Bóng giai nhân* », Nguyễn Bính đóng vai người thợ đúc gươm Lý Đạc, Vũ Hoàng Chương đóng vai tráng sĩ có mặt cả ba màn. Màn thứ nhứt, có Chương và Bính. Màn 2, Chương đóng vai tráng sĩ, Trần Huyền Trân đóng vai đạo sĩ. Màn 3, Chương diễn với giai nhân (giai nhân chỉ hiện hình mà không nói).

Sau khi diễn ở Hải-phòng một tháng, ban kịch Nguyễn Bính đưa vở « *Bóng giai nhân* » về diễn ngày 10-10-1942 ở Hà-nội.

Diễn xong vở này, Vũ Hoàng Chương bị khích thích về kịch thơ, ngồi viết vở « *Vân Muội* » trong hai tháng. Viết xong thì đưa lên sân khấu Nhà Hát Lớn (Hà-nội) diễn luôn lần đầu tiên. Chương đóng vai Hoàng Lang, Lê Trọng Quỹ đóng vai Vương Sinh. Vai nữ quan trọng là Vân Muội do Đinh Hùng đóng giả (vì lẽ không kiếm được nữ diễn viên).

Vì được hoan nghinh, cách đó không lâu « *Vân Muội* » được đưa xuống trình diễn ở Hải-phòng. Lần này, Lan-Khai đóng vai Vương Sinh thay Quỹ.

Lần thứ ba, lại diễn ở Hà-nội, vai Vương Sinh vẫn do Lan-Khai đóng.

Đến năm 1944, ban kịch « Thế-Lữ » lại diễn lại « *Vân Muội* », Thế-Lữ đóng vai Vương Sinh thay Lan-Khai.

Vì vở kịch « *Vân Muội* » gây một tiếng tăm không nhỏ lúc đương thời, tôi có cảm tình với Vũ Hoàng Chương hơn, tuy nhiên chúng tôi vẫn ít gặp nhau, mặc dầu Chương và tôi cùng sinh trưởng làng Phù-ủng, cùng học một trường và lúc ra đời cùng viết văn làm báo.

Vào đây, tôi lại ít có dịp gặp Chương hơn. Thỉnh thoảng, anh em cho biết anh yếu lắm. Và gần đây nhất, có bạn lại cho hay là Chương đau nặng. Vì thế, một chiều mưa, tôi đã tìm gặp Chương. Anh không mệt quá như bạn bè thường nói, nhưng buồn hơn và có vẻ nản sống hơn lúc chúng tôi còn nằm với nhau ở Julien Blanc (Hà-nội).

Sực nhớ có một vài bạn định ra một số báo đặc biệt về Vũ Hoàng Chương, tôi thừa dịp đi sâu hơn vào tâm tình của Vũ Hoàng Chương để sau này giúp thêm tài liệu cho văn học sử mà không thể có sự hiểu lầm hay xuyên tạc.

BẰNG — Phần nhiều các nhà báo hay có tính thận trọng, đợi cho đậy nắp ván thiên lên một nhà văn nhà báo rồi mới viết tiểu sử, sự nghiệp văn chương và đời sống tâm tình của nhà văn ấy. Tôi không nghĩ như thế. Tôi muốn nói chuyện với anh về kịch. Bởi vì tôi chắc có nhiều người đã biết và đã viết nhiều về Vũ Hoàng Chương thi sĩ. Có lẽ về kịch, ít người biết anh là người viết kịch thơ lại đã diễn kịch thơ. Tôi muốn nói chuyện về điểm đó. Anh có thể cho tôi biết anh đã trước tác được bao nhiêu vở kịch thơ rồi ?

CHƯƠNG — Để nghĩ một chút đã. Vở đầu tiên của tôi là « *Vân Muội* » viết năm 1944. Vở này xuất bản năm 1945 cùng với hai vở khác là « *Trương Chi* » và « *Hồng Diệp* », tái bản năm 1960. « *Vân Muội* » bắt đầu được đưa lên sân khấu năm 1944, do Chu Ngọc dàn cảnh, họa sĩ Nguyễn Đức Nùng trang trí.

Cuối năm 1950, tôi viết xong « *Tâm sự kẻ sang Tần* » nói về tráng sĩ Kinh Kha đi qua sông Dịch sang hành thích Tần Thủy Hoàng. Vở này diễn ngày 1-1-1951 tại Nhà Hát Lớn Hà-nội. Đó là ngày mở đầu hậu bán thế kỷ hai mươi. Ban kịch « Hoa Quỳnh » diễn tới 3 tiếng rưỡi đồng hồ. Lúc này tôi đã yếu, không thể nào chịu nổi một cố gắng quá dài như vậy nên không thủ

một vai nào trong kịch. Vai Kinh Kha do Nguyễn-đình Xương thủ, Văn Phú đóng vai Cao Tiệm Ly, Nàng Hiền vai chủ quán, Phan Tại dàn cảnh.

Vào đến Sài-gòn, sinh viên y khoa lại đưa ra diễn lại vở này ở rạp Thống Nhất. Năm ấy là 1957. Thiếu Văn Phú đóng vai Cao Tiệm Ly, lần trình diễn này hơi yếu, nhưng có những vai khác như Kinh Kha, vua Tần gỡ lại và vẫn chiếm được cảm tình của đông đảo khán giả...

Năm 1961, tôi đích thân in lấy vở kịch « *Tâm sự kẻ sang Tần* » thành sách.

Tháng hai năm 1952, tôi viết vở « *Thằng Cuội* » và Hoa Quỳnh Kịch-xã đem trình diễn ngay sau đó tại Nhà Hát Lớn Hà-nội. Phan Tại dàn cảnh, Văn Phú đóng vai thằng Cuội, Đào Mộng Lan đóng vai cô Gấm, Ngọc Tú (trong ban kịch Thế Lữ) đóng vai Hằng Nga, Vũ Khắc Khoan đóng vai mục đồng, bạn thằng Cuội. Vở kịch thơ này chưa in, cũng như vở « *Hồng Diệp* » chưa hề trình diễn (vì lúc đó thiếu nữ diễn viên, mà trong vở có tới 4 vai nữ).

BẰNG — Hình như anh quên và do đó kể không có thứ tự về ngày tháng. Tôi nhớ mang máng rằng hồi 1946 là năm cách mạng, ban kịch « Thâm Tâm — Trần Huyền Trân » có trình diễn một vở kịch thơ của anh. Vở ấy là vở gì ?

CHƯƠNG — Phải rồi. Tôi còn viết hai vở nữa.

« *Cô gái Ma* » là một vở phóng tác một truyện Liêu Trai. Vở này viết từ 1941. Năm 1946, ban kịch « Đông Phương » của họa sĩ Hoàng Tích Chù — em Hoàng Tích Chu, chủ báo « *Đông Tây* » — đã tập gần xong. Hoàng Cầm có thủ một vai. Đào Tuyết Khanh thủ vai cô gái ma, nhưng ban kịch « Đông Phương » tập được nửa chừng thì chiến tranh Việt Pháp bùng nổ. Anh em bỏ thủ đô, ra ngoài kháng chiến.

Cũng trong thời kỳ tiền khói lửa này, tôi còn có một vở kịch nữa là vở « *Hồn Cách-mạng* » viết cuối năm 1945. May mắn hơn « *Cô gái Ma* », vở « *Hồn Cách-mạng* » đã được trình diễn ở Nam-định vào tháng 12 năm 1945 rồi diễn ở Nhà Hát Lớn Hà-nội vào tháng hai năm 1946. Nhưng vở kịch thì mất luôn, chính tôi cũng không có một bản, vì bao nhiêu bản đánh máy, Thâm-Tâm và Trần Huyền Trân « ẵm » đi luôn.

BẰNG — Qua nhiều lần trò chuyện trước đây, tôi biết rằng trong bảy tập kịch thơ, anh có ý thích thú vở *« Vân Muội »* nhất. Tôi có thể biết tại sao không ?

CHƯƠNG — Ờ, có lẽ thế thực. Tôi nghiêng về tập kịch thơ *« Vân Muội »*. Tại sao ? Tôi cũng không biết rõ. Nhưng tôi nhận thấy rằng tôi dụng công nhiều nhất và tôi cũng gửi gắm tâm sự của tôi vào trong đó khá nhiều.

BẰNG — Có người nói rằng anh đã mượn cốt truyện ấy để nói lên một cách thầm kín mối tình đầu của anh, chuyện đó có đúng không ?

CHƯƠNG — Có lẽ đúng mà có lẽ không đúng. Trước hết, phải biết qua cốt truyện đó ra sao đã. Anh có nhớ cốt truyện ra sao không nhỉ ? Có nhiều tình tiết, sự việc không nói lên được ở trong vở kịch. Hôm nay nhân trời mưa, anh ngồi lại đây, ta tán nhảm với nhau chơi.

BẰNG — Muốn tán nhảm, tôi tán nhảm trước. Theo tôi, trong kịch *« Vân Muội »* anh có một ý muốn nêu lên một luận đề và một triết lý kiểu Đông phương. Triết lý ấy là không có gì thực, không có gì hư, cái hư trong cái thực, cái thực trong cái hư, cũng như trong con người luôn luôn có thiên thần và quỷ sứ.

CHƯƠNG (Gật đầu, cười không nói).

BẰNG — Anh vừa nói có nhiều tình tiết và sự việc không thể nói ra trong vở kịch. Bây giờ tôi thử nói về luận đề cuốn *« Vân Muội »*, theo ý nghĩ của tôi xem có đúng với ý anh hay không nhé. Đúng thì nói mà sai cũng nói, kẻo sau này anh « hai năm mươi » rồi, có người tán lầm, mỗi lúc anh bật áo quan ngồi dậy để cãi lộn sao ?

Theo tôi thấy, kịch *« Vân Muội »* là một thứ truyện Tú Uyên tân thời. Ở giữa lòng câu chuyện là một người đẹp hiện từ trong một bức tranh ra, nhưng bố cục của *« Vân Muội »* có vẻ thần bí hơn.

Hoàng Lang, nhà nghệ sĩ và Vân Muội không hề quen biết nhau bao giờ. Một ngày hội mùa xuân, tình cờ họ gặp nhau, một người đi lên, một người đi xuống — gặp nhau nhưng tuyệt nhiên không trò truyện hay gởi tình qua đầu mày cuối mắt với nhau. Bề ngoài như thế. Nhưng bên trong, không ai biết Hoàng Lang có để ý đến Vân Muội hay không ; trái lại, Vân Muội lại nghĩ

rằng Hoàng Lang yêu mình, có tình ý với mình. Về đến nhà, Vân Muội bâng khuâng tưởng nhớ và đêm đêm lại ngồi ở cửa sổ đợi chờ — đợi chờ một người thương không bao giờ đến.

Rồi Vân Muội ốm tương tư. *Duyên kia ai đợi mà chờ, tình kia ai tưởng mà tơ tưởng tình.* Và nàng héo hắt đi rồi chết vào một đêm thu lạnh.

Vân Muội sống với một người anh. Cha mẹ chết cả rồi. Nàng giấu giếm mối tình vô vọng ấy, không cho anh biết, nhưng đến lúc biết rằng mình không thể nào sống được nữa, nàng đem câu chuyện thương yêu Hoàng Lang thú thực với người anh và nhờ anh, một khi nàng chết đi rồi, thì đem ít đồ vật còn lại của nàng như gương, lược, gối thêu trao lại cho Hoàng Lang xóm dưới.

Còn Hoàng Lang ? Chàng vẫn sống thản nhiên, không hay biết gì cả. Chàng ở chung với một họa sĩ tên là Vương Sinh. Sinh lớn tuổi hơn Hoàng Lang chút ít, quen thói giang hồ, thường la cà đi khắp đó đây. Có một hôm Sinh đã vào nhà Vân Muội. Thấy Vân Muội có một vẻ đẹp lạ kỳ, huyền diệu, Sinh để ý, và đem bút giấy lại vẽ hình « cô gái làng trên ». Người ở trong tranh linh động như người thật. Nhưng vẽ mặt xong rồi, đến lúc vẽ quần áo Sinh cảm thấy cái khăn vuông mỏ quạ, cái thắt lưng nhiều tam giang và mảnh áo tứ thân không phù hợp với cái sắc đẹp nứt đá tan vàng đó nên Vương Sinh đã khoác cho nàng một bộ xiêm y màu đào dải tiá trông y như tiên nữ trên trời. Vương Sinh đem bức ảnh treo ở nhà. Hoàng Lang khen đẹp, nhưng không hỏi gì hơn nữa.

Nói về Vân Muội chết đi hồi nửa đêm, hồn bay lưởng vưởng trên trời. Đến nhà Hoàng Lang, thấy bức tranh, hồn nhập vào tranh đó.

CHƯƠNG — Tôi nhấn vào chỗ này. Theo thần học, hồn người ta lúc chết không siêu thoát ngay nhưng còn phảng phất đó đây trong một thời gian. Vì thế ta mới có cái tục đặt lên quan tài người chết bát cơm quả trứng, lấy cớ hồn ấy chưa tan vẫn còn quanh quất để ăn uống như khi còn sống.

BẰNG — Tôi cũng tin như thế. Tại sao vậy ? Là vì từ thuở nhỏ ông bà cha mẹ tôi tin như thế, dù bây giờ muốn tẩy não cách nào tôi cũng không thể bảo là không có linh hồn và chết đi là hết.

Vậy, hồn Vân Muội nhập vào bức tranh. Nàng là một gái quê nhưng vì bức tranh vẽ nàng vận xiêm y như tiên nga trên trời nên Vân Muội hóa ra một tiên nga — mà chính nàng có lẽ không biết thế. Mà hình như chính nàng cũng không biết là mình đã chết cho nên nàng cứ nói chuyện như người sống.

Em đây mà, Hoàng Lang, Hoàng Lang ơi,
. . . Em đây mà! Kìa sao anh ngơ ngác,
Anh nhìn em? Ồ cái nhìn kinh ngạc,
Làm như em xa lạ lắm không bằng!
... Ồ lạ thực! Anh Hoàng đã quên em rồi đó chắc?
Em đây mà, Vân Muội ở làng trên!

Trong khi ấy Hoàng Lang nghĩ đến chuyện tiền kiếp, luân hồi:

Em đây mà! Ta có lầm sao được,
Chính cô gái đa tình muôn kiếp trước,
Ta chờ em, mong đợi mãi, lâu rồi!
Chính là em! Nghìn thu cũ xa xôi!
. . . .
Ồ Hoàng Lang! Anh điên rồi đó chắc?
Anh nói gì tiền kiếp với tiền duyên?
Em đây mà, Vân Muội ở làng trên.

Tiếng gà văng vẳng ở xa. Âm suy, dương thịnh, Vân Muội biến mất và Hoàng Lang cũng không biết biến đi đâu, biến về phương hướng nào.

Trong khi mê hoảng, Hoàng Lang thấy chiếc hài, cầm lên chắt chiu trong tay.

Mà đây nữa chiếc hài tơ nhỏ nhẹ,
Rành rành đây, cánh phượng gấm thêm hoa.

Rồi Hoàng Lang gục xuống ngủ. Đến sáng bạch, Vương Sinh về, Hoàng Lang kể lại câu chuyện gặp tiên thì Vương Sinh cười và không tin. Hoàng Lang muốn trưng bằng cớ, đi lấy chiếc hài thêu ra khoe thì chiếc hài không còn nữa. Hoàng Lang hỏi đến người trong tranh, Vương Sinh cho biết đó là Vân Muội, cô gái ở làng trên. Vương Sinh dẫn Hoàng Lang đi đến nhà Vân Muội thì người anh cho biết là nàng đã chết hồi đêm, rồi đem các kỷ vật của Vân Muội đưa cho Hoàng Lang.

Đêm hôm sau, Hoàng Lang lại ngồi trước bức tranh, dở các kỷ vật ra coi, hy vọng rằng hồn Vân Muội lại trở về bức tranh như đêm trước, nhưng vô ích.

Em đã chết, thôi rồi Vân Muội,
Còn nói chi rằng nối tiền duyên.
Đành thôi ngàn kiếp ly uyên,
Luân hồi, đây vẫn còn nguyên hận tình

CHƯƠNG — Xin ngắt lời. Đây cũng là một điểm về thần học nữa. Hồn của Vân Muội đêm ấy không nhập vào bức tranh nữa là vì khi nào người chết đi mà mang khối hận đi theo thì hồn không thể nào tan đi được, nhưng một khi hồn đã tan rồi thì hồn không hiện nữa. Nói riêng về trường hợp Vân Muội, nàng hận là chết mà không nói được lên mối tình với Hoàng Lang ; nay nàng đã trút được cái hận trong lòng với chính chàng rồi, nàng không còn hận nữa nên hồn không hiện lên như đêm trước.

BẰNG — Hoàng Lang dở từng kỷ vật ra coi :

Lại còn đây nửa vuông khăn,
Gói bông hoa huệ trắng ngần làm ghi.
Hoa chưa héo còn y hương sắc,
Lụa nõn thơm càng nhắc màu da.
Cõi âm mù mịt nẻo xa,
Lung linh dáng lụa hồn hoa chập chờn.

. . . Và đây nữa chiếc gương nàng vẫn dắt,
Mang trong mình cho tới lúc lâm chung
Nhường đâu đây còn chìm đọng hoa dung.

Hoàng Lang, tay cầm chiếc gương, lùi lại phía bức tranh, chợt thấy Vân Muội hiện ra trong gương. Đó là cái bóng của Vân Muội ở trong bức tranh phản ảnh xuống gương. Hoàng Lang không còn biết đâu là thực, đâu là hư, đâu là chân, đâu là giả... mê đi, ôm ghì lấy bức tranh, giựt xuống và có lẽ đến khi tỉnh dậy chàng vẫn chưa biết là hình Vân Muội trong gương là phản ảnh của bức tranh treo trên tường.

Đó, theo tôi, dụng ý khi anh làm chủ đề kịch thơ *« Vân Muội »* là như thế. Chẳng biết có đúng hay không ?

CHƯƠNG — Có lẽ đúng. Ờ, hình như lúc tôi viết, tôi cũng có cái ý nghĩ như vậy, nhưng không biết tôi có đạt được ý của tôi không ?

BẰNG — Vấn đề đó không phải do anh hay do tôi kết luận. Tôi thiết nghĩ nên để phần đó cho độc giả và khán giả của anh. Nhưng còn một điều tôi muốn tò mò hỏi thêm : có phải anh dựng vở kịch thơ « *Vân Muội* » không phải chỉ để đi đến một mục tiêu mà còn vì một tâm sự khác ?

CHƯƠNG — Tâm sự gì ? Anh nói tôi không hiểu.

BẰNG — Trong thi tập của anh có mười cuốn thì có tới năm sáu có đăng những bài thơ *Mây*. Vân là Mây ; Vân Muội, hiểu theo tôi là người em gái tên là Vân. Tôi ghi thấy nhiều chỗ gọi tên Vân — và chỉ có chữ Vân không thôi, như :

Trời ơi, mình hoa mắt rồi chăng ?
Chính là Vân ! Còn vô lý nào bằng !

— Ôi độc ác là Vân ! Tàn nhẫn quá !
— Thì chính đó tên người trong bức họa.
— Cô Vân ?
— Ừ, Vân Muội, gái làng trên !

Cô Vân, người vẽ trong tranh.
Ở gần đây, túp lều tranh cách làng.

Em Vân rồi, em Vân Muội của anh !

Có phải lúc dựng lên « *Vân Muội* » đem cho vai chính cái tên Vân, anh đã bị thắc mắc, dầy vò, và say đắm vì một người đẹp tên là Tố Vân không ?

CHƯƠNG — Tố Vân. Tố Vân. Đúng, nhưng mà thôi, đừng nói nữa...

Chao ôi ! Hoa chúc động phòng
Giờ đây u hiển riêng lòng héo hon.

BẰNG — Tố Vân có chết đâu ?

CHƯƠNG —

Không, anh ạ! Tôi trách người thiếu nữ,
Đã hiện lên rồi còn nỡ biến đi.
Như trêu tôi, đùa cợt gã tình si,
Ôi độc ác là Vân! Tàn nhẫn quá.

BẰNG — Anh Chương, tôi vừa nói trong 10 thi phẩm và 7 kịch thơ của anh đầy rẫy hình ảnh Tố Vân. Nếu anh có một tên tuổi trong làng thi ca ở quốc nội và quốc tế bây giờ, có lẽ một phần cũng là nhờ « người ấy ».

Như ở truyện Liêu Trai, nàng chợt hiện,
Như một gái Hồ Ly, nàng chợt biến,
Trong phòng đây. Chính ở chỗ này đây.

Đời là hư mà là thực, là hôn nhân của cái giả với cái chân, anh đã biết thế rồi đấy chứ? Buồn làm gì, mà chỉ nên cảm tạ trời thôi...

Còn nghệ sĩ, họ say cùng lý tưởng
Chỉ nâng niu tài của họ mà thôi.
Mộng bình sinh là dâng hiến cho đời
Những hoa quý nở trong vườn Nghệ Thuật.
Đời ghét hay yêu, họ cười hay khóc
Có bao giờ họ lưu ý gì đâu! (1)

VŨ BẰNG

---

(1) Nguyên văn thơ của Chương như sau :

Đời ghét hay yêu, họ còn hay mất
Có bao giờ họ lưu ý gì đâu!

LƯU Ý ĐỘC GIẢ TẠI ĐÀ-LẠT :

NHÂN-VĂN

số 72, Duy Tân, Đà-lạt

nơi đầy đủ các tác phẩm văn nghệ

DƯƠNG-THIỆU MỤC

Hắn

Lần đầu tiên, tôi gặp Hắn tại nhà riêng anh Ng. đ. L. (vào năm 1942), chủ nhiệm nhứt báo *Tin Mai*, tòa soạn đặt sau phố Chợ Hôm, Hà-nội.

Vừa bước chân vào cửa, tôi đã trông thấy một gã nho sinh đang ngất ngưởng ngồi trên chiếc ghế bành đen bóng. Tôi ngỡ ngàng trước cái lối phục sức dị kỳ của Hắn : mình mặc áo gấm trần, đầu không khan, chân mang guốc. Trông mặt gã vừa có vẻ kiêu hãnh, cao kỳ, vừa có vẻ ngây thơ, chất phác. Tôi chưa kịp tiến lại b it tay anh Lộc thì Hắn đã hồn nhiên hướng về phía tôi, vừa cười vừa nói : « À, Cáp Tô Văn. Ta nghe danh « nhà ngươi » đã lâu, hôm nay, không biết cơn gió nào khéo thổi, đưa « nhà ngươi » đến gặp ta đây ? ». Trước cử chỉ sỗ sàng này, tôi không khỏi không « nổi máu nóng », và nhất là khi thấy Hắn kêu tới hỗn danh tôi, cái hỗn danh mà anh em bè bạn đã tặng tôi sau những trận « tiếu ngạo giang hồ », cuộc vui đầy sáng, trận cười thâu đêm. Tôi vừa toan tỏ thái độ với Hắn, thì anh Lộc đã tươi cười đứng dậy giới thiệu Hắn với tôi. Vừa nghe tên Hắn, tự nhiên sự nóng giận của tôi tan biến, tôi tiến lại xiết chặt bàn tay Hắn, rồi kéo ghế ngồi. À, ra Hắn là một nhà thơ. Với tôi, tuy chưa có dịp gặp gỡ thân mật, nhưng cả hai đã biết tiếng nhau, vì đã có chung một số bạn. Hơn nữa, gia đình Hắn và gia đình tôi đều

là chỗ nho phong, thanh khí, nên khi gặp Hắn, tự nhiên tôi thấy quý mến Hắn ngay.

Vốn sẵn máu bốc đồng, lại thêm kẻ lãng tử hay « vương sầu vạn cổ » nặng nợ trúc ty, thế là ngay tối hôm ấy, lũ chúng tôi đã là thượng khách của căn gác nhà Dì Năm, dưới xóm Khâm-thiên, một căn gác mà bọn nhà văn, nhà báo và bọn bán trời không văn tự thường đêm đêm lui tới để thưởng thức « tiếng oanh vàng » của người nữ danh ca nổi tiếng một thời, đã được tặng phong tước hiệu Ngũ Di.

Bây giờ mới đến chầu xâm-banh để gây thêm hào hứng. Đồng thời, cũng phía bên kia, trên chiếc xập gụ chân quỳ cổ kính, Dì Năm, với hai bàn tay xanh gầy, nhỏ nhắn, vớ lấy cỗ phách, nhẹ nhàng reo tiếng ròn tan. Anh kép, đương lim dim cặp mắt, cũng ôm đàn, so dây, nắn phím, chỉ chờ tiếng chầu nổi dậy, là bài hát nói được giọng oanh vàng thỏ thẻ, véo von.

Hắn chưa phải là tay « thượng thừa » về môn đả cổ (đánh trống chầu). Nhưng nhờ được khiếu thẩm âm, và cái phong thái của kẻ giang hồ lão luyện, Hắn đã tỏ ra là người sành sỏi thưởng thức giọng hát, cung đàn, và nhất là cái hay của điệu hát Tỳ Bà, Cung Bắc.

Tiếng hát trong canh trường tịch mịch càng thêm ai oán, não nùng. Khách nằm thưởng thức như ru hồn trong cõi mộng, chập chờn nửa tỉnh, nửa say.

Hắn vẫn nằm dài trên chiếc chiếu hoa trải vuông vắn giữa sàn nhà, hai mắt thả theo khói thuốc quyện bay, tỏa khắp gian phòng ấm cúng. Bóng người ca sỹ, bóng ả phù dung, bóng chàng thơ Lý Bạch, tất cả điều hiện hình, hỗn độn, quay cuồng.

Thì giờ cứ lặng lẽ trôi qua, hết phút này, sang phút khác...

Bỗng... một tiếng khàn khàn từ dưới chiếu vang lên, làm tôi chú ý : « Uống, uống, uống để ban khen cho đào, cho kép, và đặc biệt cho nghệ thuật đả cổ của Cáp Tô Văn, quả là bất phụ kỳ danh. À, mà ta còn nghe nói « nhà ngươi » ngâm thơ cũng vào bậc khá, vậy thì bài thơ « Say » của ta, nhà ngươi còn chờ gì mà không lên tiếng ngâm cho « quả nhân » nghe ? Thế có « giết người » không ? Giữa lúc trong người đang nồng nặc những rượu, túy lúy càn khôn, mà Hắn lại bắt mình ngâm nga thơ phú, thì quả là

một điều nan giải, biết tính sao đây ? Thôi thì cũng đành chiều Hắn, con người Thơ, Rượu, suốt đời chỉ sống với rượu với thơ, chẳng lẽ lại để Hắn vì mình cụt hứng ? Thế là tôi đành cất tiếng ngâm vang, bất chấp dở, hay, mà cũng chẳng cần đếm xỉa gì đến con người tài nghệ có thừa, đang lù lù ngồi trước mặt tôi (Dì Năm). Ấy thế mà cũng không « đến nỗi nào », nhờ được giọng « thiên phú » và một phần nhờ có tửu hứng cũng nên. Hắn khoái quá, vỗ đùi đen đét, khen lấy, khen để, rồi còn cao hứng, ban thưởng cho tôi « ba củ », làm tôi khó chịu hàng giờ không hết.

Rồi, đêm cứ xuống dần, tàn dần...

•

Thời thế đổi thay, rồi Hà-nội nổi cơn khói lửa. Hắn thì chạy ra hậu phương, còn tôi, tìm về quê nhà, lánh nạn. Cho mãi đến năm 1950, tôi mới lại có dịp trùng phùng, khi hắn « thiết lập bản doanh » tại phố Hàng Bún, kế cạnh vườn hoa Hàng Đậu. Trong con người tài hoa, nghệ sỹ này, tôi đã nhận thấy có chút đổi thay, khác lạ. Cái khuynh hướng « Khổng Mạnh » ở Hắn dường như đã trở nên sâu đậm hơn, cả về phong thái cũng như trong tư tưởng của một thi nhân lãng mạn này, một thi nhân trước kia, đã từng sống trong mộng... tưởng quá nhiều. Đồng thời, ở vào cái tuổi « về già » này, tính tình Hắn cũng thấy khoáng đạt thêm.

Cuộc di cư vĩ đại của một triệu đồng bào miền Bắc, do hiệp định Genève đưa đến, tôi lại tái ngộ Hắn ở miền Nam hai mùa mưa nắng này. Hắn đã già đi nhiều, gầy khô nhiều, nhưng đôi mắt vẫn sáng ngời, đủ tỏ tinh thần Hắn còn mãnh liệt như thường.

Những sáng tác về văn nghệ của Hắn từ trước tới giờ, nhất là những vần thơ du dương, trau chuốt, đã có biết bao người say mê, tán thưởng, nay dù tôi có đem ra « mổ xẻ » chăng nữa, tưởng cũng bằng thừa. Ở đây, tôi chỉ xin nhắc đến một chuyện, một chuyện sáu năm về trước, giữa lúc màng lưới mật vụ đang giăng tỏa khắp nơi để canh chừng những kẻ tham gia cuộc đấu tranh của Phật-giáo, thì Hắn — một gã văn nhận trói gà không nổi, một

dúm xương da không đủ sức chịu đựng nửa trận đòn — đã dám ngang nhiên cầm bút chống lại bạo quyền. Đó là bài « Lửa Từ Bi », một bài thơ đã đưa tên tuổi Hắn vào trong lịch sử sau này.

Và rồi, một cuộc biển dâu biến đổi, tạo cơ hội xuất đầu, lộ diện cho một số người ham danh, chuộng lợi, xuống chó lên voi, thì trong khi ấy, người nghệ sỹ gầy ốm kia, vẫn âm thầm sống cảnh muối dưa đạm bạc, ngày hai buổi, xách chiếc cập da cũ kỹ, tới trường làm nghề gõ đầu lũ trẻ.

« Hắn » ! Tức là thi sĩ Vũ Hoàng Chương còn sống nhăn đó !

DƯƠNG-THIỆU MỰC

ĐÓN COI :

TIẾNG HÁT LÊN TRỜI

- Tác phẩm mới nhất của NGUYỄN-THỊ HOÀNG
- XUÂN-HƯƠNG xuất bản.
- ĐỒNG-NAI tổng-phát-hành.

ĐOÀN THÊM

đọc lại thơ Vũ Hoàng Chương

Từ 1940 tới 1963, thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã xuất bản hoặc tái bản tất cả 10 tập thơ và kịch văn vần (1).

Những bài phê bình về mỗi cuốn của ông, dù ca ngợi hay chê trách, đã chiếm nhiều trang báo chí, nhất là trong những năm gần đây.

Tuy nhiên, vẫn thiếu những nhận xét tổng quát về một nhà thơ đã có dĩ vãng dài một phần tư thế kỷ, với chồng thi phẩm xếp dày quá nửa gang tay.

Theo dõi bước tiến của Vũ quân trên đường sáng tác, từng tập, từng bài, và cả từng câu, với lòng thành của kẻ yêu thơ, tôi

(1) *Thơ Say* 1940, *Mây* 1943, *Rừng Phong* 1954, *Hoa Đăng* 1959, *Cảm Thông* 1960, *Tâm tình người đẹp* 1962, *Trời một phương* 1963, *Thi tuyển* 1963 — Kịch thơ : *Trương-Chi, Hồng-Diệp* 1944, *Tâm sự kẻ sang Tần* 1961, *Vân Muội*. Sắp in : *Cuội, Cô gái Ma.*

đã lâu dần tìm hiểu một tâm hồn thi hữu và tìm đẹp ở một nghệ thuật trau giồi 25 năm nay.

Chính Vũ quân thừa rõ tôi đọc như thế nào những cuốn sách mà bạn đã tặng : vạch dấu chì xanh khi thấy có thắc mắc, khuyên đỏ nếu cho là hay, rồi đọc lại nhiều lần cách quãng vài tháng hay vài năm, vì biết mình hay đổi ý, chỉ đọc trong những giờ phút thư thái để khỏi xét đoán vội vàng, ngâm lên để cân nhắc âm thanh cùng nhịp điệu, ghi cảm tưởng vào trang giấy ghép trước mỗi bài.

Như vậy, đáng lẽ tôi phải viết từ lâu về thi phẩm Vũ quân. Nhưng cũng làm thơ, phải cùng đứng trong hàng bị cáo trước công luận, tôi ngần ngại bao phen, chẳng dám khoác áo quan tòa. Nhà thơ xét nhà thơ, dễ mắc thông bệnh đem mình làm tiêu chuẩn, hợp với đường lối của mình thì khen, trái với đường lối của mình thì chê : tôi thú thực cũng không tránh khỏi, khi đọc lần đầu, với phản ứng tự nhiên. Nên phải đợi một thời gian, để nghiền ngẫm cho lý trí ôn hòa soi sáng và lắng dịu tình cảm.

Vả chăng, căn cứ vào dăm bài hoặc một cuốn mà nhận định về một tác giả có nhiều thành tích, thì hay lạc vào chi tiết và dễ tưởng lầm : một bài in riêng, thoạt xem thấy thích, nhưng nếu đặt giữa một tập hay toàn tập, thì có khi bài đó lại bị giảm giá vì chỉ lặp lại những lời mà tác giả đã nói nhiều lần, một sự tối kỵ vì thiếu sáng tạo.

Vướng duyên tiền kiếp với nàng thơ, Vũ quân sẽ còn tiếp tục cho ra đời nhiều vần điệu nữa. Song số sách đã in với công phu sáng tác mà chưa mấy bạn theo kịp, cũng đáng được người ưa đọc chú trọng đặc biệt. Bởi thế, xin thử tổng hợp vào mấy trang này, những cảm tưởng cùng những suy tư mà tác phẩm Vũ Hoàng Chương đã gợi.

Con người Vũ quân

Nhiều nhà nghiên cứu thường xét tỉ mỉ đời tư các tác giả để dò nguồn gốc tác phẩm, hoặc ảnh hưởng của thân thế vào sự nghiệp văn chương.

Phương pháp đó rất có ích cho nhà tâm lý học muốn khám phá các bí quyết sáng tác, cho nhà sư phạm chứng minh dẫn giảng văn học, đồng thời cũng thỏa mãn tính tò mò của độc giả.

Bởi vậy, người ta đã thuộc tích Đường Minh Hoàng lấy long bào lau cho Lý Bạch khi nôn mửa vì say rượu, đã biết rõ thi sĩ Musset và nữ sĩ Georges Sand yêu nhau và phụ nhau ra sao... Người ta còn viết nhiều sách về chuyện đó.

Hơn nữa, nhiều nhà văn nhà thơ lại dùng mọi cách để phô cảnh riêng, nào viết nhật ký phân trần cùng hậu thế, nào thổ lộ với các phóng viên nhà báo để cấp những tài liệu sống cho góp thành những loại sách tự thuật: như « Nhà Thơ Cocteau tự nhận xét », « Nhà Văn Maurois tự nhận xét » (Cocteau par lui-même, Maurois par lui-même).

Song về phương diện thưởng thức và sáng tác, tôi thấy không cần xoi mói hoặc phơi bày như trên. Khi ngắm một trái cây đẹp khác thường, nhà nông học hay thực vật học tự hỏi nhờ những điều kiện trồng trọt bón xới hay mưa nắng thế nào mà chín bừng nở lớn ?

Trái lại, đứng trước một kết quả đẹp, tôi hưởng thú, xúc cảnh sinh tình, hà tất băn khoăn về những nguyên nhân thuộc phạm vi khoa học ? Đọc bài thơ hay, tôi ngâm nga, mơ mộng, tán thưởng về điểm này câu khác, chẳng cần và chẳng muốn biết vì gặp trường hợp nào, vui buồn trong thực tế ra sao mà tác giả viết được như vậy.

Nên con người Vũ Hoàng Chương mà tôi thăm hỏi ở đây, không phải là cá nhân đã học ở đâu, đã làm nghề gì, nhưng là con người hiện ra qua những lời những điệu mà tôi quen thuộc, với những mê ly và chán chường của *Say* và *Mây*, những giọng vang vang trong *Tâm sự kẻ sang Tần*, những dáng vẻ trau chuốt thấp thoáng trên toàn thể tác phẩm.

Truyện tình đã kể, nỗi thất vọng trên đường đời... dù thật hay không đúng hẳn cũng chẳng hề chi, miễn là cho thi sĩ những dịp, những cớ, để thơ tung cánh, thả nguồn, hay lặng lẽ trôi về xứ mộng.

Những tình, những cảnh, những ý trong tác phẩm vẽ ra một hình ảnh thi nhân mà tác giả muốn thể hiện hoặc phác họa

cho hợp với sở cầu : nếu nó không phản chiếu trung thực con người xã hội, nó cũng phơi bóng dáng con người lý tưởng mà nhà thơ mong ước tạo thành.

Nói một cách khác, Vũ quân mà tôi muốn biết không phải là người dạy học và ngụ ở đường Phan Thanh Giản, mà chỉ là người trong thơ.

●

Thi nhân sinh trưởng giữa thời ngoại thuộc, trong một gia đình có nền nếp Nho giáo : tuy theo đòi Tây học, ông biết làm thơ chữ Hán, chịu ảnh hưởng những lớp đàn anh ưa ngâm vịnh quen thuộc tiết điệu phong thái và cả quan niệm nhân sinh của các thi bá Thịnh Đường :

Hồn cũ Thịnh Đường muôn nẻo sáng

(Chân hứng — *Thơ Say*)

Đương tuổi thanh niên, thuộc lớp người biết mình thông minh và tân tiến, ông cũng nuôi những ước vọng hào hùng, và chờ đợi một sự nghiệp gì rực rỡ. Nhưng đất nước đương bị người ngoài thống trị, vẫy vùng sao được, có miệt mài sách vở thì cũng đến nép mình chịu lụy đồng lương. Phá ngang để giữ lại đôi chút tự do, thì « công danh » lỡ dở, tìm khuây trong cuộc truy hoan thì bị

Thiên hạ chê bai hề lạc nẻo sang giàu

Nếu ở thời cổ, rất có thể ông đã lui chân về chốn lâm tuyền sống đời ẩn dật,

Ôi lòng ta khao khát tới Đào Nguyên
Hỡi xứ thanh tao, thế giới hư huyền
Xin thu lấy một linh hồn trốn xác

(Đào Nguyên lạc lối — *Mây*)

song những điều kiện sinh hoạt thời nay không cho phép theo gót người xưa, mặc dầu hoàn cảnh không thuận tiện cho sự thi thố tài năng

Thanh gươm quyết tử mài chưa bén
Ngọn bút mưu sinh giá cũng hời

(Ngẫu cảm — *Rừng Phong*)

Tiến lùi ngại bước, ông đành đứng bên lề một xã hội quá tầm thường nên thiếu cảm thông, và ngậm ngùi cùng một vài người đồng cảnh :

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh
. . . .
Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ
Một đôi người u uất nỗi chơ vơ

(Phương xa — *Thơ Say*)

Đã có người lên tiếng trách Vũ quân thiếu tinh thần tranh đấu và chỉ khéo làm phát ngôn viên cho một thế hệ ủy mị : nhưng trách như thế, là xét theo phương diện chính trị hoặc đạo đức, còn ở lãnh vực nghệ thuật, tôi chỉ cần nhận chân một trạng huống, và xem trạng huống đó có đủ sức rung động cho nhà thơ thốt ra những lời chi gợi cảm.

Dù sao, nỗi chán chường pha cay đắng đã nhóm màu ảm đạm cho những ngày tháng buông trôi, hình như không phải là đặc điểm của lớp người vào trạc Vũ quân hồi 30 tuổi : tâm trạng đó là của nhiều hạng người bất đắc chí ở những thời trước nữa, khi mộng vinh hoa cổ điển không thành ; đọc những câu sau đây, tôi có cảm tưởng là nghe tiếng than vãn của những nhà Nho lỡ mất bảng vàng, cờ biển, cân đai, chớ không phải là của một cựu sinh viên trường Luật Hà-nội năm 1937 :

Gió lạnh đưa vèo
Khoa danh *trên gối rụng tàn theo*
Gối vải mộng công hầu
Vàng son *mờ gác xép*

(Đời tàn ngõ hẹp — *Mây*)

Sự nghiệp *nào đâu trưa nắng xế*
Một ván cờ *thua ngả bóng chiều*

(Ngoài ba mươi tuổi — *Mây*)

Mải mê theo sự nghiệp
Quá trớn lỡ giàu sang
. . . .
Bảo giùm ta gối hời chăn hời
Phương nào sự nghiệp

(Tâm sự một người — *Hoa Đăng*)

Trường hận của Vũ quân còn dai dẳng và ám ảnh mãi, dù khi tác giả biến thành Hoàng Lang trong kịch Vân Muội :

Ba mươi năm trên vai hề trống không bình sinh
Gối vải mộng phong hầu
Vinh quang *đường lối khép*

Cùng một thế hệ với Vũ quân, tôi thắc mắc tự hỏi : không lẽ một chàng trai thế kỷ XX mà cứ đeo đẳng nhân sinh quan của một Nguyễn Công Trứ hay của ông Tú Vị-xuyên ? Thực ra, cùng lớp với chúng tôi, có những người mạnh mẽ hướng vào đường cách mạng, hoặc chú trọng đến những vấn đề tiến hóa của thời đại, hoặc nếu có những tâm hồn lãng mạn như Xuân Diệu, Huy Cận, Huy Thông... thì phần đông cũng thiết thực ít ai băn khoăn đến hư danh cùng mộng phù hoa của nhiều thư sinh thuở trước.

Có lẽ Vũ quân quá mến thời cổ, nên mượn lời người xưa mà tả nỗi mình. Song chính nỗi đó lại khác ? Những nguyện ước của Vũ quân như thế nào, tôi không biết đích, mà có lẽ cả Vũ quân hồi đó cũng chưa có ý thức rõ rệt : chỉ cảm thấy ông nuôi một chí lớn, « phải có danh gì với núi sông » như Uy-Viễn Tướng-công, với những « tang bồng hồ thỉ », những « vũ trụ chức phận nội »...

Một chứng cớ gián tiếp, là về sau này Vũ quân hay ca ngợi anh hùng hào kiệt : thói thường, hễ chính mình đạt được chí lớn, tất không cần nói ra ; nhưng nếu không, thì hay đem mơ ước của mình gửi vào danh nhân là những người thể hiện giúp mình, thay mình, những mơ ước đó. Cảm phục danh nhân, tức là cũng muốn noi gương, ít ra trong lý tưởng.

Vũ quân không phải là con người đấu tranh, nhưng phục cuộc đời tranh đấu vì chính nghĩa, dù tranh đấu ấy đưa tới thất bại như của Kinh Kha, Phạm Hồng Thái, Hai Bà Trưng, hay đến chiến thắng như của Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ. Riêng tập *Hoa Đàng* đã có tới 10 bài vịnh Sử.

Những thất bại và nỗi chua xót vì lỡ thời, hợp hơn với tâm trạng Vũ quân, dù sao cũng xúc động mạnh hơn, khiến nhà thơ dễ buông lời áo não :

Thẹn nỗi mình thêm hờn nỗi nước.

(Đá ngủ bên thềm — *Hoa Đàng*)

Ngàn xưa khói sóng hận chưa vơi
Những kẻ thi gan với chữ Thời

(Tâm sự kẻ sang Tần)

Và tâm sự kẻ sang Tần chắc hẳn là tấm lòng Vũ quân, vì Kinh Kha bên sông Dịch, cũng chỉ nói lại những niềm riêng của Vũ Hoàng Chương :

Nửa đời luân lạc buồn thay
Trai thời loạn vẫn trắng tay cơ đồ

. . . .

Chỉ mang nặng một tấm lòng u uất
Ba mươi năm dây dó kiếp bèo trôi

Khi đã nhận thức một cảnh tình như vậy, thường chỉ có một trong hai phản ứng : hoặc đem nghị lực chống chọi để đạt mục đích, hoặc không đủ sức chịu đựng thì tìm cách thoát ly, quên bớt những u hoài nặng trĩu trong những khoái lạc chốc lát, men rượu, khói thuốc hoặc đàn bà : dễ lắm, khi còn ở tuổi ba mươi, giữa một thời rỗng không lý tưởng nhưng đầy thú yên hoa...

Khúc nhạc hồng êm ái
Điệu kèn biếc quay cuồng
Một trời phấn hương
Đôi người gió sương...

(Mời say — *Thơ Say*)

Hết tiệm nhảy đến lầu ca, với những nàng bán duyên trong nhịp đàn lơi lả, nhưng mua vui bất quá một đêm cuồng :

Rượu dâng nồng dây son phấn mười phương
Khói lên biếc và dây hồn tứ xứ
Trên cánh nhạc dê mê chàng hãy ngự
Đàn tơ mây theo phách gỗ trầm hương

'(Dâng tình — *Mây*)

Rồi khi giấc say chợt tỉnh, thì sao khỏi chán mình trụy lạc, và càng nhận rõ hơn cuộc đời vô vị :

Về thôi với cuộc vui quần chúng
Tiệc yến phù hoa lộng lẫy xưa
Với những tình yêu đầy vật chất
Mê man giả dối xót thương vờ

(Hận rừng mai — *Say*)

Nên phải tìm lẽ sống ở một tình yêu thật hơn và đẹp hơn, cho nhà thơ đem gửi cả hồn lẫn xác, với tất cả sự khao khát và thiết tha của một cảm nàng mãnh liệt.

Thực ra, thi nhân đã tìm thấy khá lâu, từ mười năm trước, khi

Lòng đất bừng lên tiếp ý trời
Tuổi em mười sáu anh hai mươi
Say duyên còn khép duyên phong nhụy
Mở một Đào Nguyên giữa cuộc đời

(Tình thuở thanh bình — *Rừng Phong*)

Rồi thi nhân đã trải qua mọi nỗi vui buồn của một ái tình có thể gọi là điển hình cho cuộc yêu đương qua các giai đoạn tiến triển, từ thơ mộng đến sự thực phũ phàng, giữa hai tuổi trẻ say sưa.

Tôi đã mất khá lâu ngày giờ theo dõi câu chuyện diễm tình này, từ lúc yêu vừa chớm nở *(Yêu mà chẳng biết, Mây Suối về đâu)* khi Anh đón đợi Em sau buổi học để cùng nhau sánh vai dạo mát *(Phố cũ)* khi Em vờ giận *(Hờn giỗi)* lúc Anh âu yếm hay nổi ghen không cớ *(Giấc mơ tái tạo)*...

Nhưng theo lệ thường, một lệ thường rất ác, mộng đẹp thì dễ tan ; và như ở nhiều thiên lệ sử, Anh với Em phải xa nhau, Em đi lấy chồng *(Bức khăn mừng cưới)* Anh viết bài thơ vĩnh biệt *(Tiểu đăng khoa)* và rồi cũng phải lấy vợ để thấy chán chường bên người ngọc *(Tối tân hôn)*.

Đã tưởng ai đành phận ấy, khốn thay, quên sao được mối tình đầu ? Từ đó, nhớ nhung, thương tiếc, quằn quại, làm cho thi sĩ ê chề tê tái, thoảng ra bao nhiêu tiếng than và chảy ra bao nhiêu nước mắt ? Ròng rã mười lăm năm, bất cứ ở cảnh nào, một làn gió, một hình, một dáng có thể gợi lại ở Vũ quân

Một dĩ vãng đầy thơ và đẫm lệ

(Vườn tâm sự — *Thơ Say*)

Có lúc Anh tưởng đã khuây rồi *(Trăng gió lầu thơ)* lúc khác ngắm trăng, lại hồi tưởng và rên rỉ *(Thu có Nguyệt, Ý Đàn)*. Trên đường đời, có buổi hai người lại gặp nhau và chia sẻ một ái ân tạm bợ

Đã hẹn với em rồi không tưởng tiếc
Quãng đời xưa không than khóc gì đâu
Hãy buông lại gần đây làn tóc biếc
Sát gần đây gần nữa cặp môi nâu

(Quên — *Thơ Say*)

Rồi lại chia tay và Anh tiếp tục yêu Em trong mộng, để nhiều phen tự dối. Bực mình quá thì khóc « *Đời còn chi* », sau đó vẫn thấy « *Thiên đường lại mở* » và « *Nối giấc mơ tình* ». Song tới hồi gần đây, xem chừng với thời gian, đau thương đã dịu, và ở giờ phút ngảnh lại thời xưa, giọng Anh nghe bình tĩnh hơn, kỷ niệm bớt gây sóng gió nhưng được nhìn qua lý trí, và chỉ rớt lại dăm ba dáng vẻ êm đềm, mặc dầu

Gã thi nhân say xưa tìm viễn ảnh
Mấy trầm luân chưa lạnh một niềm yêu

(Múa khúc cung Hằng — *Rừng Phong*)

Tuy nhiên, tôi có cảm tưởng rằng Vũ quân yêu chẳng một người, mà nhiều người thì phải. Tố của Hoàng, rồi Kiều Thu, rồi lại Khanh của Hoàng ? Hay là một giai nhân được gán nhiều tên đẹp, cũng như một Vũ Hoàng Chương cũng là Hoàng Lang và Kinh Kha ? Chưa chắc lắm, vì nếu chỉ một nàng thôi, thì ai sang thuyền khác để thi sĩ bơ vơ, và ai sớm qua đời để thi nhân viếng mộ (*Bạc tình*) ?

Song nếu yêu nhiều người, thì càng giàu kinh nghiệm sống cho thơ, và cũng chẳng nên lấy làm lạ, ở một khách phong lưu đã tự định nghĩa gần như Chu Mạnh Trinh, là

Nòi si, cốt nhạc, giống đa tình

(Đêm Kỳ bút — *Rừng Phong*)

Có lẽ cũng đúng, vì Tình đã chiếm phần quan trọng trong thi phẩm Vũ quân : 20 bài trên 57 bài *Thơ Say* và *Mây*, 8/50 bài *Hoa Đăng*, 12/35 bài *Rừng Phong*, 8/42 bài *Tâm tình người đẹp*, 26/36 bài *Trời một phương*.

Một tâm tình, dù mạnh mẽ sâu xa tới mức nào, cũng phải cùng tuổi mà biến thể, nhất là khi được nói ra nhiều. Nhưng ở thời kỳ sôi nổi, nỗi đau xót của Vũ quân về sự nghiệp cũng như về ái tình, đã có hậu quả gì vào tinh thần ông ?

Vì phàm bị khổ, thì dễ đổi tính tình, nếp sống, hay ít ra là ý niệm về cuộc đời. Có người đương lành hóa ác, có người hối tiếc và tìm cách cải quá, hay lặn vào mình, để thương mình vì thấy mình quá đáng thương...

Vũ quân ở vào trường hợp thứ ba. Trong cô liêu — mà thi nhân nào chẳng cô đơn — ông tìm lời để trút nỗi lòng, những lời xứng đáng với mộng đã tan, với thần tượng mà ông say mê, với mối tình càng ngày càng đẹp khi càng xa trong sương mờ dĩ vãng.

Đã từng ngây ngất vì yêu, ông càng ngây ngất khi tìm nổi nhạc để ca ngợi yêu đương, tìm được nét màu để dệt nên bức tranh người tiên trong hoa cỏ ở những Bồng Lai liệt bóng:

Gợn trắng ngàn mai thoảng dáng xuân
Màu trinh e lệ gió ân cần
Mươi bông cúc nõn chờ tay với
Một chút hoa đào vương gót chân

(Dịu nhẹ — *Thơ Say*)

Vẽ ra trong luyến tiếc, ngắm lại thấy vừa lòng, nên đau thương cũng dịu trong hứng thú, và nếu vậy, thì tại sao dừng bút nơi đây, phải chia sẻ tình đẹp mộng đẹp của ta cho mọi người phải đem

thơ ném mười phương
tình trao thiên hạ

(Tâm sự một người — *Hoa Đăng*)

Chẳng biết thiên hạ nghĩ sao, nhưng kẻ viết bài này đã vui lòng theo ông vào mộng. Cõi mộng đó là những Lạc phố, Thiên Thai của Lưu Thần Nguyễn Triệu, động Đào Nguyên của người nhà Tấn, song được tô điểm bằng những hình ảnh rỡ ràng tương tự như của nhiều thi sĩ phương Tây, mà vẫn phảng phất bóng dáng phương Đông.

Chiều đã tím ở lưng chừng dãy núi
Sắc thu mờ lơ dãng dáng hoàng hôn
Suối quanh co bờ đá dựng cheo leo
Sườn bích lập nâng cao trần thạch nhũ

(Đào Nguyên lạc lối — *Mây*)

Trong non nước thần tiên của những nhà thơ thuở trước. Vũ quân từ mơ mộng của tâm hồn còn trẻ, bước dần tới suy tư của người gió sương ngán cảnh trần gian. Song Vũ quân đâu phải là nhà triết học? Nên triết lý của ông chỉ là di sản của Lão Trang, không phải Lão Trang khô khan hay vòi vọi, nhưng là Lão Trang hiểu qua các thi bá nhà Đường, lại được pha trộn với màu thiền cõi Phật, như của nhiều bậc tiên nho.

Đời là «giấc mộng» lớn, mọi sự đều «hư ảo», con người chịu «kiếp nghiệp» buộc ràng, trông thấy mọi sự «phế hưng» mà chán ngán, giữa «bến hoặc bờ mê» ta chẳng rõ chính thân ta là gì, chỉ biết nhận ra điều đó mà băn khoăn không dứt với một mối «sầu vạn cổ»...

Đọc Vũ quân, tôi thấy ông luôn luôn bị ám ảnh về những ý niệm sau đây: Luân hồi, tang thương, tang điền, trầm luân, tiền duyên, tiền sử, tiền kiếp, tiền thân, hóa thân, mộng Hồ điệp, phù sinh, thập nhị nhân duyên...; tôi đã nhặt ra những chữ đó trong hơn 40 bài nhưng không thể kể hết ở đây.

Chiếc bướm *phân thân hề* ba nghìn thế giới
Đầu cuối thời gian hề chớp mắt Trang Sinh
(Bài ca tận túy)

Lang thang từ dạo luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về
(Nguyện cầu)

Hội trầm luân *cùng ý thức huyền vi*
Người ơi, giọt bể chứa dư Tang điền
Dằng dặc trầm luân *mấy độ*
(Bài ca siêu thoát)

Tiền thân *nửa gối vườn mưa lá*
(Đậm nhạt)

Vạn thuở tiền thân *lòng vốn khép*
(Nhắn về thượng cổ)

Ta nhớ tiền thân *phảng lại ngỏ*
(Cảm thông)

Bể xanh rũ áo tang điền
(Bài ca dị hỏa)

Vẫn chưa ý gửi vào thơ được
Mà đã dâu toan hóa biển rồi

(Ngẫu cảm)

Khóc luân hồi *chưa ráo lệ* tang thương

(Bài ca thời loạn)

v.v...

Một nhân sinh quan như trên chẳng riêng gì cho Vũ quân, mà từ ngàn xưa, đã được rất nhiều nhà Nho Việt-nam bày tỏ, ngay cả ở những bài hát ả đầu... Có lẽ Vũ quân đã thấm nhuần qua văn thơ thời trước mà ông hằng ưa mến.

Nhưng mấy năm gần đây, tôi đã nhận thấy một sự chuyển hướng ở tác giả *Hoa Đăng, Trời một phương, Tâm tình người đẹp :* ông bớt than vãn về kiếp người, và suy tưởng nhiều hơn về trời đất. Địa Cầu, Thái Dương, Bắc Đẩu, Quỹ Đạo, Hy Mã Lạp Sơn, Thái Bình Dương, Bắc Hải, Đồ Bàn, Kim Tự Tháp, đã chiếm chỗ của Bồng Lai, Đằng Vương Các, đài Cô Tô, bến Tầm Dương...

Nhất là *Không gian* với *Thời gian* thì được ông dùng trong rất nhiều câu :

Không gian từng kết hình trong mộng
Và sắc Thời gian ở chiếu giường

(Tâm sự phố phường)

Khoảnh khắc Thời gian nghỉ cánh bay
Không gian thu hẹp dưới đôi mày

(Mộng vẫn còn)

Không gian còn lại có bề sâu

(Tuổi xanh)

Thời gian tròn một chu kỳ

(Tiếng gọi mẹ)

v.v...

Có lần tôi đã tưởng Vũ quân muốn theo một số thi sĩ Âu Châu như Pierre Emmanuel hay Saint John Perse, để đem vũ trụ và triết lý siêu hình vào thơ. Nhưng không phải, vì những vị đó không được Vũ quân chú ý. Cũng có bạn cho là ông mắc thói

cầu kỳ, song đối với tôi, tìm mới là một điều kiện tiến bộ của nghệ sĩ.

Tôi chắc Vũ quân, cũng như những nhà thơ khác đã sáng tác nhiều, không thể đứng nguyên trong một lãnh vực và chuyên về một loại đề tài. Nguồn cũ dồi dào, khơi lâu cũng cạn. Phong, hoa, tuyết, nguyệt với tình, mấy ai ca ngâm được nhiều hơn ông ? Những tha thiết cũ nếu chưa phai, cũng phải nhường bước cho những bàn khoăn mới, ở một con người thấy tóc điểm băng, gần đến tuổi tìm phương thoát tục...

Phương nào đây? Vũ quân vốn ưa phóng khoáng, mà vẫy vùng theo nghĩa đen hay nghĩa bóng, vẫn chưa thỏa chí bình sinh, nên muốn vươn cao, tỏa rộng, tung bay, và

bao trùm lên đầu cuối Thời gian
(Bài ca bình Bắc)

lật ngược Càn Khôn tìm đáy túi
(Xuân mới)

lưỡi mọc dài ra nuốt Địa cầu
(Đám cháy đổi đời)

và ở những giây phút mê say trong hứng thú, nhà thơ đắc ý ngâm vang

Ta có bài thơ Vũ Trụ
Thơ ta làm nên Không gian
(Khai sinh)

Có bạn ngờ Vũ quân kiêu ngạo. Đúng hơn thì ông vốn thích hùng tráng, mãnh liệt, vĩ đại, siêu việt, cũng như một số nhà thơ, Victor Hugo hay Leconte de Lisle...

Tôi không trách ông về điểm này, chỉ đòi hỏi ông mỗi khi đưa thơ về hướng mới bao la, thì ông phải cống hiến cho bạn đọc những câu độc đáo như sau :

Trái Đất mừng ta nhạc vút cao
Băng sơn gầm thét hỏa sơn gào
Bóng ta in xuống chân trời mới
Nhật nguyệt hai phương ngửa mặt chào

. . . .

Đại lục buồn soi bóng đại dương
Cỏ hoa rừng đảo úa dần hương
Cũng như trái đất khô dần nhựa
Còn, chỉ còn dư vị chán chường
(Đăng trình — *Hoa Đăng*)

Ở bốn câu trên, khí thơ mạnh, hình và nhạc cùng rung động vang lừng. Ở bốn câu dưới, hình ảnh gợi ra man mác, tiếng não nùng không tắt dư âm... Nhưng chưa chi tôi đã vội sang phần nghệ thuật Vũ Hoàng Chương.

Nghệ thuật Vũ Hoàng Chương

Vũ quân xuất bản những thi phẩm đầu tay — *Thơ Say* và *Mây* — năm 1940, giữa hồi Tây học cực thịnh, khi phong trào « thơ mới » dào dạt lôi cuốn lớp thanh niên đã hấp thụ khá nhiều văn hóa Châu Âu.

Những thi nhân cùng thế hệ với ông, như Xuân Diệu, Huy Cận, Huy Thông v.v... đều tiếp nhận ảnh hưởng của thi sĩ Pháp thế kỷ XIX, người thì ngả về hướng Lãng-mạn (Romantisme), người theo lối Biểu-tượng (Symbolisme)... vì đương tuổi khao khát người đẹp, tình đẹp, cảnh đẹp với những vẻ đẹp mới mà thi ca cạn mạch của thời xưa không còn cung cấp nổi. Xuân Diệu yêu thơ Pháp đến nỗi có lần kêu lên rằng

Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine

Trong bầu không khí sặc hương Tây như vậy, Vũ quân mới 30 tuổi, cũng bị lây phần nào thông bệnh của các nhà thơ thời đại ?

Lá rơi đầy ngõ hẹp
Đời hiu hiu xế tà
Ôi ta đã làm chi đời ta
Ai đã làm chi lòng ta
Ta đã làm chi đời ta xưa
Ta đã dùng chi đời ta chưa
(Đời tàn ngõ hẹp — *Mây*)

Lời đó, giọng đó, ngay cả nhịp thơ đó, đã khiến tôi liên tưởng đến tiếng than thân của Verlaine :

Qu'as-tu fait, ô toi que voilà
Pleurant sans cesse
Dis, qu'as-tu fait, toi que voilà
De ta jeunesse

(Sagesse)

Tôi chẳng dám trách Vũ quân, vì có khi không biết nhau mà vẫn giống nhau, vả chàng, ngay đến cụ Nguyễn Du cũng vẫn thường Việt-nam-hóa nhiều vẻ đẹp của Tàu. Tỉ dụ : Cỏ non xanh tận chân trời, cành lê trắng điểm một vài bông hoa = Phương thảo liên thiên bích, lê chi sổ điểm hoa. Một hai nghiêng nước nghiêng thành = Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc (Lý Duyên Niên).

Song ngoài một vài câu như trên, tôi không còn bắt gặp trong thi phẩm của ông những đoạn nào khác nhắc lại thơ Tây. Thực ra, chính ông là một trong những thi nhân nhận định nổi ở nghệ thuật nước người, những ưu điểm nào đáng được chấp nhận để cải tiến nghệ thuật của mình, mà vẫn giữ được bản chất.

Về phương diện này, điều đáng kể nhất nhưng chưa được chú ý mấy, là *một ý chí cầu tiến và hướng thượng* đưa tới *nỗ lực sáng tác không ngừng*. Nhà thơ cựu học trước đây vài chục năm, cũng như tiên hiền thuở xưa, thường chỉ tùy hứng hạ bút và ngâm vịnh để tìm thú cho riêng mình cùng vài tri kỷ, trong những lúc nhàn hạ, trà dư tửu hậu, không có ý gì phổ biến như các nhà văn có chủ ý « trước thư lập ngôn ».

Song Vũ quân với một số thi nhân cùng lớp, muốn xây dựng hẳn một sự nghiệp thi ca, không kém gì của thi bá châu Âu. Cũng như các vị này, ông không coi thơ như một món tiêu khiển, nhưng là một vưu vật cao quí thiêng liêng, đáng được con người đem tài ra phụng sự.

Cũng vì thế, ông thường dùng những chữ mà lắm người xét vội vã đã hiểu lầm ông :

Đợi ai về ngự sáng ngai Thơ

(Duyên mùa tận thế)

Nào phải ông tự coi mình như một Vua Thơ? Trái lại, ông đã nhận rằng sự Đẹp quá cao, nghệ sĩ khó lòng với tới, và nhiều khi cảm thấy sự bất lực của mình :

Nhạc sĩ với thi nhân đều thế cả
Dứt hết dây vò nát mấy mươi trang
Xấu xa trong vần điệu ý huy hoàng
Sai lạc nữa lúc phổ vào cung bậc

. . . .

Nhắc sao đúng Toàn Hương và Tận Mỹ
Ôi tài mọn si lang buồn lắm nhỉ

(Lý tưởng)

Ông chỉ muốn trả lại cho Thơ địa vị tối cao : Thơ phải ngự trên ngai, ở trên lầu, hoặc từ trời gieo xuống :

Đáy sông bừng dựng Lầu Thơ

(Bài ca Siêu thoát)

Lấp lánh Quê Trời thơ hẹn bến

(Đàng trinh)

Đêm qua gió vẳng lời Thơ
Chiều nay lại một chiều mơ xuống trần

(Mộng Dao đài)

Coi Thơ như một thần nữ hạ cánh từ thiên cung, là ý niệm của thời cổ Hy Lạp truyền sang Tây Âu, và qua đó tới đất Thăng Long ngàn năm văn hiến. Thần nữ được họ Vũ suy tôn.

Ngôi thơ một sớm cao vòi vọi
Nhân loại chầu quanh ngát khói hương

(Đuốc thơ)

Dĩ nhiên Nàng phải có nhan sắc tuyệt trần và cốt cách tối quí cho thi nhân đắm say mà thờ phụng.

Vàng dạy men cuồng ngọc kết Thơ

(Chia tay)

Gót Thơ chưa ngọc nhuốm trần ai

(Vườn hoa bể Bắc)

Màu bay nếp lặn vào cung bậc
Thơ lại toàn thân hiện khối ngà

(Nàng Thơ rũ áo)

Mỗi khi Nàng sắp hiện ra giữa đêm sao, thi nhân cung kính đón chào.

Lời vàng lấp lánh khuôn xanh ngắt
Ta ngẩng đầu vâng lĩnh ý cao

(Lĩnh ý vâng lời)

Nếu quả ông là Thi Vương, chắc không phải khúm núm đến thế.

Ai đọc vội những câu như trên, còn có thể trách Vũ quân theo một bút pháp cầu kỳ, với kỹ thuật quá điêu luyện, hoặc giọng điệu kiểu cách.

Nhưng nếu xét kỹ và hiểu thấu quan niệm Thơ của Vũ quân, sẽ dễ dàng thông cảm : nếu Thơ phải như vàng như ngọc, tất không thể tránh gọt giũa, trau chuốt ; Nàng là thần tiên, lẽ nào thốt ra những tiếng sỗ sàng, chướng tai hay tầm thường như lời nói hàng ngày của người hạ giới ? Thơ là một phụ nữ, nên khó nhịn điểm trang, lại ưa múa hát, khi chuyển bước muốn thành nhịp điệu. Nàng vốn sinh trưởng ở Bồng Lai muôn thuở, đừng nỡ ép Nàng theo nếp sống hợp với những thị hiếu một thời.

Cho nên nghệ thuật Vũ quân có hai đặc tính dễ nhận : ông chấp nhận đủ *các loại thơ cũ mới* và dù thành công ít hay nhiều, bao giờ cũng cho cảm tưởng *trang trọng.*

Nhiều bài trong tập đầu tiên, theo một thể riêng với nhịp riêng do ông lựa lấy, để gợi những rung động của thân thể hoặc tâm tình, như bước khiêu vũ ngắn dài tùy lúc, hoặc nỗi xao xuyến trong cảnh bi thương :

. . . .

Chân rã rời
Quay cuồng chi được nữa
Gối mỏi gần rơi
Trong men cháy giác quan vừa bén lửa

. . . .

(Mời say)

Hoa trắng đầy mồ
Não ruột tiếng ai vừa khóc
Sương vẫn đục
Khói mơ hồ
Nhìn quanh chiều sám với tha ma

(Bạc tình)

Cũng có tính cách phá thể như vậy, những bài *« Tình si »*, *« Tối tân hôn »* trong *Thơ Say*, *« Nửa truyện hồ ly »* trong *Mây*, *« Bài ca ngư phủ »* trong *Rừng Phong* v.v... Nên không thể ngờ vực Vũ quân có thói câu nệ và tự giam hãm vào những khuôn khổ chật hẹp.

Tuy nhiên, khi các thi hữu khác gạt bỏ các thể thơ cổ và những qui lệ bị coi là gò bó, Vũ quân vẫn hay làm thơ Đường luật và theo đúng niêm vận một cách dễ dàng.

Dẫu có khi cả tứ lẫn lời thơ đều quá quen thuộc, ở lắm bài khác, ý, tình, ngôn ngữ và cả lối nhìn nhận sự vật, chứng tỏ rằng ông khéo mượn bình cổ Giang-tây để chứa men nồng rượu mới :

Mở một chiều riêng để tới nhau
Tình ta trời bể vẫn cao sâu
Rơi vào khoảnh khắc vòng tay cũ
Dựng lại mười năm giấc mộng đầu
Anh bảo Anh còn thương nhớ mãi
Em rằng Em có đổi thay đâu
Kề vai anh khóc và em khóc
Lệ nhuốm thời gian chợt ngả màu

(Giấc mơ tái tạo — *Trời một phương*)

Trừ những chữ « trời bể vẫn cao sâu », không có chữ nào hay câu nào có thể gán cho một thi nhân thời ông Tú Xương hoặc ông Yên Đổ. Chỉ có người tân học như Vũ quân mới « mở một chiều riêng » và thấy « lệ nhuốm thời gian ngả màu ».

Ngay đến « nhị thập bát tú » với bốn câu bảy chữ, mà Vũ quân muốn đặt thành Thể đặc biệt, chẳng qua cũng vẫn theo vần điệu cũ mà các nhà thơ và chính ông hằng sử dụng. Song phải là người thời nay mới quan sát và liên tưởng như ở bức tranh linh động sau đây :

Một tiếng chim rơi nước hiền ngầm
Rung theo ngàn vạn ngấn dòng tâm
Truyền đi bốn phía bờ lau lách
Buổi hẹn đầu tiên cặp thủy cầm

(Uyên ương chắp cánh — *Tâm tình người đẹp*)

Từ đầu thế kỷ này, để chống lại thói tô điểm diêm dúa của phái trưởng giả, và tính khắt khe của nhóm thủ cựu, một số nghệ sĩ châu Âu cố ý phá hủy mọi thể sẵn có, chế giễu mọi quy củ và ước lệ ở mỹ nghệ, hội họa, thi ca. Họ nhất định đi ngược lại mọi đường lối cũ. Trong thơ, đáng lẽ theo luật, thì họ bỏ vần bỏ nhịp ; thay vì truyền mỹ cảm, họ muốn phơi bày mọi khía cạnh ít thấy của thực tế, và còn có tham vọng vươn lên một siêu thực tế. Họ muốn đập mạnh vào giác quan người đọc, không ngại gây hoang mang sửng sốt, dùng cả những giọng hay những chữ mà đa số nhà thơ coi là tầm thường, thô tục hoặc phi lý.

Chẳng rõ ảnh hưởng của họ có tràn sang xứ ta không, nhưng đôi khi đã thấy in ra một số bài thơ tương tự như của André Breton, Antonin Artaud, hay Maurice Prévert. Dù sao, ở đây tôi không khen chê, chỉ nhận chân một chuyển hướng, để xét rõ hơn đặc tính nghệ thuật của Vũ quân giữa sự thay đổi trong làng văn nghệ Việt-nam.

Khi nhiều họa sĩ Việt từ tranh sơn thủy bước sang bộ xương ma hay đống đất xù xì, một số thi sĩ Việt đã bỏ nước mây để than vãn hoặc suy tưởng chớ không hề trào lộng, trước « ngụm cà phê » « con chó chết » « ga xép », những « tao », những « thằng »... Nghệ sĩ không bỏ phí sự gì trong cuộc sống muôn vẻ, có tìm sự thật, nói thật dù mất lòng những ai tự nhận là tao nhân hoặc những nhà thơ « quý tộc ».

Trái lại, Thơ đối với Vũ-quân 1960-1961 vẫn là sự Đẹp siêu trần, làm thơ là tìm đẹp, chất thơ vẫn là *« hạt châu »*, là *« bảy sắc cầu »* (Trời nước đêm sao), là *« Xuân đầu Xuân cuối tình chan chứa »* (Nỗi niềm)... Nhà cửa vẫn là *« mái lầu xưa »* hoặc *« vườn cẩm nghiêng tơ ngày ba lần gỡ mộng »*, trang giấy = *« tờ mây nằm ngát mực »*, cô học sinh = *« mưa dày tóc, gió dày vai »* v.v...

Phải chăng Vũ quân đứng yên ở một vị trí lạc hậu của đa số nhà thơ tiền chiến, như vài bạn đã từng nhắn hỏi ? Vì đẹp hay xấu, là tùy tài sắp đặt của tác giả, chớ không tùy chất liệu sử dụng, như chiếc lọ đất có thể là mỹ phẩm, đống rác vẫn được vẽ

nên tranh quý ; chữ *ếch* nghe riêng thì rất chướng tai và gợi ra một con vật xấu xí, nhưng không hề gây cảm tưởng đó và trái lại còn nói lên một nỗi buồn man mác trong câu :

Chợt nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình nằm tưởng tiếng ai gọi đò

Thiết nghĩ trong lãnh vực nghệ thuật, không nên thiên hẳn về một phía, với dụng ý là lập trường cố chấp. Ai dò nguồn thơ trong bùn lầy hoặc ở suối hoa, cũng xin tùy thích, miễn là tới sự đẹp hay sự thật, cứ theo khuynh hướng tự nhiên mà tìm ra tiếng thích hợp : chữ nằm giữa câu của thi nhân, thường mang ý nghĩa khác của từ điển.

Nên tôi tôn trọng quyền tự do của Vũ quân khi ông lựa chọn những địa hạt thanh nhã cổ điển, với những sự vật sẵn có vẻ đẹp riêng, cùng những tiếng mà người xưa quen dùng, như nỗi biệt ly, vàng lụa, hoa cỏ... miễn sao ông biến hóa cho thành chất mới, dễ ưa, và mang nhãn hiệu Vũ Hoàng Chương.

Kể thì cũng khó, vì nếu ý tình cũ dễ ra theo ý cũ, thì ngược lại tiếng cũ hay đưa về những nẻo đường mòn. Một người quá yêu thơ cũ và cảnh đời xưa, hay nghĩ và nói đến Vũ-lăng, Giang-châu, Suối Đào, giấc bướm, khóc thu, bãi biển nương dâu, « tràng ai rèm gấm, hoa nào vườn xuân », hoặc « mấy tang thương vẫn ngại ngùng gió mưa »...

Vũ quân thừa rõ tật chung đó của nhiều thi nhân nên mỗi khi trở lại với chính mình, tuy dùng những tiếng rất thường hoặc rất cũ, ông vẫn khơi ra được dễ dàng

— vẻ đẹp bình dị và hồn nhiên của những tâm tình mát mẻ :

Trăng dịu từ phen gặp gió lành
Sông lam từ buổi gặp non xanh
Từ hoa quen bướm trời quen đất
Em đã yêu rồi, đã của anh

(Nhớ hoa bạc chị)

Yêu nhau từ thuở tóc còn buông
Một gái thơ ngây một gã cuồng
Khuya sớm vai kề vui đọc sách
Chung đèn chung cả ánh trăng suông

(Ấm lạnh)

— vẻ đẹp vẫn có ở quanh ta, nhưng ta chỉ nhận ra khi nhờ tai mắt và ngọn bút nhà thơ họ Vũ :

Nằm hẵng thơ mưa dọc vận bằng
(Xem truyện Quỷ)

Trang sách chập chờn run lửa nến
Hài thêu nàng gọi ngắm không gian
(Cảm thông)

Ngao ngán trông lên tường, chỉ thấy
Cỏ bồ ôm đá ngủ trong tranh
(Nhớ hoa bậc chị)

— vẻ đẹp mà thi nhân đã cảm thấy hơn là nhìn thấy, với sức tưởng tượng làm cho sống động hoặc truyền cho sắc thái tân kỳ.

Như đây, những pho tượng ở đường phố một kinh đô, đã lướt qua mắt Vũ quân trong một buổi vui bước rong chơi :

Lệnh xuống bừng lên khúc múa
Trăm ngàn pho tượng hồi sinh
Nhịp với dòng vươn đá cựa
Mấy mùa vang bóng hiển linh
(Công chúa Paris)

Và đây là lối thể hiện như vẽ, một ý tưởng mơ hồ về mục đích chung của các thi nhân trên thế giới :

Nhịp cầu dàng mắc đường giao cảm
Đang tiến về chung một giấc mơ
(Vườn hoa bể Bắc)

Song đặc biệt hơn nữa, là những tiếng quen tai có vọng âm thời trước, nhưng lại mở ra những ảnh tượng mới lạ, và những cảm tưởng vô cùng man mác :

Bắc dần ngang trời bạch lạp
. . . . . sầu Đông Á
ngủ nụ cười rêu tượng Đế Thiên
(Bài ca dị hỏa)

Một đặc sắc nữa của Vũ quân, là nhạc tính mà ông với tôi đều coi như phần cốt yếu của bài thơ : nếu làm thơ thể cũ, tuân cho thật đúng niêm vận Đường luật, là kết tinh của kinh nghiệm lâu đời, rất thuận tai, chớ không phải là một sự bày đặt phiền

phức ; hoặc nếu tứ thơ muốn cởi mở rộng rãi, thì đừng ngần ngại phá thể cũ và bỏ cả vần, song phá thể không phải là vô thể, chỉ là thoát ly quy lệ cổ truyền mà tự tìm lấy cho mình một nhịp riêng, sao cho thích hợp nhất với cảm hứng khi đương cầm bút. Vũ quân đã từng theo cả hai lối.

Phần lớn bài của ông, là thơ lục bát tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn, bát cú... Đọc lên, tôi thường tưởng đọc cổ thi Việt-nam. nhất là khi gặp những tâm tình cố hữu, nhưng cũng còn cách đặt câu rất chỉnh, những âm thanh khéo lựa, những nhịp cân đối và những vần gieo rất trúng.

Nhiều bạn hiện nay cười ông thiên về kỹ thuật, và để phần giả tạo lấn át mất cả phần hồn nhiên : nếu nhận xét này không sai lầm hẳn, thì cũng chẳng phải vì sự cẩn trọng của người nghệ sĩ coi thơ như vàng ngọc cần trác luyện ; cũng không do sự gò bó, vì không bao giờ Vũ quân cho cảm tưởng này. Sự bắt nhịp ném vần, đối với ai có lẽ khó khăn, còn ở tay ông, chỉ là một trò chơi vì đã quá quen tai và thuận bút.

Sau 30 năm làm thơ, chắc chắn là hễ bút đưa tới chữ cuối câu, thì đã văng vẳng trong đầu một hai chữ thuận vần muốn ra. Vả lại, đối với một số nhà thơ như Vũ quân, nếu đã gieo thì vần phải thật trúng, vì chỉ hơi chệch cũng thấy bứt rứt, như người chơi đàn so dây hơi trật một li cũng không chịu được.

Có lẽ Vũ quân e dư luận coi là quá trịnh trọng, nên cũng đã vài phen muốn buông thả cho có vẻ tự nhiên hơn. Khốn thay, tự nhiên của người khác, có thể là mái tóc hơi bù, với chiếc áo cộc tay không cài đủ khuyết, với tiếng nói cười oang oang... nhưng bộ dạng ấy không thể tưởng tượng được ở một người xưa nay vẫn giữ phong độ nho nhã của một « chàng » thuở trước, quen giữ gìn từ nếp áo đến lời văn : chính sự dễ dãi lại khiến chàng ngượng nghịu và kẻ khác bỡ ngỡ.

Chàng quen lững thững bên bờ liễu rủ để tìm bóng Nàng xưa, hoặc mơ về Lạc-phố... Chúng bạn cũng vẫn hình dung Chàng như vậy. Nay bỗng một hôm thấy Chàng nhảy lên bục cao, đứng trước máy vi âm, và lên tiếng hò hào : « Thanh niên ơi, giờ đã điểm », thì ai không sửng sốt ? Đó là cảm tưởng của nhiều người khi đọc một số bài trong tập *Hoa Đăng*, hoặc nghe những giọng như sau trong bài « Thản nhiên » ở *Trời một phương* :

Cả trái tim tôi
Cũng đòi biệt thể
Nó quyết đi tìm Thượng Đế
Trên con đường không giới hạn bằng tiếng
khóc trong nôi

. . . .

Nó hy vọng sẽ đích thân làm nhạc trưởng

. . . .

Nó đã ngán bị giam trong lồng ngực

. . . .

Nào ai cần hiểu ai đâu
Họ sống theo khuôn, thời dụng biểu thuộc làu

Những câu trên, nếu đem dịch nguyên văn ra tiếng Pháp, thì giống như của Henri Michaux hay Robert Desnos, khó lòng nhận là của một nhà thơ Việt đã từng ngâm với vần điệu lâm li :

Trai lỡ phong vân, gái lỡ tình
Này đêm tri ngộ xót điêu linh
Niềm quê sực thức lòng quan ải
Giây phút dừng chân cuộc viễn trình

Kể lại những câu trên, tôi không hề mong ước ở Vũ quân chỉ quanh quẩn trong những nỗi buồn xưa với lời cũ khi « đời vắng em rồi ». Xét về phương diện kỹ thuật làm thơ, tôi chỉ muốn lưu ý ông đến quyền tự do của nghệ sĩ trong sự lựa chọn đường lối, và sự cần thiết giữ lấy cốt cách mà tạo hóa, gia đình, và xã hội đã cùng gây dựng cho ta. Vì lòng có thành, thì lời mới thực, khiến thơ hiện ra với hình dáng và giọng điệu của ta. Vũ Hoàng Chương không phải quên mình mà theo ai hết.

Tóm lại, nếu quả có chút gì « giả tạo » ở tác giả *Hoa Đăng* và *Trời một phương*, thì sự đáng tiếc đó, theo thiển ý, không ở công phu điêu luyện rất cần cho nghệ sĩ tự trọng, song do sự chuyển hướng *chưa thực hiện hợp tình và đúng mức.*

Vũ quân muốn rời khỏi địa hạt tình cảm dạt dào, vì đã đi lại quá nhiều, để rẽ vào *thế giới lung linh huyền ảo của suy tư trước tạo vật.*

Khi tuổi mới hai mươi, chúng ta say người và mê hoa, và khi đó chỉ có tình yêu là đẹp và đáng nói. Nói lên, ca đi, bằng đủ các giọng về mọi nỗi nhớ nhung, thao thức, hờn ghen, sôi nổi,

đắm đuối, nói cho mọi người gần xa và cả với cỏ cây, suối, rừng, trong ánh huy hoàng hay khói sầu vạn cổ...

Nhưng chúng ta đã sống, nghĩa là đã đau, đã lầm, đã vấp ngã, đã lê bước trên nhiều ngả mà chỉ thấy bóng ta sắp xế bên đường. Đời đã cho ta rất ít hương thơm, rất nhiều cỏ đắng. Chúng ta phải trở về đáy lòng, hỏi lại ý nghĩa cuộc sống. Không hiểu, ta hoang mang, yêu và giận đã phai và nhường chỗ cho muôn ngàn thắc mắc.

Từ mơ mộng sinh viên, ta qua cõi thực hàng ngày, rồi mệt và chán, lại cầu thoát ly, khi tóc sắp bạc. Nếu ta vẫn cần tìm Đẹp để tự an ủi, thì Đẹp đó không mấy khi còn là Đẹp dễ thấy như ánh chiều gợi nhớ người xưa, hoặc giọt mưa quán trọ nhắc ta những bước lạc loài... Chúng ta mong Đẹp trầm mặc của bầy tinh tú, Đẹp bí huyền của ngấn nước loang bờ, và mọi vẻ diễm ảo của sự vật vô cùng !

Không gian còn lại có bề sâu

Vũ quân đã nhận ra phương trời mới, hoặc đúng hơn, đã linh cảm hướng cao vời dẫn đến Thiên-thai mới.

Nhưng khốn thay, đường rất khó đi, trong bao la đầy sương và gió trái, thấy mà chửa tới, y như thuyền lênh đênh ngoài khơi mong cập bến mà bị ngược triều, sắp đến lại bị đẩy xa, dễ xô vào đá...

Trong cuộc phiêu lưu giữa Vô Cực, phi thuyền của Vũ quân, hay đúng hơn, là *« Xe Tý Ngọ hay xe Luân Hồi »*, đã va chạm phải những *« hỏa sơn cười sặc sụa »*, những *« dấu mũ trên chữ A, là chim bay lộn ngược »*, những *« luồng run trên mình Nguyên Tử »*, những *« nét Thủy hình Kim chen cài Thổ Mộc »*, và cả những nhân vật quá quen hình như không thể tránh : *Phi Yến, Thái Chân, Ả Chức, cô Hằng*. . Họ hát bài *« đồng ca Ảo Tưởng »* trên *« sân khấu Hư Vô »*, khi *« Tư Duy chết cứng bẹp Thăng Bằng »*...

Với tất cả lòng chí thành của một kẻ yêu thơ và mến tài, tôi muốn kéo áo Vũ quân trở lại, không phải là xuống những bến Tầm-dương hay là đài Cô-tô, nhưng là xuống bầu trời hãy còn sinh khí cho Nàng Thơ sống được ; và nếu đưa Nàng lên những tầng mây nhuộm màu ảo diệu, ít nhất cũng vẫn phải cho người đời thấy bóng dáng Nàng ẩn hiện.

Mỗi khi muốn thế, thì Vũ quân thừa sức :

Hoa dợi trăng lên trả bóng mình
Kìa hoa run rẩy bóng rung rinh
Vầng trăng hiểu ý lên cao mãi
Đẩy bóng về hoa nhập với hình

(Giây phút đoàn viên)

Suối hót vang trời khúc nhạc kim
Bờ cây soi bóng ngẩn ngơ tìm
Phải chăng từ buổi khu rừng loạn
Đáy nước là nơi kết tổ chim ?

(Một chuyến di cư)

Tập *Nhị thập bát tú II*, với nhiều bài tương tự, hơn hẳn *Nhị thập bát tú I* : với những chữ rất thường, không đeo nặng điển tích gì khó hiểu, tác giả lại cho thấy lời, nhạc, màu nét Vũ Hoàng Chương, và nhất là một hồn thơ rất mới :

Tác giả không tả hoa, trăng, hay suối để phơi hình sắc thực của cảnh vật, nhưng chỉ nói lên cảm tưởng do cảnh vật đó gợi ra với những rung động tế nhị, nhẹ nhàng như làn gió mát. Chỉ có họ Vũ mới nhìn và nghĩ ra được như vậy.

Thế thì sao không tiếp tục ? Tôi tin rằng khi đã tìm thấy nẻo đường Bồng-lai đổi mới, Vũ quân không cần hỏa tiễn và quỹ đạo của thời đại, đừng nên giữ bầu nước mắt của Tư Mã áo xanh, cũng chớ hát bài hiệu triệu hay hùng ca ; nhưng, mong lắm thay, ông sẽ chỉ đem nhỡn quan, cảm năng, và suy tư của ông vào trăm ngàn sự vật quanh mình, để khám phá hộ cho chúng ta, những vẻ đẹp còn giấu ở bên kia hương thanh và hình sắc...

Bởi vì nhà thơ phải cố đạt một trong hai mục đích : hoặc theo đường lối cổ truyền, cho mượn tiếng để nói lên hộ nỗi lòng kẻ khác ; hoặc theo nhu cầu mới, tìm ra cho mình và cho người, những mỹ thái mà chưa ai để ý, không khác nào ở kiến trúc, hội họa, âm nhạc hay nghệ thuật khác (art-découverte).

Xin tùy ý Vũ quân. Song tôi thiết tưởng ông đã ngả về mục đích thứ hai, mà nhiều thi sĩ phương Tây hiện cũng đương theo đuổi, thì xin cứ vững lòng tiến mạnh.

Duy muốn thành công, kẻ phát minh thường phải chịu đựng nhiều phen lạc bước, cùng sự bỡ ngỡ buổi đầu của những người quen lối cũ, ngay cả nhiều thân hữu vườn thơ.

Tôi tin ông bền chí, vì chính ông đã hứa từ lâu trong bốn câu thơ lung linh màu và nhạc :

Kìa một cõi trầm hình muôn vạn tiếng
Đương dần phai dần hiện tắt rồi vang
Ta cố gọi những giác quan lười biếng
Để ghi cho hậu thế phút mơ màng

(Chết nửa vời)

Lớp người sau chắc sẽ có nhiều quan niệm khác về nghệ thuật nói chung và thơ nói riêng. Song dù họ thay đổi ra sao, ít ra một phần công trình của ông cũng sẽ còn chiếm được nhiều thiện cảm. Tôi dám đoán như vậy, vì những vần thơ như ở đoạn vừa kể, đối với tôi vẫn đẹp, mặc dầu tâm thần tôi đã biến cải nhiều lần trải 25 năm qua.

Có người như Vũ Ngọc Phan, căn cứ vào một hai tác phẩm, đã vội chỉ trích Vũ quân một cách khắc nghiệt và sơ sài : có lẽ vì sớm qua đời, nên nhà phê bình chưa kịp theo dõi nhà thơ ; dù sao, tôi có cảm tưởng rằng ông Phan thiếu khả năng thẩm mỹ, nên chỉ nhận ra được một số nhược điểm.

Nhược điểm thì ai tránh được ? Và muốn công bằng đối với một người sáng tác văn thơ, cần đọc cả hoặc một phần lớn tác phẩm, để lấy hơn bù kém. Tôi còn nhớ, khi giới văn chương Pháp định tổ chức lễ kỷ niệm ngũ thập chu niên thi hào Victor Hugo, nhiều danh sĩ phản đối vì chê thơ ông này : lượng thì nhiều, mà phẩm thì ít, chưa phải là thi sĩ đáng kể. Sau nhiều cuộc tranh luận gay go, người ta vẫn làm giỗ tác giả *La Légende des Siècles ;* vì ý kiến của một vị mà tôi quên tên, đã được đa số chấp nhận : Victor Hugo làm trên 16 vạn câu thơ ; giá thử chỉ còn chừng một vài ngàn câu hay, cũng đủ thành thi nhân và đáng được tưởng nhớ.

Đối với Vũ quân, một người sáng tác rất nhiều, và đã nghe nhiều tiếng nặng nhẹ, tôi muốn áp dụng cách xét đoán như trên : nếu chỉ còn lại vài chục bài hay, hoặc vài trăm câu hay, Vũ quân cũng đã tỏ tài và góp nhiều hương sắc vào vườn thơ Việt.

Chính tay ông đã lựa 37 bông hoa xứng ý hơn cả, góp thành tập thi tuyển mới in năm 1963 và được dịch ra Pháp ngữ (Poèmes choisis) để phổ biến sang Âu châu. Nhưng tôi tiếc không biểu đồng tình, vì nhiều bài được chọn, đối với tôi không phải là hay

nhất. (*) Ít ra tôi cũng có dịp nhận thức những dị điểm giữa ông và tôi, và tin hơn ở giá trị những bài được cả hai người tán thưởng tuy không hề hỏi nhau trước.

ĐOÀN THÊM

(*) Sau đây là những bài hay nhất của ông, hoặc những bài có nhiều câu hay, theo ý riêng tôi : nếu chính là bài cũng được Vũ quân đem vào Thi Tuyển, thì xin in chữ ngả ; ông đã chọn 37, tôi chọn 38 bài :

Thơ Say 1940 : *Mời Say* — Đà Giang — Lý tưởng — Quên — *Phương xa* — Yêu mà chẳng biết — Vườn tâm sự — *Tối tân hôn* — Động phòng hoa chúc : 9 trong 32 bài.

Mây 1943 : *Nửa truyện hồ ly* — Đào nguyên lạc lối — Đời vắng em rồi — Buổi đêm đông — Lá thư ngày trước — *Qua ánh hương trà* — Túy hậu cuồng ngâm : 7 trong 25 bài.

Rừng Phong 1954 : Nguyện cầu — Thoát hình — Hương rừng — Nhớ hoa bậc chị : 4 trong 35 bài.

Hoa Đăng 1959 : Mây suối về đâu — Trách gì ai — Phố cũ — Đăng trình : 4 trong 50 bài.

Cẩm Thông 1960 : Công chúa Paris — Con tàu say : 2 trong 15 bài.

Tâm tình người đẹp 1961 : Cảm hứng đêm khuya — Kích thước chân thân — Trước lầu xuân khóa — Trăng không đổi hướng — Uyên ương chắp cánh — Lý Bạch còn trăng — Một chữ ngàn vàng — Xuân báo nửa đêm : 8 trong 42 bài.

Tâm tình người đẹp tập II 1963 : *Một chuyến di cư* — *Rừng hết mùa thiêng* — *Giây phút đoàn viên* — *Trăng sáng lòng quê* : 4 bài in trong Thi Tuyển.

Trời một phương 1962 : Nhiều câu và đoạn hay, nhưng tôi không chọn bài nào.

Còn những cuốn kịch thơ *Vân Muội, Trương Chi, Hồng Diệp, Tâm sự kẻ sang Tần* : tôi có đọc kỹ, song không muốn phát biểu ý kiến vì không phải là thơ thuần túy, phải chờ đưa lên sân khấu, khi trình diễn, mới xét đoán được.

BÙI GIÁNG

nhân đọc

«Rừng Phong»

GIỞ TẬP «RỪNG PHONG», NGAY TRANG ĐẦU, BÀI LỤC BÁT đã buộc tôi nấn ná... Lời thơ chậm rãi đã như gạn gùng hỏi tôi hãy nên thư thả, hay nên vội vàng qua... qua...

« Ta còn để lại gì không ?... »

Giữa khi các lớp trẻ mạnh dạn bước lên, vạch tìm lối đi mới, với tấm lòng bồng bột tin tưởng, sôi nổi yêu đời, Vũ Hoàng Chương lặng lẽ đặt hành lý bên đường, ngoái nhìn lại đoạn đường đã đi, rồi quay con mắt trở vào trong nội giới :

« Ta còn để lại gì không ?... »

Cái phong thái thung dung của người giữa thời đại giao động này có gì như làm ta bỡ ngỡ, thoạt tiên. Nhưng rồi xem ra, dường cũng không đến nỗi nhiều cho lắm. Trong đáy lòng chúng ta vẫn như có một tiếng vang đáp lại. Hình như tác giả *Rừng Phong* đã can đảm thành thật nói được cái gì mà từ lâu chúng ta không dám. Tác giả đã thành thật nói, cũng như đã thành thật sống. Móc đôi guốc mòn vào cán ô, đủng đỉnh đi dự các cuộc hội nghị văn nghệ, người không hề có ý lập dị. Chỉ như muốn nhắc nhở mình luôn luôn giữ vẹn thủy chung với lòng mình. Giữa sóng đời vồ vập, đừng đánh lạc mất tấm lòng mình.

Chúng ta cũng nhiều lúc nghĩ rằng có lẽ ông không được phép sống thành thật theo lối ấy. Nhiệm vụ của cá nhân trong giai đoạn, chúng tôi thấy rằng nó đòi hỏi hy sinh cuộc đời nào đó của riêng ta. Nhưng nữa rồi, sau đó, những tiếng « lẩn tránh nhiệm vụ, náu mình trong tháp ngà, đóng khung trong vỏ cá nhân », bỗng dần dần như mất bớt ý nghĩa dào dạt ban đầu, và chúng ta mang máng nhận ra rằng trong nhiều trường hợp, khi ta đã chạm mặt mũi vào thẳng với thực tế, lòng ta bỗng như ái ngại gì, không muốn dùng những danh từ trên một cách xô bồ nữa.

Chúng ta ai cũng giống ai. Mỗi người đều có tai mắt mũi, và một trái tim. Từ lâu, chúng ta đã sống. Chín mươi năm nay chúng ta đã sống hết cả tâm và hồn. Giờ chúng ta chỉ muốn xin phép đời cho ta một phút tĩnh tâm, lắng lại...

« Con người tiến bộ, con người của giai đoạn, theo kịp đà biến chuyển của trào lưu..., con người... con người... » Chúng ta không bi quan. Không. Chúng ta rất can đảm nhìn thẳng vào một sự thật. Chạy theo những tiếng gọi kia có một âm vang lạ lùng, chúng ta đã nhiều lần tiến đến nhiều ngõ hẹp.

Bây giờ chúng ta nên cứ nằng nặc một hai đòi ồ ạt tiến tới nữa, hay nên dừng lại đôi phút tĩnh dưỡng, nhìn lại hướng, định lại phương.

Con người của giai đoạn phải tiến lên, đạp trên mọi trở lực. Chúng ta nhắm mắt. Nhưng còn con người muôn thuở, đứng trước vũ trụ, và thời gian không cùng, con người ấy ta đuổi nó chạy đi đâu ? Còn hay mất ? Dập tan mọi thắc mắc của con người ấy có được không ? Hay càng gây thêm thắc mắc ? Hay chính giai đoạn này càng gây thêm thắc mắc ? Loại thắc mắc lạc loài ấy có nên nói lên không ? Có hại gì ? Có phần nào lợi ? Nói ra là lùi, hay tiến, hay lưng chừng ? Ta tưởng rằng một danh từ không diễn xong ý nghĩa.

Chúng ta là một hạt bụi giữa mịt mùng. Rủi ro là một hạt bụi biết đau khổ. Một hạt bụi có ý thức mình vô nghĩa, lại có ý thức về nhiệm vụ thiêng liêng của mình trong « giai đoạn ». Chúng ta muốn rằng chúng ta chỉ nên nhận rõ nhiệm vụ mình trong giai đoạn, chúng ta không muốn hạt bụi thắc mắc so đo mãi mình với Vô Biên, rồi sinh lòng choáng ngợp. Như thế có được không và có nên không ?

Có lẽ nên, và có lẽ cũng không nên hẳn. Dòng sông xin đừng bận bịu xa xôi, hãy cứ giản dị khoan khoái uốn mình giữa cánh đồng. Nhưng nếu dòng sông có ý thức sớm chẩy mình sẽ về bể cả, nghìn đời đánh bản nhạc phôi pha, thì khi còn là dòng suối róc rách trên đồi, khi qua đồng nội uốn mình, khi nấn ná bên hoa, dặt dìu bên bãi, dòng sông mới thật sống hết được cả tâm và hồn, và khi qua những vũng lầy dơ nhớp, chịu kiên nhẫn lướt qua. Cành hoa có ý thức cái chỗ đau đớn của kiếp mình mong manh, thì trước ngọn gió vô cùng, mới chịu phô hết vẻ diễm kiều với trời đất. Và người, khi tạm quên đời sống bên mình đương mọc mời thúc bách, người nhìn lệch đi đâu, thả tâm hồn lạc loài vào một thế giới hư ảo nào, làm như ly khai với cuộc sống, mà chính ra, cốt chuẩn bị cho ngày trùng ngộ càng nồng thắm, ngất ngây...

Khi người có ý thức « *nghìn thu nửa chớp, bốn bể một phương* », « *từ độ luân hồi mình lang thang, u minh nẻo trước, xa xôi dặm về* », thì cái giai đoạn ở trần gian, người sẽ không nỡ để nó tăm tối. Hay nó tăm tối cũng không đến nỗi tăm tối một các ô trọc, vô ý thức. Người sẽ đủ can đảm để :

« Ta van cát bụi trên đường,
Dù nhớ, dù sạch, đừng vương gót này ».

Cái nhìn xuất thế của Lão Tử nồng nàn dường bao ! Nó thiết tha với đời hơn cái nhìn trâng tráo của chúng ta bị mê hoặc bởi bả lợi danh. Phải yêu đời đến nước nào mới có đủ can đảm khước bỏ mọi lạc thú của đời. Người tình nhân đắm say với tình yêu lý tưởng nồng nàn đến độ nào, mới đủ ý lực khước bỏ tình yêu, đi trên những sự dan díu tầm thường.

Những kẻ vơ vét, ôm đồm, là những kẻ chán đời, bi quan nhất. Tưởng rằng đời không có gì quí báu hơn, nên bạ gặp gỡ gì họ cũng lo hưởng thụ. Người lạc quan không thế. Họ từ bỏ hết, vì họ tin rằng ở đời còn có một của quý khác kia, vô hình và vô giá. Ta chỉ bắt được nó, khi ta chịu nhận rằng cái ý nghĩ « có » nằm trong tiếng « không ».

Nếu Nguyễn Du cứ một mực « trung thần bất sự nhị quân », nhất mực trung với Lê, và đi ẩn, hoặc tuẫn tiết chẳng hạn, ta sẽ phục người như một bậc quân tử theo quan niệm Khổng-giáo. Nhưng người đã theo Nguyễn-triều, và nhẫn nại sống trọn đoạn

đời sượng sùng, với một lòng khiêm cẩn, giản dị, đơn sơ, để lại cho đời sau tâm sự một cô gái giang hồ, ta tôn sùng người như một bậc thánh.

Đời con người có gì lạ lắm kia. Muốn giản dị hóa đời sống, ta phải can đảm nhận ra hết mọi chỗ phiền toái của nó đã. Kim, Kiều ngày tái ngộ, nói một lời giản dị biết bao : *« Lọ là chăn gối mới ra sắt cầm ! »*. Nhưng lời nói đơn sơ ấy tố cáo muôn vàn phức tạp trong quan niệm yêu đương của con người.

Làm sao đi giữa đời, chúng tôi vẫn vui thẳng bước tới, mà tai vẫn cứ nấn ná nhận ra trăm vạn âm thanh thảm đạm dâng lên tự mười phương. Kiều và Kim hãy cứ « chăn gối » đi, ta sẽ không nỡ trách, miễn là đã thấm thía nghĩa đời mà thốt nên được tiếng « Lọ là... »

Chúng tôi là đoàn lính. Vị chỉ huy hô chúng tôi tiến lên. Chúng tôi rầm rập tuân lệnh rút gươm đâm kẻ địch. Nhưng khi kẻ địch ngã gục trên vũng máu, ai sẽ nói cho tôi hiểu rằng kẻ địch ấy thực ra không phải là kẻ thù ? Chẳng qua tôi giết họ, vì phải giết, thế thôi. Giữa cuộc đời tối tăm, hỗn loạn, đời sống của người không do người định đoạt, người bất lực không xây đắp nổi đời sống của mình theo như lòng mình thiết tha khát vọng, người phải chịu chết oan, cũng như bạn và tôi cũng sẽ tiếp tục nhau chết oan thôi... Ai bảo cho tôi rõ điều ấy, để tôi có thể dịu oán hờn cúi xuống ôm tử thi kẻ địch, đưa tay vuốt mắt họ, tìm đến gia đình họ để báo tin rằng họ đã làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng đối với Tổ-quốc, vì đã chết oanh liệt trên sa trường ? « Và đây, gia đình hãy giữ nắm tóc xanh này của họ. » Ai bảo cho tôi hay điều ấy ? Ai ? Hẳn không phải vị chỉ huy ra mệnh lệnh.

Trong gia đình tôi, cha tôi đã chết vì non sông. Chú tôi cũng chết. Anh Cả và anh Hai tôi cũng đã lần lượt qua đời. Từ lâu, mẹ tôi và chị tôi chỉ còn biết gõ mõ tụng kinh, ngày đêm đầm đìa nước mắt. Ngày tôi tòng quân, mẹ và chị chỉ nhìn tôi, khóc mà không nói. Cái hình ảnh của mẹ tôi và chị tôi tại sao lại hiện ra rõ rệt trong giờ phút này, khi tôi nhìn xác kẻ địch ? Sao thế ?

Cái hình hai người đàn bà yếu đuối, đau khổ võ vàng, có đem lại cho tôi một bài học nào sâu xa hơn mệnh lệnh ồ ạt của một vị chỉ huy hoặc lời sôi nổi hò hào của bạn ? Có không ? Sao

thế ? Cái phấn khởi hời hợt nào sẽ dẫn tôi tới chỗ chán chường, gớm ghiếc của tàn bạo, và cái nhìn buồn thương nào sẽ gieo vào tâm khảm tôi một tia hi vọng giữa mọi tóc tang ?

Ngày tôi trở về, huy chương đầy ngực, đứa em nhỏ tôi sẽ reo lên, trầm trồ những chiến công oanh liệt của tôi. Mẹ tôi và chị tôi vẫn cứ khóc là nghĩa làm sao ? Mẹ tôi bảo chị tôi đi xem con gà đen đã béo chưa đem hầm đậu xanh cho tôi ăn, vì trông tôi gầy lắm.

Qua ngày hôm sau, mẹ tôi mới chịu cười một tí. Nhưng cái cười này không giống cái cười của em bé tôi.

Tôi vui vô tư lự với em, và lặng lẽ ưu tư với mẹ, chị. Hình như tôi thấy tôi sống nhiều lắm. Tôi đi từ cái vui hồn nhiên đến cái buồn lặng lẽ, rồi từ lặng lẽ buồn đến hồn nhiên vui, tôi điều hòa được vui buồn một cách tôi cho là kỳ diệu lắm. Và tôi tin rằng giữa bầu không khí ấy, mang nặng những kỷ niệm chiến trường cũ, không bao giờ tâm hồn tôi còn có thể bị tuyệt vọng xâm chiếm, từ nay... Tôi vui sống, và chết đi tôi cũng sẽ vui, vì tôi đã biết khổ.

Vũ Hoàng Chương khiêm nhượng, gói ghém nhân sinh quan mình trong một tiếng « say ». Mấy ai đã say như người. Giữa cuộc đời mê loạn, kẻ tỉnh từ tốn tự gọi mình là say. Người không kể chi « *Thua được với đời* » để dâng trọn kiếp mình cho lý tưởng :

« *Cao xanh liều một cánh tay níu trời* ».

Cái say của Vũ Hoàng Chương là cái say của người muốn sống tỉnh, lòng còn hoài vọng lý tưởng giữa thực tế buồn thương.

Say để quên đời ? Không đúng. Say để nhận rõ ý đời hơn. Ta không nên xem cái say của Vũ như cái say của một Tản-Đà hay một Lý Bạch. Người say không phải để quên những nỗi bực dọc chán ngán cho riêng đời mình trac trở, ngang trái. Người cố gắng nguôi thế sự là để lắng lại tâm hồn mình mà khóc chung cho nhân thế, đem lời thơ xoa dịu vết thương đời. Vết thương sâu nặng quá, máu đã chảy dầm dìa, người không dám đặt bàn tay vào rịt nữa. Người chỉ gắng lừa phỉnh chú ý của ta sang một nẻo đường khác, chỉ trỏ bâng quơ « con trâu trắng cột bờ tre trúc trụi », hoặc « con gà cục tác lá chanh... »

Nhưng làm sao trong thâm tâm, không nức nở :

« Tàm hương đốt nén linh sầu,
Nhớ quê dằng dặc ta cầu dấy thôi... »

Nhìn mình đau khổ, nhìn đời đau khổ, thấy đời sống của con người do những quyền lực oái oăm định đoạt, biết quy oán cho ai, người chỉ còn biết thưa lại với đời rằng :

« Ta còn để lại gì không... ? »

Còn không, ai biết !

« Đêm nào ta trở về ngôi,
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian... »

Hồn thơ hết nghĩa là tiếng kêu thê lương của kiếp người hết. Đời người dẫu đau đớn cũng chỉ trong khoảnh khắc giữa vô cùng.

Thơ của Vũ Hoàng Chương chứa đựng một sức sống phi thường. Ai bảo Thích-Ca không thương đời bằng Khổng-Tử ! Tôi hoài nghi điều ấy.

Tam-Ích xếp Vũ Hoàng Chương vào trường thơ « duy ngã » — *« Thi nhân trốn vào bản ngã, và phủ nhận cuộc đời, đi tìm mộng. Chương cũng vậy ».*

Không. Theo ý chúng tôi, Chương không vậy. Chương đi tìm mộng để nhận rõ nét thực của đời hơn. Tìm trong mộng nguồn an ủi sâu xa để trở về sống giữa thực tại.

Chao ! Có lẽ Chương không thành một Thích-Ca, hay một Trang-Tử ! Có lẽ trọn đời đối với Chương, thực tại vẫn đau thương, và con người mình vẫn tầm thường như thiên hạ. Nhưng dù sao cái lối chạy theo mộng của người cũng không quá hời hợt như một Tản-Đà đâu. Và cái bóng tối ghê rợn yêu ma của Chế Lan-Viên càng vô nghĩa hơn nữa. Nó nhuốm màu sắc lập dị. Lập dị mà chơi, vẫn có vẻ diễm kiều riêng, ai cấm ! Nhưng sao ta lại cứ xô bồ xếp Vũ Hoàng Chương vào loại ấy ?

Tôi vẫn có thể tin rằng Vũ Hoàng Chương có thể đã sống và đương sống một đời tầm thường, có thể nhạt nhẽo, có thể bê tha, nhu nhược... Điều ấy không cấm ông nuôi giấc mộng riêng nồng nàn, riêng mà rất chung, chung cho cả một thế hệ người dương quằn quại... Nó xoa dịu một nỗi gì. Nó giúp người thoát khỏi một cái gì để an lòng hơn mà trở về với thực tại. Đi giữa

máu xương tràn ngập, người vững lòng tin tưởng, đặt tất cả hi vọng vào trong cái sán lạn của giấc mộng huy hoàng.

Không có cái nhân sinh quan huyền diễm ấy, đi giữa thế kỷ này, mang một trái tim, hỏi ai là người đủ sức mạnh thần kinh để lòng không nao núng ?

Chương sống đời cô độc, để lắng rõ lòng mình, gửi lại cho đời lời kêu tha thiết, chịu đứng lại giữa bóng tối để rọi đường cho thế hệ tiến lên. Vấn đề chỉ là biết thu nhận bài học hay không. Bà mẹ dịu hiền có thể nuôi con thành vĩ nhân, hào kiệt, và trái lại, cũng có thể vì quá dịu hiền mà đứa con hư. Đau đớn thay !

Ông Tam-Ích lập luận thiên lệch và nghiêm khắc quá. Ta ngỡ ngàng nhận thấy ông không chịu vượt chặng đường dang dở của ông Nguyễn Bách Khoa xưa. Nhìn sự vật, nhìn con người, ông muốn nhào nặn hết vào cái khuôn nghiêm nhặt của lập trường cố định của ông. Ta không được thấy con người thật của Chương, và đã thấy Chương dưới những nhãn hiệu đầy rẫy, loè loẹt : *humanisme statique, poésie personnelle, intériorisation, repli sur soi, négation de la vie...* »

Sao Chương không sớm « giác ngộ » ? Chương không bằng một Rimbaud, một Lautréamont ? Sao buộc phải bằng ? Giữa Rimbaud — Lautréamont và Chương, có sự cách biệt giữa hai chân trời Âu — Á, và cả một thời gian chứng kiến hai lần Thế-giới chiến-tranh !

Mẹ chúng ta chết, ta vững lòng nhìn chị, cùng khóc chan hòa, tay nắm tay. Khi cả cha, cả mẹ, cả gia đình cùng láng giềng xóm trên thôn dưới trong một nháy biến ra tro, ta không còn khóc những dòng lệ hôi hổi nữa. Dòng lệ lạnh hơn, và không len ra ngoài mí mắt.

Buộc Chương phải « bắt chước » một Eluard, một Aragon... một Quang-Dũng ?

Một Quang-Dũng ? Cái thiên tài lạ lùng, độc nhất này, ta muốn để riêng ra. Và tại sao xếp riêng Dũng ra, ta lại thấy rằng hai kẻ khác nhau nhiều, sao dường như lại gần nhau nhất ?...

Nếu ta so sánh Chương ngày nay với Chương thuở « Say, Mây » ta thấy họ xa biệt nhau nhiều. « Ngày Lớn » đã chỉ cho

Chương thấy sứ mệnh của mình. Chương ngày trước để tinh thần thác loại giữa trầm trệ xung quanh, ngập chìm không lối thoát. Chương ngày nay ung dung thích thảng, thâm trầm... nhìn thực tại, và nắm vững linh hồn mình.

« Dạo xứ phân tranh mùa hỗn độn,
Biết lòng ta vẹn nhé xa khơi. »

Chương *« cứng đầu cứng cổ »* ? Ai nỡ dùng lời mắng một tiểu nhân để mắng một Thích-Ca, hay Lão-Tử ? Dẫu rằng ta không đồng quan điểm với họ về nghĩa « tranh đấu » mặc dầu.

BÙI GIÁNG

---

* Bài trích Tuần báo *Thẩm Mỹ*, 1951.

ĐÓN ĐỌC :

Trong móc mưa hạt huyền

- truyện TÚY-HỒNG, *viết về Huế đã chìm trong dĩ vãng, Huế ngày xưa với những bóng tối ở bên sau những tường thành cao ngất.*
- XUÂN-HƯƠNG xuất-bản
- ĐỒNG-NAI tổng phát hành.

MAI TRUNG TĨNH
VƯƠNG ĐỨC LỆ

đọc

«Trời một phương»

Đã từ lâu nay, trước những biến đổi vô cùng mau chóng và phức tạp của xã hội, lịch sử, chúng ta đã thấy một số nhà van nhà thơ lớp trước dường như không còn nói lên đầy đủ cái tiếng nói quen thuộc trung thực của họ. Chúng ta đau đớn nhận thấy một số đã bị mua chuộc bởi chế độ Cộng-sản và hiện giờ ở bên kia vĩ tuyến 17 ; một số được may mắn hơn, đang sống ở đây, nhưng chẳng hiểu vì lẽ này hay lẽ khác trong cảnh sinh hoạt của đời sống, đã phải ngừng những hoạt động của mình trên địa hạt vàn hóa để bước sang một địa hạt khác ; hoặc giả đôi khi có thấy tên trên một vài tờ báo vài tạp chí, nhưng cũng chỉ có tính cách góp mặt, lẻ tẻ, rời rạc, chẳng còn gây được những ảnh hưởng to tát nào như trước kia. Lại có người không còn cái hăng hái, mê say thuở thanh niên, rồi với tuổi tác nặng trên vai, với khó khăn của cuộc sống, đã phải buông xuôi, đoạn tuyệt hẳn với thế giới nghệ thuật để sống yên ổn như một đời tầm thường, bằng lòng với quan niệm « mặc đàn em sau gánh vác » và lẽ tất nhiên một lớp nhà van của thế hệ mới ra đời...

Giữa cuộc xáo trộn, thế ngôi đổi vị ấy, vẫn có một người mà chúng tôi muốn hình dung như một dòng sông, dòng sông đã chảy tự hồi nào hồi nào, một dòng sông âm thầm điềm tĩnh mà chẳng kém bền bỉ say sưa. Dòng sông ấy vẫn cố tạo cho mình những hành trang thích hợp để đi nốt con đường Định-mệnh, dù đôi lúc có phải chịu những thử thách, những vấp váp trước những trở ngại trên đường, trước một số dòng sông mới, tươi trẻ hơn, hào hứng hơn, vừa ló diện. Dòng sông cũ ấy vẫn tin ở tấm lòng thủy chung của mình trong việc thực hiện số kiếp, đeo đuổi nó đến những chặng cuối cùng, mặc dầu trên lộ trình có gặp phải nhiều khuôn mặt lạ với những vóc dáng tân kỳ tưởng đến như muốn lấn át phủ nhận cả con đường đi của chính mình. Nhưng chẳng hề gì... dòng sông vẫn chầm chậm, ung dung chảy, cười cảm thông mà góp tiếng trao lời...

Dòng sông đó chính là thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Thi sĩ họ Vũ đã vào làng thơ Việt với tác phẩm « Say » tiếp theo là « Mây »... đem đến cho thi ca Việt Nam những âm hưởng lênh đênh, lảo đảo, chan chứa một vẻ gì say mê, quyến rũ. Giữa những cung bậc cuồng điên đến da diết đau thương của Hàn-Mặc Tử, cái không khí ghê rợn ớn lạnh của cái thế giới «...ngàn sâu cây lả ngọn, muôn ma Hời sờ soạng dắt nhau đi » trong thơ của họ Chế ; giữa những âm thanh quá mới, quá Tây và táo bạo của Xuân Diệu :

« Đêm bâng khuâng đôi miếng lẫn trong cành »

hoặc : *« Hơn một loài hoa đã rụng cành »*

và : *« Bữa nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm »...*

Giữa cái sầu bao la, mênh mông, não nùng của *Lửa Thiêng* cái sầu của :

« Đêm mưa làm nhớ không gian
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la »...

Giữa những thế giới ấy, chúng ta đã chợt bắt gặp cái ngây ngất, chếnh choáng vì những âm thanh lảo đảo, những cung bậc lênh đênh mới lạ trong một thế giới vừa phảng phất có một phong vị gì của những đêm dạ vũ bên trời Âu, lại vừa bàng bạc, huyền ảo có tính chất vàng son hoa gấm của một đêm tình, một đêm hoa đăng ở Hàng-châu, Kim-lăng... dưới trời Đông Á, ở trong thơ Vũ Hoàng Chương. Chúng ta hãy nghe :

« Khúc nhạc hồng êm ái
Điệu kèn biếc quay cuồng
Một trời phấn hương
Đôi người gió sương
Đầu xanh lận đận cùng xót thương càng nhớ thương
Hoa xưa tươi trăng xưa ngọt gối xưa kề tình nay sao héo ? »

Và còn gì quyến rũ, mê say cho bằng cái cảnh :

« Âm ba gờn gợn nhỏ
Ánh sáng phai phai dần
Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
Lui đôi vai tiến đôi chân
Riết đôi tay ngả đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió... »

Thế là thi sĩ họ Vũ vào làng thơ với một bản sắc độc đáo, một thế giới riêng, tự mình trang hoàng, tô điểm lấy cái thế giới ấy bằng những chất liệu rút ra từ một chút Tình Sử, một chút Liêu Trai, phảng phất một chút Nguyễn Du, Tản-Đà, pha trộn với một chút bay bướm, chải chuốt của bọn Parnassiens, lối diễn tả bằng nhiều biểu tượng của bọn Symbolistes, hay cái lung linh, mộng mị của bọn Surréalistes bên trời Tây, và đôi khi có cả cái phóng túng thoát vượt của lối Tự-do sau này.

Thuở còn ở trên ghế nhà trường, cái thuở bắt đầu làm bạn với thơ văn, chúng tôi thường ngâm nga và nhớ mãi tới bây giờ những vần thơ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương, chẳng hạn :

« Hãy buông lại gần đây làn tóc rối
Sát gần đây gần nữa cặp môi điên
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói
Đưa hồn say về tận cuối trời quên »

(Thơ Say)

Hoặc :

« Nhổ neo rồi thuyền ơi xin mặc sóng
Xô về Đông hay giạt tới phương Đoài
Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng
Lòng cô đơn cay đắng họa dần vơi »...

(Thơ Say)

Phải, còn gì say sưa ngây ngất hơn một « tối tân hôn », một đêm « dâng tình » để thưởng thức :

« Nhịp trúc buông khoan
Sóng tơ dồn chậm
Môi nồng tươi da mịn ấm
Liễu xinh xinh thon dáng liễu cong đôi nét mày »...

đến khi trời đã hồ khuya, giữa cảnh « giàn dưa mưa lất phất », « dầu vơi bấc mỏng » « hoa đèn lung lay », thi nhân nằm đợi mộng. Và : *« Nửa truyện Hồ ly trang sách giở*
Lung linh tiếng giầy »

Kể ra thì thuở đó chẳng ai trách được thi sĩ họ Vũ đi tìm mộng, tìm quên trên khói thuốc, trong cảnh trăng nước, có « phách ngọt đàn say » của một thứ Tầm-dương quạnh quẽ. Trước cái hư ảo mong manh của kiếp người, trước cái sầu kim cổ bao trùm trời đất, con người làm gì chẳng cảm thấy sầu thảm não nề... Và muốn tìm cách gì để... lãng quên. Thi nhân có phút nào ngó vào thực tại để mong họa có chút lạ gì chăng, thì ôi thôi ! Cũng chẳng thỏa lòng. Vẫn chỉ một thực tại với tẻ ngắt, nặng nề, chứa chất bao nhiêu bỉ ổi, xấu xa, nhỏ mọn, soi bói, tị hiềm... Như thế phải tìm một thế giới nào mà thoát chứ, mà chối bỏ nó chứ. Chẳng lẽ cứ đắm chìm vào đấy mãi sao ? Và thi nhân họ Vũ đã lên đường đi tìm :

« Phách ngọt đàn say nệm khói êm
Tiếng ca buồn nổi giữa chừng đêm
Canh khuya đưa khách lời gieo ngọc...
Mơ gái Tầm Dương thoảng áo xiêm »

(Thơ Say)

hay : *« Cuộc đi khói, rượu, thơ, tình, mộng*
Ăm ắp đầy then chẳng mượn đời
Hứng sẵn neo thuyền ghi chút cảm
Buông về cao rộng mấy trùng khơi ».

(Mây)

Thế là thi sĩ đã trốn vào bản ngã của mình, dựng một thế giới riêng, cửa đóng then cài, mà phủ nhận cuộc đời. Chỉ còn mộng, mộng và mộng. Mộng để quên... quên hết. Bởi như Gerard de Nerval đã nói « Mộng là một cuộc sống thứ hai » (Le rêve est une seconde vie). Ngay đến như một chàng trai mới lớn là Xuân

Diệu thuở ấy, một chàng trai yêu đời đến thế, khao khát hưởng trọn mùa Xuân đến thế, mà rồi cũng chẳng thể làm gì hơn, chỉ còn biết quay vào mình để cảm thấy:

« Anh một mình nghe hết cả buổi chiều
Vào chậm chậm ở trong hồn hiu quạnh.
Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh
Anh nhớ em, anh nhớ lắm, em ơi! »

Cả một lớp thi nhân không ai bảo ai đều chui vào mộng, vào tình yêu, cái thế giới đối với họ là thỏa đáng nhất để giải thoát nỗi cái thực tại đáng buồn, đáng « ngấy » lên này. Và người ta cũng không ngờ rằng cái chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa cá nhân của Tây-phương ngày ấy đã một phen có đất đai tươi tốt để bành trướng, để nẩy nở phi nhiêu...

•

Rồi lịch sử lại cứ tuần tự lớp lang trôi đi, lúc thì có vẻ « phai, thắm, đầy, vơi, hờ hững nhịp », lúc thì bão táp phong ba, làm con người hoảng hốt kinh hoàng vào cả đến từng giấc mộng đêm đêm...

Năm 1954, thi sĩ họ Vũ lại cho ra đời một thi phẩm nữa: « Rừng Phong ».

« Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san », có thực chăng? Ngày ấy, đọc quyển « Rừng Phong » người ta đã nghĩ rằng đây có lẽ là tác phẩm cuối của thi nghiệp Vũ hoàng Chương. Bởi lẽ, về toàn thể, « Rừng Phong » chẳng hơn gì được một « Say », một « Mây ». Vẫn từng ấy ý tình, tâm sự, được thi nhân lặp đi nhắc lại. Kỹ thuật vẫn là kỹ thuật xưa, tuy có phần trau chuốt hơn, đẽo gọt công phu hơn; nhưng cũng chính ở chỗ đó mà người ta đã thấy lộ ra cái vẻ mệt mỏi, già nua của thi nhân. Hơi thở, bộ mặt của họ Vũ hiển hiện trong đó cũng là hơi thở, bộ mặt của một người mà tấm lòng đã cằn cỗi héo hon. Người ta không còn gặp cái ngang tàng, phóng dật của một tâm hồn chất chứa bao dông tố bão bùng, pha bao cay đắng xót xa của một đời « bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh » hay đau đớn vì « đầu thai lầm thế kỷ ».

Cái xót xa, sầu khổ, đau đớn ở « Rừng Phong » đã bắt đầu có cái gì kín nhiệm hơn, nghẹn ngào, âm thầm hơn. Tiếng thơ của thi sĩ vì thế cũng đã nhuốm vẻ mệt mỏi, già hẳn đi nhịp theo với kỹ thuật thi nhân xử dụng. Trong « Rừng Phong » chúng tôi bắt gặp nhiều bài thơ, nhất là những bài Đường luật, trong ấy những từ ngữ, hình ảnh thi sĩ họ Vũ dùng có phần trừu tượng hơn, kém trong sáng và đôi khi ảnh hưởng nhiều của lối diễn tả trong thi ca cổ điển. Những điển cố cũng được thi sĩ áp dụng rải rác đó đây.

Khi tác phẩm « Rừng Phong » ra đời, chúng tôi nhớ có một số người đã lên án thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Họ lên án thi sĩ không theo kịp thời đại, thi sĩ trở thành lạc lõng trước hàng ngũ đang « đi lên » của thế kỷ. Thơ của thi sĩ không nói lên cái tiếng nói trung thực của con người đang sống, đang thở, đang chịu những thử thách của lịch sử dân tộc. Thời đại của thứ thơ trau chuốt mà nội dung đề cao cá nhân không còn nữa.

Bây giờ thơ là thơ tranh đấu, thơ không phải để dành riêng cho cái « tôi » nhỏ hẹp, khép kín, mà phải hướng đến cái « chúng ta » cởi mở, rộng lớn. Thế mà nhìn vào tác phẩm « Rừng Phong », người ta vẫn chỉ toàn thấy những cô đơn, chán nản, thất vọng đến chua xót não nề. Vẫn những thổn thức ủy mị lãng mạn :

« Ta đợi em từ ba mươi năm
Uổng hoa phong nhụy hoài trăng rằm... »

Nghĩa là vẫn một khuôn mặt cũ, một giấc mơ xưa còn hiển hiện. Lịch sử thét gào bên tai mà dường như chẳng hề lay chuyển nổi tấm lòng băng sơn lạnh giá của thi nhân. Tuy trong « Rừng Phong », đôi chỗ người ta có bắt gặp hình ảnh thi nhân họ Vũ một đêm nào đó lặng lẽ bước đi trong lòng cố đô Thăng-long mà ngậm ngùi xót thương cho cảnh điêu tàn, đổ vỡ, chết chóc của nhân loại trong chiến thời, nhưng những tiếng thơ ấy, những xúc cảm ấy chỉ thoáng hiện rồi lại vội tắt ngay để nhường cho những tiếng thở dài than vãn của thi nhân muốn tìm lại mộng xưa, một hình bóng cũ, đi tìm một lối thoát mà chẳng được. Cho nên cái giải pháp khả dĩ đáng hơn cả đối với thi sĩ vẫn là :

« Không gian thôi đã ba chiều khép
Thì đốt tâm tư mở một chiều ».

Một chiều ấy mới có thể thích hợp để cho thi nhân được tự do nói cái tiếng ấp ủ, nâng niu của mình, cái tiếng nói êm đềm nhỏ nhẹ :

« Khanh của Hoàng ơi, lửa bốn phương ».

Lời chỉ trích, lên án của những người có ý thức trách nhiệm, có tinh thần tiến bộ ngày ấy không phải là không có phần hữu lý. Riêng với chúng tôi, không hiểu sao, chúng tôi vẫn có cái tin tưởng là thi sĩ họ Vũ chưa hẳn đã mệt mỏi, cằn cỗi đến thế, và chúng tôi vẫn hy vọng « Rừng Phong » không phải là tiếng nói cuối cùng của thi sĩ Vũ Hoàng Chương.

Thi sĩ coi « Sáng tác » là « con đường trở về » :

« Tâm hương đốt nén linh sầu,
Nhớ Quê dằng dặc, ta cầu đó thôi... »

Và ông còn nguyện cầu mãi.

Lịch sử lại biến chuyển đến những khúc quanh gay go, bi thảm nhất : Hiệp định Genève ra đời chia đôi xứ sở. Cùng với từng lớp sóng người đông đảo xuôi xuống miền Nam nước Việt để tìm một đất sống mới, tự do hơn, no đủ hơn, làm lại cuộc đời, xa lánh ngục tù bạo tàn Cộng-sản, thi nhân họ Vũ cũng đã có dịp đi tìm cho mình một không khí mới để hồi sinh, một chân trời mới khả dĩ thích hợp cho một cuộc chuyển mình ý thức.

Bốn, năm, năm trôi qua, cái hy vọng của chúng tôi đã có lời giải đáp. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương vẫn sáng tác rất đều nhịp chuyển theo vòng xe thời đại và những chuyến đi ngàn dặm phiêu lưu. Thi sĩ vẫn khai sinh cho những « đứa con tinh thần » mới. Sau *Hoa Đăng, Cảm Thông, Tâm tình người Đẹp...* thi sĩ Vũ Hoàng Chương lại vừa tự xuất bản tập thơ thứ bảy của ông, không kể các kịch bản (như *Vân Muội, Trương Chi, Hồng Diệp, Tâm sự kẻ sang Tần...*) Đó là tập *Trời một phương.*

« Trời một phương » gồm 26 bài thơ in trên 50 trang cỡ lớn (những thi phẩm Vũ Hoàng Chương thường được ấn hành một cách trang trọng, công phu trên giấy có chạy nền, khổ lớn, bìa do họa sĩ Hoàng Lập Ngôn vẽ từ 1952, nền do họa sĩ kiêm thi sĩ Đinh Hùng trình bày.

Đến « Trời một phương », thi sĩ Vũ Hoàng Chương vẫn mang tròn âm điệu cũ, những câu thất ngôn uyển chuyển, nhịp nhàng,

những dòng lục bát êm xuôi, óng ả, những « trường đoản cú » vần chỉnh đốn, nhạc điệu du dương. Những thi bản của ông vẫn có một màu sắc riêng, một vẻ lộng lẫy, kiêu sang, được điểm trang kiểu cách, qui phái. Có lẽ đó cũng là một đặc tính của thi sĩ họ Vũ ? Những âm giai say lả lướt, kiều diễm và yểu điệu ngày xưa còn trọn vẹn vọng đến bây giờ. Kỹ thuật những bài « Tiếng gọi mẹ » (trang 7), « Khai sinh » (trang 17) « Tận diệt » (trang 27), « Thần nhiên » (trang 40)... cũng vẫn là kỹ thuật Vũ Hoàng Chương cách đây ngoài 20 năm : Kỹ thuật lựa chữ, tạo nhịp, buông vần.

Thật vậy, những câu như :

Gọi lên bằng máu,
Tim rã rời !
Chép ra bằng nước mắt,
Lửa thiêu hố trũng lệ tan thành hơi !
Nơi đâu sâu thẳm gặp cao vời ?
Mẹ còn hay đã mất ?
Cao sâu đâu là nơi ?
Tin hoa một sớm thơm đầy đất,
Lòng cỏ ba xuân nát tới trời.

(Tiếng gọi mẹ)

hay những câu sau đây trong thi bản « Tận diệt » :

Cùng một phút một giây,
Nơi nào, kẻ nào kia nhận nút
Cho phi thuyền đầu tiên
Xé không gian trực chỉ sông Hàn,
Nơi này ta phóng đi
Vào sâu tiềm thức
Một phi xa mười trăm ngàn mã lực
Quanh co đường chữ « Chi »
Bóng tối đặc như than, tay lái nặng hơn chì.

Chúng ta gặp những lối diễn đạt không giống xưa. Nhưng hơi thơ vẫn là hơi thơ quen thuộc của Vũ Hoàng Chương thời tiền chiến. Những bài mang hình thức lục bát, thất ngôn cũng là những « cung thương ngày cũ » tuy cách xử dụng ngôn từ cũng như cú pháp có phần chắt lọc hơn, già dặn hơn, tinh vi, có chiều sâu hơn và cũng cầu kỳ với nhiều điển cố và từ ngữ Hán Việt. Xin đan cử làm thí dụ :

Đêm tà song chếch nở hoa mai
Chuông vọng Hàn-san nguyệt Liễu trai...

(Lá thư người đẹp, trang 25)

Và đây những câu lục bát :

Một phen núi chuyển sông dời
Ngẩn ngơ gạch đá tơi bời cỏ cây...

(Cười vang giữa cuộc, trang 40)

Những bài « Nỗi niềm » (trang 30), « Thản nhiên » (trang 40)... còn rất nhiều điển cố và từ ngữ Hán, xa với bình dân và đượm tinh thần bác học. Đó cũng là một đặc điểm của thi sĩ họ Vũ nhờ sự thông hiểu Hán học (thi sĩ từng làm nhiều bài bằng Hán văn rồi tự dịch nôm). Bởi thế, cách xử dụng từ ngữ trong thơ Vũ Hoàng Chương người ta nhận thấy vững vàng, chính xác, đắc vị khiến không làm thui chột phần nào hứng cảm của thi nhân mà trái lại, còn có tác dụng gia tăng sự bén nhậy để phát huy thi tứ thi hồn.

Vũ Hoàng Chương là thi sĩ của không khí vàng son, say, mơ, nguyệt, Liêu Trai. Có người bảo thi sĩ như vậy, và họ còn nói thi sĩ họ Vũ thích « chơi chữ » cầu kỳ đến lập dị với lối « Nhị thập bát tú » của ông. Chúng tôi không nghĩ như vậy mà tin ở tính cách sáng tạo tự nhiên của mỗi tâm hồn, sự rung động không cương tỏa của mỗi trái tim. Chúng tôi tin ông đã cố gắng tạo cho mình một bản sắc đặc biệt, muốn góp công trình mình vào việc xây dựng văn hóa dân tộc.

Với tinh thần yêu nước, yêu tiếng mẹ, thi sĩ họ Vũ đã đề xướng lối thơ « Nhị thập bát tú » với những quy định riêng. Nhân đây thiết tưởng cũng nên biết qua « đường lối » khi muốn « nhập động » động Thơ « Hai mươi tám vì Sao ». (Đường lối vạch ra bởi người đề xướng).

1) Về nội dung, bài thơ cần phải diễn đạt một tư tưởng hay một xúc động nào liên quan đến những thắc mắc của thời nay hoặc của con người muôn thuở, lại phải nói những tình ý đó ra bằng một hay nhiều hình ảnh trang nhã kín đáo, và thi vị, có tác dụng gợi cảm vừa tức khắc vừa sâu xa.

2) Về hình thức, cần phải xử dụng từ ngữ giản dị và chặt chẽ, sao cho biểu hiện được cách nói của dân tộc : dặt

những câu gọn và tự nhiên, lựa những tiếng nôm thông thường, nghĩa là càng tránh được những danh từ Hán Việt bao nhiêu càng hay bấy nhiêu : Những tiếng nôm ghép đôi cũng nên tránh (thí dụ : bâng khuâng, nhẹ nhàng vv...) nghĩa là càng dùng được nhiều « tiếng lẻ » càng gần với nghệ thuật của lối thơ này.

3) Chỉ được phép đặt 28 tiếng chia thành bao nhiêu câu cũng được, nhưng phải giữ lại yếu tố « vần ». Tuy nhiên, văn thể chính yếu vẫn là thể thơ « Tứ tuyệt thất ngôn Đường luật ». Ngoài ra, nhiều thể quen thuộc khác cũng dùng được lắm ; tứ tuyệt cổ phong, lục bát, song thất lục bát, 2 câu lục ngôn cộng với hai câu thơ mới, 4 câu ngũ ngôn cộng với một câu thơ mới tám chữ, v.v...

Tóm lại, thơ « Nhị thập bát tú » không hề chống lại quá khứ. Chứng cớ là tên gọi của nó cũng gốc ở một thi phái đời Hồng Đức nước ta : Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú, nó lại đặt căn bản trên thơ Tứ Tuyệt đã có từ lâu đời. Nó cũng không tuyệt đối gạt bỏ Hán tự như thơ Bài Hài (HaiKai) của Nhật-bổn. Nó chỉ cốt biểu dương lối cảm nghĩ và lối nói thuần túy Việt Nam.

Vậy thì nhà thơ họ Vũ không « chơi chữ », không cầu kỳ, lập dị. Với chủ trương của thi sĩ, chúng tôi nghĩ đó là một đóng góp, một công trình, một cố gắng. Nhân đây, chúng tôi cũng xin đan cử một bài Nhị-thập-bát-tú nhan đề « Chiều xe định mệnh » vốn là « tiền thân » của thi bản « Tận diệt » (từ trang 27 đến hết trang 29 trong « Trời Một Phương ») :

« Hàng cây xõa tóc chạy đâm nhào
Ngược với chiều xe chúi mũi lao
Trước mặt có gì nguy ? Hẳn thế !
Không dừng lại được... biết làm sao ! »

Chúng ta phải nhận thấy sự cô đọng ý tưởng trong lối thơ do thi sĩ họ Vũ đề xướng. Chỉ hai mươi tám chữ mà sau đem triển khai thì dài tới 60 câu thơ in đầy 3 trang lớn : Bài « Tận diệt ». Đủ thấy dụng công của tác giả là chừng nào ! Cùng một thi tứ, rút lại hay mở tung ra, đều phải già tay nghệ thuật. Về lối Nhị-thập-bát-tú này, chúng tôi hi vọng và tin tưởng sẽ được nhiều người hưởng ứng và phổ biến trên thi đàn nước nhà để nêu rõ được « lối cảm nghĩ và lối nói thuần túy Việt Nam » như người đề xướng hằng ôm ấp, mong mỏi.

Gần đây có một số nhà phê bình đã cho rằng thi sĩ họ Vũ đã chấm dứt vai trò của mình trong làng thơ Việt. Cái lối thơ hình thức vụ vào sự trau chuốt đẽo gọt và một nội dung duy ngã đã hết sứ mạng của nó ; Vũ Hoàng Chương cùng với cả lớp thi nhân tiền chiến đã có phần lạc lõng, bơ vơ trước những hải triều của thời đại đang bồng bồng lớn dậy. Sự nhận định trên, chúng tôi nghĩ rằng quá vội vàng và có phần võ đoán.

Bởi người ta không thể kết luận về một người khi người ấy hãy còn đang tiếp tục xây đắp cái sự nghiệp hằng ấp ủ của mình. Vả lại, nếu theo dõi những hoạt động của thi sĩ họ Vũ trong những năm tháng gần đây, cũng ngó vào các thi bản mới sáng tác của ông, người ta không thể không thấy được cái ý hướng đang muốn chuyển mình, cái ý thức sáng tạo không ngừng để thể hiện được những hơi thở, những rung động sâu xa của thời đại, của thế kỷ. Chúng tôi có thể nói rằng thi nhân họ Vũ không bao giờ muốn mình trở thành lạc dòng, lạc điệu đối với nhịp thở của thời đại. Có chăng là ông chỉ muốn tạo cho mình một bản sắc, một phương thế biểu hiện riêng, hay nói cho đúng hơn, cái bản sắc, cái kỹ thuật diễn tả của ông đã có từ trước kia.

Nhìn vào tập « Trời một phương », người ta đã thấy được cái ý thức đó. Mà còn có thể nói được rằng ngay cả ở những tập thơ trước của ông, chẳng hạn như « Hoa Đăng », người ta cũng đã thấy được những cảm nghĩ, những hơi thở của ông theo kịp được cái rung động sâu xa của thế kỷ. Chúng tôi xin đan cử mấy câu sau đây trong bài « Đăng trình » của thi sĩ họ Vũ ở trong tập « Hoa Đăng » :

« Những vẻ thiên nhiên tự buổi đầu
Với thời gian đã mất về đâu !
Núi sông mòn mỏi bao hưng phế
Hiện nét già nua mặt địa cầu...
... Nhân loại ra đi chẳng một lần
Hợp tan nào khác mảnh phù vân.
Trên đà « tốc độ siêu quang » ấy
Một chuyến đăng trình một hóa thân.
Này lúc vèo qua hệ Thái-dương
Ném sau ngàn đốm lửa kim cương
Mạn phi thuyền cháy lên rừng rực
Ta gõ mà ca « thiên nhất phương ».

Trở lại với tập « Trời một phương » người ta bắt gặp những bài thơ mang những suy tư, thắc mắc, lo âu, hãi hùng của một hình ảnh nhân loại sẽ đi dần đến một tận diệt khủng khiếp trước đà tiến bộ của khoa học nguyên tử, trước cái tham vọng ngông cuồng của loài người muốn vượt Hóa-công, tạo lập một thế giới mới trong đó chỉ có những sinh hoạt của lý trí máy móc, tước đoạt hết cái lung linh siêu hình của tình cảm. Đọc những bài « Thản nhiên », « Tận diệt », ta thấy được những ý tình kể trên. Những từ ngữ, hình ảnh thi nhân dùng trong những bài thơ đã nói lên phần nào nếp sống tinh thần của con người thời đại đầy những ám ảnh tương lai đe dọa kinh hoàng. Trong bài « Thản nhiên », đã có những câu như :

« Đã đến giờ chia phôi
Đầu tiên là khối óc
Ly thân cùng tôi...
...Chúng ra đi kiêu hãnh !
Bằng thuyền không gian hay thuyền bào ảnh ?
Bằng xe Tý Ngọ hay xe Luân Hồi ? »

Hay trong bài « Tận diệt », chúng ta bắt gặp cái hình ảnh một cuộc ra đi vào một không gian rộng lớn vô cùng, nói lên cái kiêu ngạo ngông cuồng của con người thế kỷ hai mươi, qua những câu

« Ta cứ phải lao đầu
Ta cứ phải dâng mình
Làm con hy sinh đầy đủ thông minh
Tự tìm đến rơi vào đáy vực... »

Ngoài những ý tình do ảnh hưởng sâu đậm của thời đại trên đây gieo vào tâm trí độc giả nhiều thắc mắc, dằn vặt xót thương, qua « Trời một phương » người ta còn lại những niềm yêu thương đất mẹ thiết tha, yêu tiếng mẹ nồng nàn, tuổi xuân tươi mát... vốn là những tình cảm dạt dào niềm trắc ẩn của con người muôn thuở.

Tình mẫu tử thiêng liêng, cao đẹp đã được thi sĩ họ Vũ nói lên rất chân thành thấm đượm. Bài « Tiếng gọi mẹ » mở đầu cho tập « Một phương trời » là chính tâm sự của tác giả : Lời thơ như tiếng khóc !

« Trông ra vũ trụ im lìm
Con ngoảnh lại : Khói hương thờ rã cánh !

Choãi dần vòng hương nhòa dần nụ cười
Bóng Mẹ chìm sâu bức ảnh
Không gian mờ loãng chơi vơi... »

Cảm xúc trào dâng thật mạnh khiến người đọc cũng phải ngẩn ngơ, bùi ngùi...

Bài « Bơ vơ » (trang 15) đã nói lên trọn vẹn một tâm sự thường tình của những gã thư sinh đón đợi người yêu trước cổng trường để rồi buồn vơ vẩn, tiếc nhớ với cô đơn :

« *Mỏn con mắt đợi cổng trường*
Người ta về... các ngả đường xôn xao
Bóng ai nào thấy đâu nào
Mây càng thấp, gió càng cao... Một mình !... »

Dù lớp tuổi trên vai chồng chất, dù ngày tháng nặng nề trôi, thi sĩ họ Vũ vẫn để hồn mình quay về với nhạc điệu thanh xuân tươi mềm lả lướt của những mộng mị, bướm hoa ngây ngất ! Một lần nữa, chúng tôi nghĩ thi sĩ Vũ Hoàng Chương không hề lạc dòng mà vẫn gần gũi với thế giới trẻ say sưa tình ái :

Yêu nhau từ thuở tóc còn buông
Một gái thơ ngây một gã cuồng.
Khuya sớm vai kề vui đọc sách
Chung đèn chung cả ánh trăng xuông.

(Ấm lạnh — trang 22)

Bài « Mộng ngày mưa » (trang 23) có nhiều câu diễn đạt những tình ý trẻ ; không kém đậm đà :

« *Xuân vừa kịp chín mười lăm*
Cô bé vai còn tóc xõa
Hồ thu sóng biếc nghiêng nằm... »

« Đêm vàng Thủy tạ » (trang 32), « Tình xưa » (trang 35) « Em chỉ là Mây » (trang 38), « Giấc mơ tái tạo » (trang 47) là những bài thơ nói về tình yêu với những lời lẽ trau chuốt, tình ý thiết tha và chân thật. Tuy là tâm sự riêng của thi nhân nhưng cũng có thể rung cảm độc giả lắm.

Bài « Thôn ca » (trang 26) gợi lên lòng yêu mến quê hương nồng nàn, giọng thơ phảng phất phong dao và rất gần Tản-Đà :

« Ấy ai xuôi ngược bờ đê
Có đi tỉnh Bắc có về tỉnh Đông
Giùm ai khẽ rỉ tai Hồng :
Giải đồng tâm vẫn Cốm Vòng deo đai »...

Đây không hẳn là một bài giới thiệu, một bài phê bình, nhận định mà đây chỉ là một vài cảm nghĩ của chúng tôi, những người đi sau, về thi sĩ Vũ Hoàng Chương, một người của thế hệ trước mà theo chúng tôi, là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo bền bỉ và phong phú, phẩm và lượng của thi nghiệp ông đã góp phần xây dựng rất nhiều vào nền văn hóa dân tộc nói chung, vào thi đàn nước nhà nói riêng. Thi sĩ họ Vũ, (mà nhiều người cho là bây giờ đã lạc dòng, tiếng thơ của ông bây giờ đã hết mầu nhiệm), đã theo kịp những nhịp chuyển lịch sử, những hơi thở thời đại. Bởi thế trong thơ Vũ Hoàng Chương ngày nay người ta nhận thấy nhiều tứ mới, ý mới, tuy kỹ thuật vẫn là kỹ thuật ngoài hai mươi năm cũ.

Những thi bản mới của thi sĩ họ Vũ gần đây có mang một không khí mới do một ảnh hưởng của thời đại vàng son khoa học và kỹ thuật. Khoa học với những tiến bộ phi thường, rạng rỡ đã cung hiến cho thi sĩ của chúng ta nhiều cảm hứng nhiều rung động trước những hình ảnh tân kỳ như trên đã nói. Cũng không vì thế mà thi nhân lãng bỏ những rung động xưa, những rung động tươi mát của tuổi thanh xuân la đà trên bến mộng, sông mơ.

Những bài thơ tình cảm cũ không phải giả tạo mà trái lại, chân thành hơn bao giờ, nỗi nhớ thương tuổi bướm xa vời ai mà không có, và ai không từng tiếc than ?

Tóm lại, thơ và thi nhân là một, nó có một giá trị nội tại khó ai phủ nhận được. Giá trị nội tại đó do trường cửu tính của một thi, văn phẩm, là « tính cách nhân bản » vậy. Chúng tôi không muốn nói tới tính cách « siêu không gian, siêu thời gian », chúng tôi chỉ muốn nêu lên giá trị rộng lớn và bền vững của thi ca Vũ Hoàng Chương. Thi sĩ họ Vũ là một trường hợp đặc biệt của các nhà thơ nổi danh tiền chiến. Ông có một sức sáng tạo không ngừng, dụng công khai phá những miền đất mới, cố gắng theo kịp thời đại để nhận lãnh lấy những cảm hứng mới mà vẫn bảo tồn cho mình một bản sắc rõ rệt. Bản sắc ấy chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy ở một số người đi sau chịu ảnh hưởng ông rất nhiều.

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương không lạc dòng, lạc hướng, không lạc lõng đến « bơ vơ », thi sĩ vẫn hít thở bầu không khí của thời đại này. Tiếng thơ của ông vẫn rất gần với chúng ta và bắt chúng ta rung cảm, hòa điệu. Thơ ông có một giá trị riêng, không một ai suy nghĩ chín chắn lại có thể phủ nhận.

Dòng sông Vũ Hoàng vẫn êm trôi đem nước ngọt và màu mỡ phù sa bồi đắp cho khu vườn văn nghệ nước nhà mỗi ngày mỗi tốt tươi, cung hiến cho đời những mùa hoa rạng rỡ, mà chúng ta, những kẻ thụ hưởng, không thể không nghiêng mình.

MAI TRUNG TĨNH
& VƯƠNG ĐỨC LỆ

---

* Bài trích báo *Tự Do*, tháng 9 năm 1962.

VĂN

Với sự thỏa thuận của toàn thể các tác giả góp mặt trong số báo nầy, Tòa-soạn Văn xin được gửi Thi-sĩ VŨ HOÀNG CHƯƠNG tổng số tác quyền, thay một kỷ vật nhỏ. Thông cảm với tấm chân tình của anh em, Vũ quân đã vui nhận.

NGUYỄN MẠNH-CÔN

nửa thế kỷ làm thơ
Vũ Hoàng Chương

Đêm mưa phùn giá buốt như kim châm. Một anh chàng mới hơn hai mươi tuổi ngả người và tỳ tay vào lan can, quên cái rét tê cóng, nhìn vu vơ xuống con đường vắng và lầy lội của xóm Khâm-thiên để tập làm người suy tư. Trong thâm tâm, có lẽ anh ta đang mong đợi có người gọi trở vào phòng, với một câu nói đại ý ghi nhận thái độ « khác người » của anh ta — một mình đứng trong bóng tối hứng mưa đón gió, trong khi bao nhiêu tài danh « hơn người » quây quần, bao bọc lấy hai ngọn đèn dầu lạc, người nằm co trong chăn bông, người hít hà ôm ấp mấy cô kỹ nữ.

Nhưng không ai ra gọi, vì không ai nhớ đến anh để nhận ra anh vắng mặt. Những người có tên gọi như Nguyễn Tuân, Đoàn Phú Tứ, Trọng Lang, Lan Khai, Nguyễn Triệu Luật v.v... không có lý lẽ gì để chú ý đến anh ta, mặc dù, với tư cách đàn em Lan Khai, anh ta là « chủ chi » chầu hát khá tốn tiền này. Sự quên lãng tự nhiên, rất hợp lý, nhưng đã trót làm một việc khác người, không lẽ anh ta lại chịu rút êm chỉ vì hai bàn tay đã tê cóng chịu thua băng giá?

Anh chàng còn đang tự hành hạ một cách ngây ngô, khờ khạo như vậy, thì, may quá, có tiếng của Lan Khai cất lên ngâm nga mấy câu thơ (*) :

Ồi ! Ta đã làm chi đời ta, ai đã làm chi lòng ta
Cho đời tàn tạ, lòng băng giá
Sương mong manh quạnh quẽ thu già

Rồi sau một phút im lặng :

Mải mê theo sự nghiệp
Quá trớn lỡ giầu sang
Dìu vương nhau mươi chiếc lá thu vàng

Giọng anh dài lê thê như mùa Đông, Lan Khai lại có tâm sự đau buồn, nên chỉ có mấy câu thơ cũng đủ khiến cho trong lòng người bạn trẻ của anh đang buốt thon thót, bỗng có thêm một niềm thông cảm vừa xót xa, vừa êm ấm. Anh ta quên tự ái, quên tủi thân, quên cả lập dị, vội vàng xỏ cửa vào hỏi :

— Thơ của ai đấy anh ?

Lan Khai nhấc đầu lên khỏi đùi một cô gái để nhìn bạn mình như quái thai :

— Anh không biết hay sao ? Thơ Vũ Hoàng Chương đấy !

Vũ Hoàng Chương, cái tên nghe lạ hoắc. Nhưng làm được những câu thơ hay như thế, tất nhiên phải thuộc nhóm Tự Lực Văn-đoàn. Anh ta không dám hỏi lại cho chắc ăn, sợ mang tiếng ngốc. Riêng một sự im lặng giữ cho mình một sự hiểu lầm kéo dài đến ba mươi năm, cũng đủ tỏ anh có nhiều mặc cảm đến tận đỉnh đầu.

Người thanh niên đó bạn đọc hẳn nhiên đã biết là kẻ viết bài này. Và quả thật, mới hôm qua đây đến thăm anh Vũ, hắn mới biết Vũ Hoàng Chương không bao giờ thật sự là người của Tự Lực Văn-đoàn. Câu truyện trên đây xảy ra năm 1942, gần Tết.

(*) Những câu thơ, đoạn thơ trong bài này đều là của Vũ Hoàng Chương. Tác giả viết lại theo cùng kỷ niệm, nên rất có thể có nhiều chữ không đúng nguyên bản. Xin tạ lỗi cùng bạn đọc và anh Vũ Hoàng Chương.

NƠI ĂN CHỐN Ở

Vũ Hoàng Chương có cho tôi biết tuổi của anh, nhưng tôi quên mất, chỉ còn mang máng anh hơn tôi năm, sáu tuổi — tôi bằng tuổi Đinh Hùng, em ruột chị Chương. Anh Chương có chị, và một chú nhỏ khoảng mười ba, mười bốn.

Anh chị Chương ở một ngôi nhà thuê, chung với chủ — chủ nhà là công chức, làm việc ở xa, thỉnh thoảng mới về. Bạn từ đầu đường Phan Đình Phùng đi tới, khi bên tay mặt bạn đã vượt khỏi ngã ba đường Vườn Chuối, thì bên tay trái bạn đột nhiên mở ra một ngõ rộng. Ngõ đất lác đác có trải gạch vụn. Bạn có xe 4 bánh có thể cứ đi thẳng chừng năm, sáu chục thước, thì đột nhiên có ngôi nhà nhỏ, thấp và hẹp, ăn nhỏ vào lối đi. Bạn sẽ thấy một cửa sổ và một cửa ra vào sơn màu xanh in lên màu vàng thẫm của những bức tường : cửa sổ luôn luôn đóng ; cửa ra vào cũng ít khi mở, nhưng nếu mở thì có riềm ny-long màu xanh-trắng bảo vệ cho sự kín đáo trong nhà.

Bạn gõ cửa. Nếu bạn được mời vào, bạn sẽ thấy liền ngay, từ bước chân thứ nhất, một bộ bàn ghế kiểu thường, vừa là bàn ăn vừa để tiếp khách. Một người đàn bà hơi thấp, hơi đậm, khoảng hơn bốn mươi (nhưng thật ra là hơn năm mươi, vì còn là chị của Đinh Hùng — Hùng còn sống thì năm nay 51), nhẹ nhàng chặn bạn lại ngang tầm với chiếc ghế thứ nhất. Xin cho biết quý danh.

Nhưng ngay lúc đó, nếu bạn nhanh mắt, từ phía sau cái tủ kê ngang nhà chỉ để lại một lối đi hẹp bạn sẽ thấy có bóng người gầy, nhỏ, hơi cao cao, thoáng nhìn ra phía bạn. Nếu bạn là người thân, bạn sẽ nghe tiếng anh Chương hỏi bạn đi một mình hay đi với ai. Đi một mình. À, thế thì mời anh vào đây.

Bạn vào phía tay phải, nhưng đi hết bộ bàn ghế bạn phải lạng sang bên trái. Đi-văng và tủ thuộc loại thông thường nhưng sạch sẽ, ngăn nắp, bóng bẩy. Có lẽ đây là giang sơn của ông chủ nhà. Bạn đi quá nữa, cộng từ cửa vào độ 6 thước, sẽ đến giang sơn của nhà thơ lớn nhất nước, từ Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương.

Cảnh thanh bần không gì che đậy được (vả lại anh có muốn che đậy hay không?) : bên trái sát vào tường là kệ sách, bên phải sát vào tường là kệ sách. Cái đi-văng quá khổ của anh kê sát tường, có một phần nằm dưới cái kệ sách bên phải. Đèn sáng giữa đi-văng. Vũ Hoàng Chương nằm trên đệm trải ngang, đầu quay ra ngoài nhà. Dưới chân anh, một bàn nhỏ để điếu thuốc lào, bộ đồ trà có cái ấm đồng nhỏ xíu, đun được chừng một ly nước trên những ngọn bấc đèn hoa-kỳ. Vật dụng độc nhất đáng tiền là cái ti-vi 19.

— Tôi ngẫu nhiên nhờ người bạn giới thiệu và thay thế giao dịch với nhà Khai Trí, bán được tập thơ, lấy tiền mua cái ti-vi này. Hơn mười ngàn.

Ti vi có vẻ cũ, chắc anh dùng từ lâu, và cũng mua lại của ai đó. Một tấm voan ny-lông che phủ màn ảnh nhỏ điểm một khoảng mầu hồng dịu trong không khí khô khan. Đằng sau ti-vi là cầu thang lên gác xép. Sau cầu thang là bếp của chị Oanh, nhỏ nhưng thật gọn gàng, không thoảng bất cứ mùi gì khó chịu.

Tôi tháo dép, xếp bằng tròn bên này đi-văng, đợi nước sôi. Nước chưa sôi, trà chưa uống, truyện không bắt đầu. Một chú nhỏ cao và gầy, nhưng vai rộng tuy hơi ngang, mắt đeo kính trắng nhưng gọng đen, trán cao và rộng, cằm hơi mỏng và đôi môi nghiêm nghị. Vũ Hoàng Tuân, tên của chú. Chú chào tôi rồi im lặng trở ra, dáng điệu in hệt như cha chú, mà tôi gặp lần đầu cách đây hai mươi sáu năm : 1944.

Hai mươi sáu năm qua, chị Oanh, anh Chương không có gì khác trước. Cuối năm 46 tôi có dịp đi với Đinh Hùng về thăm anh ở Bến Thóc (Nam-định). Căn gác cổ kính, rộng mênh mông, mà trong đó thời gian như ngừng trôi, mặc dù các Tự-vệ Thành đang ráo riết chuẩn bị cuộc kháng chiến ngoài đường phố. Không khí im lặng tiếp tục đến bây giờ. Tôi đến từ sáng, ở lại ăn cơm trưa, mãi hơn 5 giờ chiều mới về, mà ngoài tiếng nói của anh, của tôi, tôi không nghe thấy bất cứ một thứ tiếng nào khác — trừ lúc 4 giờ, chị Đinh Hùng đến chơi líu tíu kể cho tôi nghe chị làm show cho « Tôi Hót Và Nịnh », tiếng của đồng nghiệp Duyên-Anh của tôi.

CON NGƯỜI VÀ THỜI ĐẠI

Vũ Hoàng Chương cao khoảng 1 mét 65, nặng không quá 40 kí-lô. Từ 1944, tôi không thấy anh đổi khác, trừ hai đầu mép hơi trĩu xuống, và cặp mắt bớt lấp lánh, tinh anh. Và một điều khác : thời trước anh mặc quốc phục, áo the đen, quần lụa mỡ gà, khăn đóng, chân đi hài, tay cầm quạt giấy ; còn gần đây nhiều bạn gặp anh đi chơi, mặc quần áo nâu như những nhà tu hành miền Bắc.

Xuất thân trong gia đình nho giả nhưng giầu có, Vũ Hoàng Chương sung sướng từ nhỏ đến lớn — không bao giờ thật giầu có để vung vãi tiền bạc, nhưng cũng không bao giờ bị rách áo đói cơm, kể cả trong thời kỳ kháng chiến. Thơ của anh, có lẽ vì thế, chỉ đẹp và buồn, mà thiếu cái chất đòi đoạn xót xa, hay hào hùng to lớn, mà phần đông các bạn trẻ hôm nay đòi hỏi ở các thiên tài.

Như người ta nói đúng, một sự nghiệp văn chương bao giờ cũng là thành quả của sự phối hợp của 3 yếu tố : căn bản con người, đời sống của người đó, và sự đọc sách. Căn bản con người của Vũ Hoàng Chương là một trí thông minh ở mức độ rất cao, nhưng trí thông minh ấy thiếu chất nóng để đẩy nó đi tới. Nói một cách mộc mạc là anh thiếu tham vọng, không những về lợi lộc, quyền thế, mà cả về danh vọng.

Tôi nghĩ rằng anh trái hẳn với tôi, đến độ tôi chỉ hiểu được anh một cách khó khăn. Theo anh kể, anh đậu bằng Tú-tài vào khoảng 1936-37, nhưng anh đã làm thơ từ năm 13 tuổi. Làm thơ, đưa cho một người bạn thân đọc, rồi cũng không đòi lại, không nghĩ đến đăng báo. Rất có thể cũng như tôi, anh thương yêu những đứa con tinh thần của mình, không muốn chúng lọt vào những cặp mắt không có mầu xanh. Rất có thể, theo cảm tưởng thông thường của những người tự biết mình chưa có tiếng tăm, anh không muốn để cho thơ của anh bị bỏ lay lắt trên một mặt bàn nào đó, rồi bị gạt xuống một xọt giấy vụn nào đó trong một tòa soạn, mà vẫn không được người ta đọc đến. Những giả thiết đó đều có lý. Nhưng thật quả anh Vũ Hoàng Chương không nghĩ đến, chứ không phải chỉ vì ngần ngại mà không gửi bài đăng báo mà thôi.

Thật thế, Vũ Hoàng Chương có lẽ là nhà thơ độc nhất của thế kỷ thứ 20 không có thơ đăng báo trước, mà có thơ in thành tập trước khi đăng báo. Lúc bấy giờ vào khoảng năm 1939-40, Vũ Hoàng Chương đang chơi thân với Lưu Trọng Lư. Một người nghèo, một người có tiền bạc đầy đủ, lẽ tất nhiên thỉnh thoảng họ Lưu lại « lấy » của họ Vũ một món tiền nho nhỏ, không tính toán, không hẹn hò. Nhưng một ngày kia Lưu Trọng Lư bỗng cho anh biết anh ta có một số giấy in, định để in một cuốn thơ quý. Chiến tranh bùng nổ, việc phát hành sách gặp khó khăn, Lưu Trọng Lư gán cho Vũ Hoàng Chương số giấy vừa nói để trả nợ. Anh Chương kể :

— Nghe nói thế, tôi cũng chỉ gật gù, vì thật ra chẳng biết in sách thế nào, và bán sách ra sao. Không ngờ khi về đến nhà đã thấy họ Lưu cho chở giấy đến từ bao giờ. Chồng giấy khổ lớn làm tôi khó xử với bà chủ nhà trọ, là bà cô, giàu có, của một người bạn thân. Tôi phải tìm cách đưa giấy đi nơi khác. Tôi nhớ ra trước cửa có sẵn nhà in Cộng Lực (phố Hàng Cót, Hà-nội). Tôi chạy sang gặp anh Bùi Xuân Tuy, giao phó cho anh mọi việc.

Nhà in Cộng Lực thì tôi biết rõ, vì người thật sự trông nom nhà in ấy là anh-con-cậu-ruột tôi : anh Mai Thế Riên, bị người Pháp hạ sát cuối năm 1946 (?). Chính anh Riên có nghề, có vốn chung với anh Tuy và một người thứ ba, chết sớm. Nhà in Cộng Lực làm việc cẩn thận, chu đáo, rất được lòng khách hàng. Từ năm 1938, anh Tuy, giám đốc thương mại, lo mở thêm nhà xuất bản, đứng vào hàng đàn em nhà xuất bản Đời Nay, Tân Dân. Năm 1940 tôi đến thăm anh tôi luôn, thỉnh thoảng giúp anh xem xét một cái máy bị hỏng, và nhớ láng máng có nghe phàn nàn về một cuốn thơ in xong từ lâu mà tác giả không đến lấy đem đi, và cũng không trả nốt tiền in.

— Đúng thế, anh Chương xác nhận, tập thơ in xong lâu rồi, mà tôi cứ lúng túng mãi không biết phải làm những gì để trả được tiền in, bán được sách. Sau, may quá, nhờ gặp Mạnh Phú Tư, đang hợp tác với anh Vũ Ngọc Phan làm tờ *Hà-nội Tân-văn*. Tư chứng minh cái vô lý của tôi một cách dễ dàng : ngoài một số nhỏ bạn hữu, không ai biết Vũ Hoàng Chương là ai hết. Sách, như vậy, chắc chắn sẽ không bán được. « Chi bằng, lời của Mạnh Phú Tư, ông đưa cho tôi đăng báo ít bài, cho độc giả quen tên, rồi hãy tính chuyện phát hành ». Tôi chịu hắn nói phải, đưa

hắn cả tập thơ cho chọn. Sau đó ít lâu, anh Phan cho mời tôi đến tòa báo, đưa cho tôi 50 đồng. Tôi cầm về đưa cho Tuy, rồi giao luôn cho hắn phát hành tập *Thơ Say* cùng với sách của hắn, được bao nhiêu tiền hắn sẽ trừ nốt tiền in, còn trả lại cho tôi.

— Kết quả ra sao ? Tôi hỏi.

— Tuy đưa tiền cho tôi làm nhiều lần, chừng độ nghìn bạc tất cả.

— Nghìn bạc ! Có thật đúng nghìn bạc không ? Anh nhớ rằng nghìn bạc, hồi bấy giờ, có thể mua nổi một ngôi nhà nhỏ ở vùng Chợ Hôm, có cửa hàng.

Anh Chương bấm ngón tay tính nhẩm, đoạn xác nhận : khoảng một nghìn, có hơn hay kém cũng chỉ chút đỉnh.

— Vả lại, anh nói thêm, tôi không hiểu đối với các anh khác ra sao, nhưng về phần tôi, hình như tôi được đãi ngộ khá hậu. Nhân dịp này, tôi lại nhớ có lần đã gặp anh Chu Tử, hồi đó tất nhiên còn là Chu Van Bình. Tôi gặp anh ở với một thiếu nữ ở riêng một căn gác của một tòa nhà 3 tầng. Tôi không biết gì nhiều về anh, mà chỉ biết anh có rất nhiều tiền. Chúng tôi nói chuyện văn thơ, sách vở. Đột nhiên Chu Tử hỏi tôi có cuốn thơ nào cho anh in. Tôi trả lời có cuốn *Mây*. Chu Tử liền đưa ngay cho tôi một nghìn đồng, và hẹn một tháng sau tôi trở lại đưa bản thảo. Nhưng ngày tôi trở lại, anh ta đã bỏ đi đâu, không để lại địa chỉ. Gần một năm sau mới gặp, tôi hỏi thì anh đã quên tất cả. Ai đưa tiền, đưa ở đâu, để làm gì, hoàn toàn không biết. Tôi nhắc mãi anh ta mới nhớ, nhớ rồi thì cười xòa : « Tôi không tính chuyện xuất bản nữa, anh đưa in nơi khác vậy. — Tôi cho nhà Đời Nay xuất bản nhé ? — Càng tốt ! » Thế rồi tôi không gặp Chu Tử nữa. Không biết câu chuyện xưa, anh ấy có còn nhớ hay không !

— Anh in cuốn *Mây* năm 1943 phải không ? Tôi hỏi.

— 1943, đúng đấy. Bảy năm sau, tôi mới ngoài kháng chiến về, gặp Ngọc-Giao. Ngọc-Giao điều đình bán tái bản tập thơ này, lấy được cho tôi một nghìn. Ít lâu sau, lại đưa thêm một nghìn, và cho biết nhà xuất bản không in được (nhưng cứ trả đủ tiền). Nhân dịp này, tôi dịch hai câu cuối bài « Tương Tiến Tửu » của Lý Bạch thành :

Ta cùng ngươi lại cùng nhau,
Uống cho ngàn trước ngàn sau tan buồn.

Một nghìn đồng để in một tập thơ, năm 1910, 1911 ; hai nghìn đồng để tái bản một tập thơ, năm 1950, là tương đương bây giờ với 500 nghìn đồng, theo giá vàng, tăng ít nhất. Theo giá thức ăn, như phở hay rau muống, một nghìn đồng bằng một triệu đồng. Còn theo giá nhà, một căn nhà giá 1.000 đồng năm 1910, ví dụ ở đường Gia Long, bây giờ phải từ 8 đến 10 triệu đồng. Vũ Hoàng Chương có thể nói thơ anh bán được nhiều tiền nhất thế giới.

Rất có thể vì thơ anh hay, rất có thể vì anh không vay trước vay sau nên người ta nể, và cũng có lẽ nữa vì anh có tiền, mà tiền thì hay tìm đến người có sẵn, nhưng có một điều rõ rệt — rất khó tin, đối với tôi — là quả thật anh làm thơ vì thích làm thơ, làm thơ để nói lên tình yêu của mình với người tri kỷ, thế thôi. Anh không nghĩ đến in thơ, càng không nghĩ đến nhờ thơ mà có tiền. Trong những năm gần đây, có người nói anh trúng số độc đắc, có người nói tập thơ *Lửa Từ-bi* đem đến cho anh một số tiền lớn lắm. Nhưng tôi đã đến thăm anh nhiều lần, không có câu hỏi nào để bụng. Tôi còn để ý đến cuốn sách trên kệ, cái đệm trên đi-văng, cái chạn trong bếp. Tôi nghĩ rất có thể sau mấy lần xuất ngoại, anh có để dành được ít tiền làm vốn cho chị Oanh sinh lợi, để trong lúc này, số lương giáo sư trung học không để cho gia đình anh phải thiếu thốn. Thế thôi.

Như thế, với danh tiếng Vũ Hoàng Chương, có đủ để chứng tỏ rằng nhà thơ của chúng ta không biết đếm tiền bằng tay trái ?

NGUỒN CẢM HỨNG I : TÌNH YÊU

Có một điều mà xưa nay tôi vẫn coi là giản dị, mà đột nhiên thấy có người làm khác, nghĩ khác tôi, nên thoạt tiên rất lấy làm kỳ lạ. Tôi vẫn nghĩ không bao giờ người ta giấu giếm những sự thật — tôi muốn nói những sự thật bình thường, như tên họ, địa vị gia đình, lý do tan vỡ v.v. — của những mối tình « động lực » của văn thơ, nhất là khi nhà văn, nhà thơ chủ động đã có tiếng lắm. Tôi càng nghĩ không bao giờ người ta tìm cách « mạo hóa », nghĩa là làm cho mất thực chất, những mối tình đẹp-thành-thơ như vậy.

Chính vì thế, tôi hết sức ngạc nhiên trong khi đọc bài về Vũ Hoàng Chương của một ký giả lão thành, đăng trên một tạp san văn học, cách đây ít lâu. Tác giả có vẻ thân với anh Chương, theo giọng văn. Nhưng, rất đặc biệt, tác giả đã hỏi anh Chương đại ý rằng : « Anh hay dùng chữ mây, chữ vân (cũng là mây) ở vị trí quan trọng của tác phẩm. Nhiều người cho là tại anh có cái thú riêng, có liên hệ đến mây, đến khói. Như thế có đúng không ? » — Không đúng, (anh Chương trả lời vẫn theo tác giả) sở dĩ anh có thói quen đó vì trước kia anh có một người yêu tên là Vân — có phải Thu Vân mà anh nói đến trong bài thơ « Mười hai tháng Sáu » — *Kiều Thu hề Tố hỡi em* — không ? — phải ».

Bài nói trên đây làm cho tôi sững sờ trong giây phút : tôi không hiểu ai, anh Chương hay tác giả, đã có ý làm sai sự thật đến hai lần, ở hai điểm minh bạch.

Điểm thứ nhất : rất nhiều người biết « Kiều Thu hề Tố hỡi em » là một cách từ từ khéo léo để đặt một phần tên của người đàn bà có thật vào thơ, đăng báo công khai, mà không ai có thể trách tác giả thiếu độ lượng, thiếu tế nhị. Người đàn bà đó có cái tên kép thời con gái rất đẹp : Tố Uyển. Hai chị em, Tố Uyển và Tố Loan, trong một gia đình ở số chẵn đầu con đường Capitaine Bruisseau (đi tắt từ Cửa Đông sang Cửa Nam) cùng nổi danh hoa khôi từ khoảng 1935 đến 1915 ở Hà-nội. Tố Uyển, nếu còn sống, chắc đã có cháu ẵm, vì đã hơn 50, còn Tố Loan cũng xấp xỉ tuổi ấy. Cả hai người đều lấy chồng vào hàng trí thức thượng lưu, và hẳn thế, sẽ không lấy làm giận khi thấy tên mình đi vào văn học sử, như nguồn cảm hứng dài lâu và đằm thắm nhất của một nhà thơ tài danh.

Bởi nghĩ thế nên tôi lấy làm lạ vì sao anh bạn hơn tuổi của chúng tôi lại đổi tên Tố Uyển thành Thu Vân. Tôi đến hỏi anh Chương, và đến bấy giờ mới được anh yêu cầu cả tôi giữ kín tên người yêu xưa của anh. Anh bạn ký giả có lẽ đã chấp nhận lời yêu cầu đó, nên mới viết khác hẳn sự thật. Còn tôi, tôi từ chối không thoả mãn anh Chương. Lý do thứ nhất : tôi tự biết câu truyện tình rất đẹp của anh, chứ không phải được nghe anh kể, sau khi đã hứa giữ bí mật. Lý do thứ hai : dù muốn dù không, anh đã là người của một phần lịch sử — phần văn học — nên tất cả mọi chi tiết quan trọng của đời anh trước sau gì cũng phải

đưa ra ánh sáng đầy đủ. Lý do thứ ba : như đã nói trên, yêu Vũ Hoàng Chương và được yêu lại và kích thích khích lệ cho Vũ Hoàng Chương làm được những bài thơ tuyệt tác, tình yêu ấy không làm tổn thương danh dự của bất cứ người vợ hay người mẹ, của bất cứ bà vua hay bà quan nào — nếu không phải là trái lại !

Điểm thứ hai do chính anh Vũ Hoàng Chương kể cho tôi nghe. Năm 1941, anh theo thiên hạ dời Hà-nội tránh bom của Mỹ. Bước « giang hồ vặt » — nghĩa là đi đó đi đây theo sự tình cờ, mời mọc — đưa anh đến làng Dương-ổ ở gần tỉnh lỵ Bắc-ninh (bên tay trái ga Lim, theo chiều từ Hà-nội tới). Một người bạn, Lê Trọng Qũy, có vợ lẽ ở đấy, và cũng ở đấy anh gặp một thiếu nữ trẻ đẹp sắp có chồng. Nàng tên Vân.

Theo thông lệ tại các làng thuộc vùng Trung-du Bắc Việt, các cô gái quê sẵn sàng lấy chồng theo quyết định của gia đình : lấy chồng bằng nửa tuổi, để về nhà chồng giúp việc ruộng nương (trong khi chồng, đi chăn trâu, còn cởi truồng đùa nghịch) ; hoặc lấy chồng là người khá, nhưng lấy làm lẽ, cam phận ở nhà cha mẹ chờ đón thỉnh thoảng chồng về thăm thì cung phụng cơm nước, hầu hạ chiếu chăn, cho đến khi ông chồng cất bước về với vợ cả hay đi tìm cô vợ lẽ thứ hai (và nếu có con thì vẫn cứ... tự lực cánh sinh !).

Anh Chương, theo lời anh, muốn lấy cô Vân, cô Vân cũng muốn lấy cậu-Tú-người-Hà-nội. Nhưng gia đình cô Vân đã nhận trầu cau, tiền bạc của gia đình một chú nhỏ mới lên 9 tuổi. Anh Chương muốn lấy cô Vân tất phải trả của cho đương sự. Anh không có số tiền đó — khoảng 10 đồng bạc, — nhưng anh lại sẵn sàng lấy cô Vân làm vợ cả đàng hoàng. Anh nói như vậy với thiếu nữ và rủ nàng đi trốn. Nàng bằng lòng. Trai tài (quả là có tài !) gái sắc hẹn nhau ở đỉnh một ngọn đồi, vào sáng tinh sương một ngày mùa Đông. Vũ Hoàng Chương của chúng ta xuýt nữa thì biến thành tượng đá — đá lạnh — sau mấy tiếng đồng hồ chờ đợi giữa trời : nàng không đến.

Mãi về sau anh Chương mới biết người gái quê sợ thị thành. Sự trao gửi thân phận, nếu đưa đến phũ phàng, sẽ đưa nàng tới Tú Bà hay Bạc Bà nào ? Người gái quê không biết « một đêm với quân tử hơn suốt đời với phàm phu », nên đành phận bám lấy

ruộng đất và quê hương trước hết. Vũ Hoàng Chương buồn vì tình, thơ thẩn về Hà-nội, gặp Mạnh Phú Tư (*) rủ cùng về ở một vùng quê xa hẳn nơi kẻ chợ. Đó là một thôn ấp nhỏ lạc giữa một cánh đồng chiêm mênh mông thuộc huyện Kim-thành, tỉnh Hải-dương. Ngoài hai bữa cơm rau dưa, đến điếu thuốc lào cũng phải đi năm, mười cây số mới mua được. Sự yên tĩnh thật hoàn toàn. Trong một tuần lễ, Vũ Hoàng Chương viết xong kịch thơ, viết xong mới đặt tên, mới nhớ đến nàng thiếu nữ tên Vân mà đặt tên *Vân Muội*. Vở kịch thơ này được công diễn lần đầu tại Nhà Hát Lớn Hà-nội, vào tháng Chạp năm 1942.

Nói tóm lại, nguồn cảm hứng của những bài thơ tình yêu của Vũ Hoàng Chương là Tố Uyển, một thiếu nữ tân tiến có vẻ đẹp rất «mệnh phụ» ở Hà-nội ; còn nguồn cảm hứng của kịch thơ *Vân Muội* là cô thôn nữ tên Vân, ở Bắc-ninh.

NGUỒN CẢM HỨNG 2 : LÃO TRANG

Mười năm trước, nếu có viết về Vũ Hoàng Chương, chắc hẳn tôi đã có những xúc động đằm thắm hơn, êm ái hơn bây giờ. Lẽ tất nhiên vì tuổi đời, từ bốn mươi đến năm mươi, báo hiệu một sự đổi thay rất lớn. Có thể tôi đã già, thì lòng phải khác. Nhưng còn một nguyên nhân nữa quan trọng hơn : tôi đã bắt đầu đi vào lãnh vực lý thuyết triết học. Lẽ tất nhiên kẻ làm lý thuyết là người đầu tiên thấm nhuần lý thuyết của hắn. Tôi sẽ tìm hiểu và viết về Vũ Hoàng Chương với tư cách ấy, và chắc chắn sẽ nghiêng về tư tưởng nhiều hơn về văn chương. Đó hẳn nhiên là một sự thiệt hại cho anh — và cho cả tôi.

Vì, thật thế, thơ Vũ Hoàng Chương, đối với người đọc vào năm 1940-50, là những tác phẩm hoàn hảo, cả về hình thức, cả về nội dung. Từ khi cuộc Thế-chiến 40-45 bùng nổ, người Nhật chiếm đóng Đông-dương, người Nhật đánh người Pháp, nước Việt Nam tuyên bố độc lập, Việt Minh cướp chính quyền rồi Toàn-quốc

(*) Mạnh Phú Tư, tác giả những truyện dài *Nhạt tình*, *Làm lẽ* v.v... Cuốn *Làm lẽ* đã được giải thưởng của Tự-Lực Văn-đoàn khoảng 1938. (Xin đừng lẫn với Đoàn Phú Tứ, kịch tác gia).

Kháng-chiến, người thanh niên, không kể một số ít theo hẳn một chính đảng nào đó — với đầy đủ tin tưởng cần thiết — người thanh niên nào cũng mang trong tâm hồn một thứ cảm hoài không sâu sắc nhưng cũng không nông cạn, không đau đớn nhưng cũng không sung sướng gì.

Nhớ thuở xưa chưa có ta hề đường đi thênh thênh
Kịp tới khi có ta hề chông gai mông mênh
Cuồng vọng cả mà thôi, bốn phương hề vướng mắc
. . . .
Ôi đường gai góc là bao hề sóng cồn mặt bể
Thương cho tay lái non hề con thuyền lao đao (*)

Vũ Hoàng Chương, tỉnh táo hơn một số đồng nghiệp của anh, không đua đòi ca tụng, như Huy Cận, cái sức mạnh mà thật ra chưa ai hiểu rõ. Sự lựa chọn không có, thành ra chỉ có bế tắc. Mình biết mình yếu, mà không làm thì hèn, nhưng cứ làm thì thấy cái này không ổn, cái kia không ổn.

Ta đã làm chi đời ta xưa
Ta đã dùng chi đời ta chưa

Thiên thu ngờ sự nghiệp
Chiều mưa rồi đêm mưa
Gió lùa gian gác xép
Đời tàn trong ngõ hẹp (**)

Bài thơ « Đời tàn ngõ hẹp », theo anh Vũ Hoàng Chương, được anh làm ở Hải-phòng, năm 1941 hay 42, khi xuống Cảng dạy học thay một người bạn ở trường Lê Lợi. Anh ở nhà Lan-Sơn, một nhà thơ không trọn, một nhà giáo không thành, nên suốt ngày than thở. « Tôi vì Lan-Sơn mà làm bài thơ đó. Nhà thấp nhỏ, mưa dầm dề ngày đêm, câu « *Giường chiếu ẩm hơi mưa* » cực tả đúng cảnh thật lúc bấy giờ ». Anh Chương nói như vậy, rồi nhân một câu hỏi của tôi, anh xác nhận suốt đời anh không có điều gì như anh đã viết.

(*) *Túy hậu cuồng ngâm.*

(**) *Đời tàn ngõ hẹp.*

Vì, thật thế, anh không có gì oán hận đời sống, ngoài mối tình với Kiều Thu mà sự tiếc thương có vẻ « thơ » hơn có vẻ « thật ». Con nhà gia thế, giầu có, học giỏi, nhưng rồi bỏ học đi giang hồ, tuy có thiếu thốn nhưng luôn luôn biết chắc hễ về với gia đình lại đầy đủ ngay, anh không phải là người vương mang việc đời cho khổ vào thân. Ảnh hưởng của Lão Trang không lúc nào không rõ rệt :

Học làm Trang Tử thiếu cơ nghiệp
Khúc Cổ Bồn Ca gõ hát chơi (*)

Xác bỏ trống trơ hề *trí vào mê loạn*
Say tới Vô Vi hề *Ta đó Ta ơi* (**)

Tôi không biết anh Chương hiểu thế nào về Lão, Trang. Nhưng căn cứ theo sự nhận định của nhiều bậc túc nho của ta, người đời ít khi hiểu đến quan niệm Tạo hóa và Sinh, Tử, của Lão Tử, mà chỉ hiểu đại khái rằng cuộc đời như có như không. Câu nói « Vô vi vi trị, hư vô vi tôn » không được thấu đáo một cách tích cực, mà bị phiên giải một cách dễ dãi là cuộc sống, nói tóm lại, là chẳng có gì (***). Cuộc sống đã chẳng có gì thì nên bắt chước Trang Tử, coi nó như một giấc mơ, mà riêng mình thì cất một tiếng cười — cười như khóc. Con người, trong trường hợp này, rất dễ trở nên tiêu cực : sống không bận lòng suy tư về việc đời lớn nhỏ, không cố gắng thực hiện bất cứ sự nghiệp nào, kể cả về tiền bạc, danh vọng.

Vũ Hoàng Chương, theo tôi, chịu ảnh hưởng của Trang Tử nhiều hơn của Lão Tử, người ta phải chịu đựng nổi, rồi thoát

---

(*) *Mười hai tháng sáu.*

(**) *Bài hát cuồng.*

(***) Theo tôi nghĩ, Lão Tử muốn nói đến tầm quan trọng của chữ « VÔ » mà người ta đáng lẽ phải hiểu là « KHÔNG CÓ VẬT CHẤT », nghĩa là Tinh thần Thuần túy, là « CHÂN KHÔNG » theo đức Phật. Nếu hiểu như vậy, thuyết VÔ VI sẽ có tác dụng tích cực hơn tiêu cực : biết rõ vật chất là mạnh, nhưng vẫn chú trọng đến tinh thần nhiều hơn, cốt sao giữ được sự thanh thản trong lòng.

được ra ngoài, một cuộc sống trăm cay nghìn đắng, nếu không tự mình phải có một tâm hồn trầm lắng cao độ, và phải biết đem tâm hồn ấy mà nhìn vào thế cuộc đau thương của một xã hội thời loạn. Tôi tưởng như Vũ Hoàng Chương không có điều kiện nào trong hai điều kiện ấy.

Là người nhạy cảm êm ái nhưng thiếu thâm trầm — tôi muốn nói cái thâm trầm của người suy tư không ngớt phân tích tâm hồn mình — Vũ Hoàng Chương có thiên tài đặc biệt về sử dụng ngôn từ. Nếp sống lành mạnh, về phương diện đạo lý, và tác phong phóng túng của anh được xã hội thời bấy giờ chấp nhận hay tha thứ một cách dễ dàng. Giữa hàng triệu người không nói chính trị và làm cách mạng, anh không có mặc cảm nào hết. Sống, hoàn toàn riêng tư, chỉ cần không phạm pháp, không làm hại cho ai, là đủ. Sống một cách phởn phơ, có việc thì làm, không có việc thì chơi, gặp người đẹp thì yêu, yêu mà không lấy được làm vợ cũng không sao: sống như thế, theo chữ thời bấy giờ, là « đẹp » hay « đạt ».

Vũ Hoàng Chương giữ cho anh không tham lam bất cứ thứ gì ở đời. Có lẽ có phần nào tư tưởng của Nhà Phật nơi anh, nhưng Phật, Lão hay Trang, đều có một điểm chung, là sự từ chối xã hội. Riêng tư tưởng của Trang Tử gần gụi với đại chúng hơn — nhờ hình ảnh hóa bướm và quạt mồ — đồng thời cũng nên thơ hơn. Có lẽ vì thế Vũ Hoàng Chương đã chọn Trang Tử. Sự « vướng mắc » và « chông gai mông mênh », theo một số người, có thể chứa đựng một cảm hoài chính trị, khi tác giả thấy mình, và dân tộc mình, quá yếu đuối, quá lạc hậu, so sánh với các lực lượng Pháp, Nhật đang tranh hùng trên đất nước. Tôi đồng ý anh Chương có lúc có thể có ý nghĩ thoảng qua như vậy. Nhưng ý nghĩ ấy, nếu có, cũng không kéo dài, vì kinh nghiệm cho tôi biết một người đã có lần nghĩ đến chính trị mà xúc động đến như thế, người đó tất nhiên phải có hơn một lần thử lửa : tôi đã hỏi Vũ Hoàng Chương, và được anh xác nhận anh không có tham gia chính đảng, hay hoạt động chính trị lần nào.

Sự « vướng mác » thành thử chỉ là cảm ứng có tính chất thuần túy triết học, một thứ triết học khởi từ truyền thống và lắng đọng ở trực giác. Vũ Hoàng Chương không khác gì Kafka hay Sartre trong sự bản khoăn về cuộc sống, mặc dù bản chất hoàn toàn khác biệt, ba tác giả này cùng có những ý niệm hoàn toàn

mơ hồ về sáng thế, về nguồn gốc đời sống. Họ tiếp nhận đời sống hiện tại, đem tâm hồn phong phú về hình ảnh, và bén nhậy về diễn đạt, ra mà đòi hiểu sự rộng lớn vô cùng của Trời Đất, sự phức tạp vô cùng của đời sống. Nguyên nhân sự vướng mắc là ở đó — bốn chữ « chông gai mênh mông » nói lên một nghịch lý (đã chông gai, vướng mắc, mà còn mông mênh) tỏ cho người đọc thấy cảm quan của tác giả về cuộc sống « nhìn vào thì mông mênh, mà đi tới thì vướng mắc ngay từ bước đầu... ». Cách đây đã khá lâu, tôi được đọc một số bài đả kích Vũ Hoàng Chương của một vài bạn trẻ. Những người đó, ngưỡng mộ tư tưởng hiện thực ở Pháp, Đức v.v..., không nhận ra rằng Vũ Hoàng Chương, trong bài thơ của anh, đã nói lên được nỗi niềm khắc khoải của họ.

(Có lẽ, theo tôi nghĩ, đã có sự hiểu lầm vì những câu có vẻ cổ kính, xa vời thực tại :

Gối vải mộng phong hầu
Vàng son mờ gác xép (*)

hoặc những câu đầy vẻ sách vở, tuyệt nhiên không gợi cảm cho người không đọc được Hán văn, và cũng không được đọc những truyện hay về người, vật, và cảnh vật của Trung-hoa :

Đây Hàng Châu thường mơ ước đêm Hoa Đăng
Đêm Hoa Đăng đèn xanh bóng trăng
Đêm Hoa Đăng đèn quanh lối xóm
Đây cầm ca người đẹp gái xưa Kim Lăng (**)

hoặc những câu có thể khiến cho người đọc hiểu lầm tác giả như một người mà chí nguyện bình sinh chỉ là :

Mải mê theo sự nghiệp
Quá trớn lỡ giàu sang
. . . .
Đường hoa son phấn đợi
Áo gấm về xênh xang
Chợp chờn kim ốc giai nhân (***)

(*) *Đời tàn ngõ hẹp.*

(**) *Dâng tình.*

(***) Cổ văn Trung-hoa viết « Trong sách có gái đẹp như ngọc ở nhà vàng ».

Khoa danh trên gối rụng tàn theo
Nao nao đàn sáo phai dần
Hạnh phúc tàn theo
Nửa gối thề nhi lá rụng vèo (*)

mộng « người đẹp nhà vàng » — một điển tích văn chương của Trung-hoa — sớm tan vỡ, đến nỗi tác giả chỉ còn :

Ai khóc đời ai trên bấc lụi
Đây mùa thu sớm lửa dần thiêu (**)

.

Đâu đó tà dương hề *treo ngọn bấc*
Đâu đó cuồng phong hề *reo đáy chai (***)*

Người đọc không có lỗi gì khi hiểu lầm Vũ Hoàng Chương như một con người thiển cận. Sự hiểu lầm vì những cảm hứng sách vở — ôi ! ai là người viết văn không có phần nào viết theo sách vở, mà chính mình không biết, vì sách vở nhập tâm, khiến tư tưởng của cổ nhân biến thành tư tưởng của mình ? — Sự hiểu lầm ấy tất nhiên tai hại cho anh không nhỏ, mặc dù ngoài tôi ra, còn rất nhiều người biết Vũ Hoàng Chương, nếu chỉ có thoảng qua cái bóng của sự tham lam, thế tất ngày nay không còn thu hẹp chỗ ở của hai vợ chồng, một đứa con trai, trong một nửa căn nhà mướn, không rộng đến 20 thước vuông !)

NGUỒN CẢM HỨNG 3 : SPOUTNIK VÀ THÍCH QUẢNG-ĐỨC

Sau một thời gian im tiếng, Vũ Hoàng Chương chỉ trở lại làm thơ vào khoảng 1957-60. Sự im tiếng nhuộm mùi cay đắng của người nghệ sĩ thấy mình bị bỏ rơi, nhưng không thể nào chạy theo thế hệ mới. Chúng ta, nhất là tôi, cùng hiểu rõ tâm trạng của anh. Tôi, nếu được gọi là nghệ sĩ, còn tham dự vào công việc làm cho anh chóng bị quên lãng hơn : tôi nghĩ nhiều hơn

---

(*) *Đời tàn ngõ hẹp*
(**) *Ngoài Ba Mươi Tuổi.*
(***) *Bài Hát Cuồng.*

viết, viết về tâm lý và chính trị nhiều hơn viết theo cảm hứng thuần trực giác. Tôi hợp thời nên sống được. Trong khi đó, anh Vũ Hoàng Chương chỉ in lại được tập thơ *Mây* : 2.000 cuốn, giá bán mỗi cuốn 60 đồng.

Tuy nhiên, một thiên tư có tên Vũ Hoàng Chương không đời nào chịu đầu hàng thời gian quá sớm. Năm vào Nam, anh mới khoảng 40 tuổi. Con người của họ Vũ có thể chấp nhận sự túng thiếu, có thể chấp nhận cả sự quên lãng — vì anh chẳng tha thiết bao nhiêu đối với danh vọng nhà thơ — nhưng chắc hẳn anh không thể chấp nhận với chính anh rằng nguồn cảm hứng đã cạn (hay, nói cho đúng, đã bị thời thế vượt qua), có lẽ nào Vũ Hoàng Chương đã chịu bó tay ?

Không chịu bó tay, Vũ Hoàng Chương đổi đề tài. Thay vì viết từ mình, cho mình, như tất cả những bài thơ về thân phận cảm hoài khi trước, anh viết một vài bản hùng ca như « Bài Ca Bình Bắc », « Lửa Từ Bi »... và 42 bài thơ tư tưởng, loại 4 câu 7 chữ, kèm thêm một ít bài đoản ca, in trong tập « Tâm Tình Người Đẹp » ; 28 bài tiếp theo sau (tập mới) in trong cuốn « Cành Mai Trắng Mộng » — một số bài thơ theo nếp cũ, cũng in trong CMTM, bị coi như không đáng kể, không những vì chúng không vượt được anh chị của chúng, mà còn vì sự lạc lõng thấy rõ của những câu :

Mình cười nghe trong veo
Mà lạ chưa, má phấn đỏ lên nhiều
Tiếng cười như ngọc vỡ
Hay là hạt sương
Hay là châu rơi mà xe hoa nghiến nát trên đường... (*)

giữa những câu khác :

Ngoài khơi Trái Đất phi thuyền lạ
E đứt đường bay chẳng dám vào (**)

hoặc 4 câu của bài « Kích Thước Chân Thân »

Con sâu đo lá chợt vươn mình
Từng đốt nhoài qua mép tử sinh

(*) *Ai Có Qua Cầu*

(**) *Chiến Sĩ Vô Danh*

Bắt gặp bề sâu nhìn xuống mãi
Đo trong thăm thẳm cái nguyên hình

Con sâu bò sát mặt đất, nếu có mắt, mắt cũng sát mặt đất. Hãy nhìn xem nó bò trên thân cây, lá cây : đường dốc đứng hay mặt phẳng đưa ngược bụng lên trời, nó cũng không biết. Khoa học nói rằng con sâu, cũng như con rắn, con mối, chỉ biết có 2 kích thước dài và rộng — thẳng và ngang — của ngoại cảnh mà thôi. Con sâu nào cũng thế, trừ con sâu của Vũ Hoàng Chương. Con sâu của anh vươn mình đến mép lá và thò đầu ra ngoài. Nó thấy gì ? Nó thấy cây cảnh chung quanh hay chỉ thấy mênh mông vô tận ? Hay sợ hãi tuột chân, nó liền có ngay dịp hiểu ngay cái bản thể nhỏ bé của nó ? — Con sâu nào, hay chính sự nhen nhúm kinh hoàng của một Vũ Hoàng Chương vươn mình... gần đến mép tử sinh, và nghĩ đến vòng Luân Hồi, thấp thoáng thấy có chút nào tâm sự của mình trong con sâu ấy ?

Trong bài thơ này, người ta dễ nhận diện được con người cụ thể, sống động, của Vũ Hoàng Chương. Từ « chông gai mông mênh » và « bốn phương vướng mắc » của thời kỳ « tuổi chớm ba mươi », anh đã trưởng thành, đã bước vào lãnh vực suy tư triết học, không phải thứ triết học trực tiếp của người trai đầy nhựa sống, mà triết học của ám ảnh, của hoang mang về sự chấm dứt sau cùng của cuộc sống :

Sao chiếc khinh cầu không nhẹ bớt
Mà lên cho tới đỉnh Siêu Chân (*)

Chiều nay một dấu than không dứt
Đinh đóng vào săng tiếng trả lời (**)

Bài thơ mang tên *Thôi Hết Băn Khoăn* có ý nói rằng chết là hết, không còn gì để bàn bạc, lo nghĩ nữa. Nhưng « tiếng trả lời » như vậy có đủ không ? Chắc chắn là không. Con người thơ có lúc mặc nâu sồng, tìm Siêu-thoát trong Chân-như, con người thơ bực bội cùng đường, dám lấy tiếng « đinh đóng vào săng » làm tiếng trả lời sau cùng... Có thật thế chăng ? Khi anh còn viết :

(*) *Vần Thơ Cát Bụi.*

(**) *Thôi Hết Băn Khoăn.*

Thiên thư một cuốn mở dần trao
Lời vàng lấp lánh khuôn xanh ngắt
Ta ngẩng đầu vâng lĩnh ý cao (*)

Bơ vơ Nhân Loại chắp tay quỳ
Bỗng nghe rờn rợn lời đanh thép
Trời Máy là ta... Con nguyện chi (**)

Ba câu trên cho thấy Vũ Hoàng Chương không còn lấy đạo Phật làm đủ. Ngẩng mặt lên Trời cao, lên khoảng không mầu xanh đầy bao dung, anh hiểu rằng trong sự rộng-lớn-vô-cùng, mà anh biết ánh sáng đi hàng tỷ năm không hết, có sự mầu nhiệm vô cùng gần gụi với nhân loại. Vũ Hoàng Chương biết anh không thể vội vàng, mà phải kiên nhẫn đợi chờ.

Nhưng đợi chờ trong bao lâu ? Chúng ta đừng quên Vũ Hoàng Chương rất giỏi toán, hồi còn đi học, và khi vào Đại-học, anh đã chọn môn Toán Đại-cương. Anh cũng có đủ vốn ngoại ngữ để đọc sách báo, sau này, về khoa học. Vậy tất nhiên anh có đủ khả năng ước lượng sức tàn phá của một quả bom A, một quả bom H. Tất nhiên anh cũng biết bộ môn cơ động chỉ huy, với những bộ óc điện tử ghi nhận, sắp xếp, so sánh được ký ức gấp nghìn, vạn lần bộ óc của loài người. « Thượng đế Ngày mai », nếu không có gì xẩy ra, sẽ là những Máy-Người. Một trong những Máy-Người đó sẽ có một bộ ký ức điện tử ghi nhận tư tưởng, âm thanh, nhịp điệu của thơ của Lý Bạch, Lamartine, Rimbaud, Vũ Hoàng Chương : người-của-tương-lai thích nghe thơ chỉ cần bấm một cái nút, và trong 1 phần nghìn của một giây, bộ máy kia sẽ nhả ra một bài thơ lãng mạn theo Lamartine, mà có nhạc của Lý Bạch, có nhịp của Vũ Hoàng Chương.

Đó là một trong những nguyên nhân khiến cho chúng ta, khi nói về Vũ Hoàng Chương, như về một số nhỏ người khác, có thể nghĩ rằng anh đã chịu ảnh hưởng của văn học thời trung cổ và thượng cổ Trung Hoa khi anh còn trẻ, và ảnh hưởng ấy

(*) *Lĩnh ý vâng lời.*
(**) *Thượng đế ngày mai.*

theo đuổi anh suốt đời, nhưng sau đó Vũ Hoàng Chương còn chịu ảnh hưởng của tinh thần phân tích của Tây phương, và bị ám ảnh bởi nếp sống mãnh liệt nhưng mù lòa mà người Pháp, đệ tử của nền văn minh Hy Lạp và Ky-tô, và người Mỹ, biểu hiện sự tiến bộ kỹ thuật hóa cao độ, đem đến đặt lên đầu lên cổ chúng ta, như một thứ gông cùm hay tín ngưỡng mới.

NHÀ THƠ VÀ THẾ CUỘC 63

Trong khi viết bài này tôi có đến thăm anh Vũ Hoàng Chương nhiều lần. Có lần tôi hỏi anh :

— Anh viết nhiều về đạo Phật và về sinh hoạt Phật tử, có thể vì tư tưởng của Phật đã thấm sâu vào tâm hồn chúng ta. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng, trong nhiều lúc suy tư, anh đã thấy tư tưởng của Phật không đủ ?

Anh Chương xác nhận tôi nói đúng. Hình như anh còn giải thích gì thêm, nhưng tôi không chú ý nghe, vì còn bận tâm với một ý nghĩ khác mà, không hiểu tại sao, tôi không nói ra. Ý nghĩ đó là anh Chương, thật ra, cũng chỉ hiểu tư tưởng của Phật như một phần nào các nhà trí thức nước ta, và trong vòng năm bảy năm vừa qua, anh còn bị thời thế đưa đến chỗ đặt tư tưởng của Phật xuống một vị trí thấp hơn nữa.

Tôi còn nhớ có viết ở đâu đó một đoạn luận thuyết về hai chữ « từ bi ». Đành rằng từ bi là thương xót, nhưng thương xót ai, và thương xót thế nào. Tôi đề nghị sự hiểu biết làm 3 bậc. Cao nhất, nghĩa là sâu sắc hơn cả, là tình - thương - không - xúc - động của chân tâm thường hằng thường tịch : do sự chiêm ngưỡng thiên nhiên mà thấu đáo vai trò của Tạo hóa, mà thông suốt vòng Luân Hồi vô thủy vô chung, nên vì thế mà tách rời chân tâm ra khỏi thân tâm, khiến cho chân tâm rút bổng lên cao, ý niệm xuống thế cuộc mà thương cả chúng sinh lẫn cả thân mình ô trọc, và chìm đắm trong biển khổ. Bậc thứ nhì là tình thương thu gọn lại cho bản thân — như đức Phật chưa đắc đạo, khi mới dời cung điện đi tìm chân lý — ; nhà trí thức suy tư triết học, hàm bản thể, lắng tinh thần, cố quên tham - sân - si để giải thoát riêng cho tâm hồn của mình. Bậc thứ ba thuộc về một

đạo Phật đại chúng hóa, nhuốm mùi thần quyền, bị sử dụng như một đường lối xây dựng xã hội hay đấu tranh chính trị.

Người theo Phật đến bậc trên cùng đương nhiên đã là Phật rồi. Thời gian hay không gian, động hay tĩnh, chủ hay khách, đều hòa làm một : chân tâm đã trở về với Chân Như. Người theo Phật đến bậc hai giống như tu sĩ nhập thiền, đem tinh thần áp lực thể xác, nếu may giác ngộ, rất có thể đạt tới mức giải thoát cho riêng mình. Tôi nghĩ rằng hầu hết giới trí thức Á Đông, xưa nay, đều theo Phật bằng con đường rất cao nhưng rất hẹp như vậy. Tôi nghĩ rằng trước khi có cuộc chính biến năm 1963, anh Vũ Hoàng Chương cũng không ra ngoài đường lối ấy.

Nhưng thời thế đổi thay và tình đời quyến rũ. Vũ Hoàng Chương vốn không nghĩ và không làm chính trị, nhưng dù sao anh vẫn là người, anh không thể tránh được sự ao ước cho toàn dân được hạnh phúc và tự do, dưới một chế độ hoàn toàn dân chủ. Anh cũng không thể thoát được màng lưới tuyên truyền được giăng ra một cách khéo léo tuyệt vời. Cho nên, hẳn nhiên là như vậy, anh tin chắc có sự đàn áp tôn giáo, anh tin chắc gia đình Ngô Đình Diệm phạm tội ác ngút trời, và quan trọng hơn, anh tin rằng nếu đánh đổ được họ Ngô, hơn 80 phần trăm nhân dân Việt Nam theo đạo Phật sẽ dễ dàng kết hợp trong công cuộc xây dựng một chế độ lý tưởng.

Theo tôi hiểu, đó là nguyên nhân độc nhất khiến cho anh, sau bao nhiêu năm sống ngoài vòng cương tỏa, bỗng tự nhiên nhập cuộc làm bài thơ *Lửa Từ Bi*, cùng nhiều bài tiếp theo sau, suy tôn Đại-đức Quảng Đức, các nữ sinh Mai Tuyết An và Quách thị Trang, là những người có dịp chứng tỏ tấm lòng quả quyết hy sinh của họ, để phục hồi uy thế trên lãnh thổ Việt Nam của Ánh Đạo Vàng. Niềm tin tưởng và sự hăng say khiến cho anh quên những điều mà anh không thể nào không biết : đạo Phật không thể nào có mầu sắc, dù là mầu của hoàng kim, và một trong những lời khuyên căn bản của Phật dạy các đệ tử cần tránh cho kỳ được tham, sân, si !

Tôi biết thế nên không nỡ hỏi anh còn theo Việt Nam Quốc Tự hay đã đổi theo thầy Nhất Hạnh sang bên Ấn Quang. Tôi cũng không nhắc lại vụ tuyệt thực của 5 vị tu sĩ — về sau còn có 4 — nhân dịp chống Thủ-tướng Hương về một vài quyền lợi

nào đó (hình như căn bản là số ghế bộ trưởng dành cho các Phật tử) của Giáo hội. Tôi không muốn anh hiểu lầm tôi có ý phê bình thái độ tín ngưỡng của anh. Điều tôi muốn nói là căn bản anh không phải như vậy, và nếu anh đã làm được tập thơ « Bút nở Hoa đàm », thì tinh thần sốt sắng đó của anh hoàn toàn bắt nguồn từ những hoài bão chính đáng, nhưng thiếu kinh nghiệm, của một người thành tâm tin tưởng rằng các phật tử cần « mặc áo giấy » mới chống lại được bọn « tà ma ngoại đạo ».

Tôi chắc chắn Vũ Hoàng Chương không hề có bất cứ sự tính toán nào về quyền, hay về lợi, trong khi anh tự nguyện làm chiến sĩ phát huy đạo Phật. Một số nhỏ người nhẹ dạ đã loan truyền điều này điều nọ. Nhưng, như tôi đã viết trong một đoạn trên, tôi có nhiều lý do để tin chắc rằng tôi hiểu anh hơn nhiều người khác. Hiểu và hiểu đúng, như một lần tôi hỏi anh :

— Anh cũng nhắc đến Lão Tử và Trang Tử, nhưng anh thích Trang Tử hơn, có phải không ?

— Đúng thế, anh trả lời, vì Trang Tử có nhiều truyện và thơ, còn Lão Tử thì khô khan.

TOÁN HỌC VÀ NHỊP ĐIỆU

Nói một cách khác thì Vũ Hoàng Chương có giỏi toán thật, nhưng giỏi toán nhờ có trí thông minh mẫn tiệp, chứ không vì giỏi lý luận theo chiều toán học. Anh, trước hết, là người của thơ. Toán học giúp anh dựng thành những nhịp lạ :

Hoàng hôn dài lê thê
Lời giới thiệu dài hơn cả hoàng hôn, người mới xa về
Tôi sững sờ gượng cười
Hết thảy đều xa lạ
Buổi họp nào đây ? Có phải đường lên Sacré-Cœur hoa vàng tượng đá... (*)

(*) *Hoa vàng tượng đá.*

Duyên chưa đầy năm một rằng yêu hai rằng yêu
Đã ngày tiễn đưa nhau trăm thương ngàn muôn thương
Để rồi đêm đêm
Mênh mông chiếu giường
Hồn chinh phụ : khói lò hương
Thả làm mây, trắng biên cương tìm chồng (*)

Nhịp thật lạ, mà vẫn thăng bằng — thăng bằng trong cái chơi vơi của kẻ có tài đi trên dây của những gánh xiếc. Tôi chịu đọc nhiều bài thơ mới, thơ tự do, thơ mà còn trục trặc hơn văn xuôi, tôi thả lỏng tâm hồn tìm giao cảm, tôi tự buộc cố gắng suy tư tìm kiếm giá trị bên trong... nhưng thành thật mà nói, trước Vũ Hoàng Chương và sau Vũ Hoàng Chương (cho đến nay) tôi chưa thấy người cầm bút nào thể hiện được sự quân bình trong xô lệch như anh.

Đêm Hoa Đăng đèn xanh bóng trăng
Đêm Hoa Đăng đèn quanh lối xóm
Đây cầm ca người đẹp gái xưa Kim Lăng
Hãy dừng đây Chàng Say
Mà điên cuồng lơi lả
Đón muôn đời thanh sắc ngã trong vòng tay
Nhịp trúc buông khoan
Sóng tơ dồn chậm
Môi nồng tươi da mịn ấm
Liễu xanh xanh thon dáng liễu cong đôi nét mày.

Cách gieo vần phóng túng như ca dao, nhưng khác ca dao ở nét thanh lịch, vẻ chải chuốt khó khăn, càng làm tăng cái cảm tưởng kỳ lạ nhưng khoan khoái của những người đọc thơ thành tiếng-thầm-trong-tâm-hồn. Như một nhà văn Pháp, Voltaire (?) đã than (cách chúng ta 2 thế kỷ) mình « ra đời quá chậm, nên có việc nào đáng làm, lời nào đáng nói, đều bị người đi trước thực hiện hết cả mất rồi », tôi thiết tưởng Vũ Hoàng Chương có quyền kiêu hãnh một cách ghê gớm về sự khám phá nhịp điệu của anh. Trừ phi tôi đọc thơ quá ít, không biết đã có người làm như vậy trước anh, tôi đề nghị các nhà phê bình văn học tương lai chú ý đến điểm này. Không khác gì triết học chỉ có giá trị đối với

(*) *Ai có qua cầu.*

những ai hiểu thấu nhiệm vụ chỉ đạo cho đời sống văn hóa, kinh tế, chính trị v.v... của triết học, thơ của Vũ Hoàng Chương cần được cắt thành đoạn nhỏ, dùng li-mét mà đo chiều dài, dùng ly-khối mà đo hơi thở của người đọc, dùng cân tiểu ly để chứng tỏ trạng thái đều đặn mà bềnh bồng, thoáng nghe êm êm tưởng là cũ mà thật ra rất mới.

TUỔI QUÁ NĂM MƯƠI...

Tôi có một điều sai : vì anh Chương gầy nên tôi tưởng anh cao hơn tôi. Thật thì anh gầy và thấp, đầu nhỏ vai hẹp, tay dài, nên vẻ người có cân đối nhuần nhã. Chắc chắn anh không thể nào khỏe được. Tôi nghĩ đến đây thì bật cười, hỏi anh :

— Về sinh lý anh thế nào ? Khỏe hay yếu ?

— Tôi không ham, không có nhu cầu. Nghỉ một chút, anh nói tiếp : nhưng khả năng thỏa mãn thì vững lắm.

Tôi lại cười, không tin nhưng không nói ra. Câu chuyện vòng vo một lát, tôi trở lại vấn đề :

— Khả nang trung bình của anh được bao lâu ?

Vũ Hoàng Chương cũng cười, và tìm cách thoát khỏi tay tên bạn sỗ sàng bằng một câu hỏi ngược. Theo ý anh trung bình là bao lâu ? — Tôi đáp không ngần ngại :

— Một phút !

Anh thoải mái đồng ý. Tôi nói lại : nửa phút ! — Phải, nửa phút thực tế cũng lâu lắm. Mình cứ nhìn đồng hồ (anh đưa cổ tay trái mang chiếc Oméga vàng ra trước mắt) đợi nó chạy hết nửa vòng cũng là nhiều rồi. Thật ra thì Kinsey, trong tập báo cáo của ông ta về tình dục, cho biết rằng người ta ở đời cứ 4 người thì có đến 3 người chỉ có khả năng từ 10 đến 20 giây. Một bác sĩ khác lại chú ý đến ảnh hưởng của tình yêu và trí thức. Sức tưởng tượng, nếu mạnh, có khả năng kích thích thể xác không kém thực tế bao nhiêu. Tình yêu cũng thế. Cho nên mới có hiện tượng khá kỳ lạ, là giới trí thức phần nhiều kém cỏi và hay sợ vợ, và ngược lại, dân vô học thường thường được vợ quý trọng hơn, trung thành hơn. Rồi cũng do đó mà nhiều người có học hề

bắt đầu hút thuốc phiện là nghiện luôn. Tôi liên tưởng đến vấn đề này, mà anh Vũ Bằng có ý gián tiếp phủ nhận cho anh. Tôi hỏi :

— Anh có bằng lòng cho tôi nói đến thuốc phiện không ? Nghĩa là nếu tôi viết đến vấn đề này, anh có buồn phiền gì không?

— Không, tại sao tôi lại buồn phiền ?

Ý anh muốn nói anh không có chủ trương giấu giếm như Đinh Hùng. Thuốc phiện còn có tác dụng tốt. Đôi khi có người muốn tôi làm cái này cái nọ, nhưng làm thì phải bỏ thuốc phiện. Mình nghĩ cho kỹ, giả có bỏ hút mà làm việc này việc khác, thì rút cục cũng đến thế thôi. Mình chẳng được thêm gì. Công việc chính của tôi là làm thơ.

— Anh nghĩ thuốc phiện còn có tác dụng gì khác không ?

- Có chứ. Khi xúc động mãnh liệt, tim đập mạnh và nhanh, thì thuốc phiện điều hòa nhịp tim, khiến cho xúc động dịu dần. Khi cảm hứng bất thần dồn dập, mình thấy yêu, thấy đẹp, nhưng khắc khoải bồn chồn, thì thuốc phiện làm cho lắng đọng và dàn trải. Mình dễ so sánh, dễ phân tích, dễ mô tả.

— Nhưng nó có kích thích không?

Có chứ. Đặc điểm của nó là làm êm cái quá mạnh, làm mạnh cái quá yếu, giúp người trong cuộc thu xếp sự bối rối, nhưng làm cho người bình thường mắc cái chứng mê muội, mơ hồ. Chính vì thế mà nó vừa là vị thuốc (morphine) vừa là độc dược. Một số người, trong đó thường có các nghệ sĩ, thường được giới y học coi như bất bình thường về tâm lý. Thuốc phiện có lợi cho số ít, rất ít, người đó, còn thì có hại cho mọi người khác, nói riêng về phương diện thần kinh bệnh lý. Còn ngoại giả, thuốc phiện rất có hại về phương diện xã hội, cho tất cả mọi người.

— Có thật không ? Nếu anh không nghiện, tất nhiên đã được Lan Sơn mời và đã tham gia Mặt trận Liên Minh. Bây giờ anh có còn ngồi đây không ? Nếu năm 1961 anh nhận làm một công việc quan trọng nào đó, hiện bây giờ còn được yên ổn như thế này không ?

Đúng, anh Chương xác nhận như vậy. Tôi bỏ rơi một câu hỏi : tại sao anh bắt đầu hút ? Tôi không cần hỏi vì tôi đã biết, và đã nói đến cái nguyên nhân đó. Tôi còn nhiều người bạn khác tỉnh táo một cách ghê gớm — có nhờ thuốc phiện phần nào

không ? — tìm cách xa lánh một vị hôn thê, một người yêu tuyệt đẹp, chỉ vì biết phận mình không thỏa mãn nổi, không giữ được.

Đó là những người hết sức khôn ngoan, nhưng đó cũng là những người thiếu tham vọng, trừ trường hợp tham vọng của anh hồn, rất cao nhưng có rất ít liên hệ với thực tại.

SỐNG CÓ LỢI HAY CHẾT CÓ LỢI ?

Tham vọng của Vũ Hoàng Chương, thoạt đầu, chỉ là làm thơ. Làm những bài thơ hay, cho chính mình, rồi cho người yêu của mình. Những công việc anh làm sau này — ví dụ giao thiệp với nhiều thi sĩ ngoại quốc và cho in tập « Les 28 étoiles » — chứng tỏ anh không hoàn toàn bỏ rơi thế sự. Anh thay đổi, thay đổi ít, trong lãnh vực của những cố gắng dễ dàng. Về căn bản, Vũ Hoàng Chương không khác trước.

— Tôi bây giờ chỉ chờ ngày chết thôi. Lắm lúc muốn tự tử. Thơ không viết nữa, giá viết cũng không có người đọc. Vợ con thì không có gì ràng buộc mình...

Câu tâm sự thoảng qua, nghe mà lạnh gáy. Tôi về rồi, một tuần sau trở lại, yêu cầu anh xác nhận. Anh gật đầu. Nhưng có lẽ vẻ kinh dị của tôi làm cho anh thấy cần giải thích. Câu nói « vợ con không có gì ràng buộc » không có nghĩa tình cảm đâu. Tôi chỉ muốn tỏ rằng con tôi đã khá lớn, còn nhà tôi thì rất giỏi lo liệu, tôi có chết cũng không sợ vợ con đói rách. Nói với đồng nghiệp, anh chỉ có chủ ý nói về nghệ thuật mà thôi.

— Anh bảo bây giờ tôi nên làm gì ? Sống có lợi hay chết có lợi ?

Tôi đứng bên cạnh đi-văng, giật mình quay lại. Không, nét mặt anh không có vẻ gì thê thảm cả. Trái lại, hình như anh đang tò mò đợi tôi trả lời. *Ngũ thập tri thiên mệnh...* Niềm vui của câu thơ hay, ánh sáng của danh vọng, có lẽ anh tự thấy mình hưởng thụ đầy đủ, và hưởng thụ hết rồi. Anh có còn chờ đợi gì nữa đâu ? — Rất có thể câu hỏi ấy đã được đặt ra nhiều lần, xem thiên hạ phản ứng ra sao. Thiên hạ có thể tàn nhẫn nói phăng sự thật ; nhưng thiếu gì người lúng túng, ấp úng, nói dối rằng Vũ Hoàng Chương còn có thể làm những bài thơ hay hơn trước.

Tôi thong thả ngồi xuống đi-văng.

— Tôi nhớ có đọc của anh một truyện ngắn có chất khoa học, có chất Liêu trai ?

Đúng đó ! Anh có viết một truyện ngắn. Trong khoảng 5 phút quên vấn đề sống chết rất lớn, anh kể lại một kỷ niệm nhỏ mà vui. Tôi nói tiếp anh rất có thể viết truyện ngắn, truyện dài, hay dịch văn Pháp. Vốn liếng kiến thức đủ dùng, anh chỉ cần có ý định. Nhưng anh đã nói sang truyện khác. Anh có vẻ không tin, và tôi không cãi. Tôi chỉ nhớ lại, cách đây 14 năm, có người ra lệnh cho tôi viết truyện ngắn. Tôi tuân lệnh mà viết, không tin tưởng, không chờ đợi gì cả. Thế mà rồi viết truyện ngắn cũng trở thành một trong những công việc chính mà tôi làm trong 14 năm nay. Hoàn cảnh là điều kiện tối cần đối với những người có sẵn phương tiện và thiện chí. Ai có thể cam đoan rằng trong tương lai gần không có ông chủ báo nào yêu cầu họ Vũ làm thơ trào phúng, viết truyện tình cảm nửa mơ nửa thực ?

Điều cần thiết là sức khoẻ. Sáu giờ chiều một ngày thứ Bảy mát trời, trong căn nhà đầy gió lùa, Vũ Hoàng Chương mặc lụng thụng một chiếc áo thung không tay, một cái quần đùi trắng ống rộng. Da anh trắng, còn nhẵn và còn nổi lên những thớ thịt dài. Anh còn sống lâu, nhờ anh không có bệnh sẵn trong cơ thể.

Năm mươi năm, một đời người đã có đến hai đời thơ. Nhất là những tập được sáng tác sau này, người đọc anh phải đọc nhiều đời chưa hết. Đó là câu tôi để dành để trả lời câu anh hỏi : « Có ai đọc hết thơ của tôi không ? »

Sao vỡ từ muôn thế kỷ nay
Hàn quang mới tới Địa cầu đây (*)

Chới với bàn tay bao thế kỷ
Run run mở lại chính quê mình (**)

Câu trả lời của tôi là « có », nhưng « chưa có ». Vì có lẽ anh còn biết hơn ai hết những kích thước thật sự của thơ

(*) *Đường dài thăm thẳm.*

(**) *Nỗi mừng Do-thái.*

anh. Trực giác bén nhậy còn đi xa hơn lý luận giáo điều một quãng đường nhiều thế kỷ. Anh đã biết có khoa học. Ngôi sao vỡ, *novae* nào đó, đã nguội dần, mất ánh sáng hay thành tro bụi. Bao nhiêu lâu rồi, những tia hồng hay tím đi hàng trăm nghìn năm chưa tới Thái dương hệ chúng ta. Quãng đường dài đo bằng thời gian và vận tốc. Cái mênh mông của Trời cao kia biết đến đâu là cùng. Mà cùng lúc đó, một bàn tay của một người — người Do thái — lần giở lại những trang lịch sử của một trong những dân tộc có đời sống lâu dài, liên tục nhất. Sự chứa đựng, chỉ trong 4 câu, của 2 bài thơ ngắn, nếu tôi muốn, có thể được trình bầy dàn trải bằng cả một bài dài... Chưa kể rằng sức hiểu biết, sự rung động của tôi chẳng được bao làm : — Thơ của anh còn nhiều người phải đọc, và thấm thía dần dần. Vì anh biết, thơ không bao giờ của thời loạn, cũng như thơ không bao giờ ca tụng cái gì tương đối, kể cả đạo lý, khi đạo lý còn tách rời cảm với thức, khiến cho Vũ Hoàng Chương «ngộ» mà không «giác» được phần «không có gì» trong tư tưởng của Phật.

Mong anh không lấy thế làm giận. Thơ, đối với tôi, là văn chương ở hàng tuyệt diệu. Tôi không may, được đọc thơ rất ít. Cho nên hôm nay viết được bài này, là hoàn toàn nhờ kỷ niệm bừng bừng sống lại, về một đêm nghe anh Lan Khai kể lể tâm sự «đời tàn ngõ hẹp»... Và ngót ba mươi năm đã qua, từ bấy giờ. Thân thế anh Lan Khai đã biến thành tro bụi, mà anh còn mạnh khỏe, còn muốn làm một cái gì, cho cuộc sống đầy đủ của anh — mà không thiếu gì người mơ ước — tiếp tục có ý nghĩa. Anh Vũ Hoàng Chương, anh có thấy rằng chỉ thế thôi cũng thừa đủ lý do khiến cho tôi *Đợi chờ* và *Hy vọng* hay không ?

NGUYỄN MẠNH-CÔN

(Ngày mồng 5, tháng Trọng Xuân,
năm Canh Tuất — 1970)

VĂN số 151

tuyển tập thơ văn

MAI - THẢO

nhìn về phía có
Vũ Hoàng Chương

Hoa xuân không đẹp, người không lại
Chỉ ánh trăng vào khuôn cửa thôi
VŨ HOÀNG CHƯƠNG

1

TRONG DÒNG SỐNG LÀM LOÃNG NHẠT MỌI TRÍ NHỚ, MÒN trũng mọi rung động, tản mạn đến cả những hình tượng thân mật trọng quý nhất muốn gìn giữ, ở đó những nối kết thâm niên cố đế có những đường rễ bắt bám bền chặt cũng lả tả rơi đứt, là cái dòng sống tưởng trăm ngả giao thân mà kỳ thực mải miết một chiều của xã hội này, những khuôn mặt ẩn lánh thường bị nhận chìm mau chóng dưới nhiều tầng quên lãng. Trên liên hệ đó giữa người và người, thứ liên hệ phá sản đã trùng một sợi dây, đã loãng một sức hút, thực tế gai lửa là một ngọn gió lớn thổi mịt mùng thành một vùng lốc trùng trùng vây hãm, mỗi cá nhân chỉ còn là hình ảnh một con vụ quay tròn, con vụ « nhìn đi chỗ khác », con vụ thôi « nhìn mình » là con vụ ngã xuống. Chúng ta sống, bây giờ, phút này, lúc này, — và thơ văn ta đã hơn một lần nói đến — hệt như kẻ lẹo dây trong gánh xiệc. Ván rạp đè úp. Dây

leo căng thẳng. Phía dưới, khoảng trống lao đao, chóng mặt. Kẻ leo dây, hai tay bưng cây sào rung rinh trên ngang tầm ngực nín thở, đã phải tập trung bằng hết ý chí khẩn trương vào một thế quân bình tưởng tượng, mắt chợt rời đi đã lộn nhào đầu. Tha nhân không còn được là cả địa ngục nữa. Kẻ khác là không. Tôi chỉ còn một mình. Và anh cũng vậy. Đơn chiếc với trò đùa ma quỷ. Tôi và anh, chính là hai con ngựa chạy, hai miếng da vây quanh hai tròng mắt tức tối, chỉ còn thấy cái sợi chỉ nhỏ một chiều là con đường trước mặt mà thôi. Người ta sống, quay lưng, quay đít vào nhau. Kẻ khác là một mặt phẳng, mù lòa, không tìm kiếm.

Bởi cái trạng thái chung đó, chung vì tôi cũng là một kẻ leo dây, những mối liên hệ gắn bó thăng bằng từ bao lâu nay, chỉ còn được thình lình nhận thức thấy, nơi cái phần thời gian tiều tụy, lác đác và phụ bạc nhất được gọi tên là những phút, những giờ « trống ». Không biết, thời khóa biểu đời sống ở những người khác như thế nào, chứ với riêng tôi, có đích thực là như vậy. Lắm lúc, nhớ lại những giao tình đằm thắm của người trước, là những tóc bạc những gậy trúc và những áo nhiễu tam giang trang trọng đi ba bốn mươi dặm đường trong mưa tuyết gió bão đến thăm nhau, nắm tay nhau thăm hỏi một vài câu, rồi về, tôi đã đâm ra hoài nghi lắm cái trọng lượng điệu bạc của những tình bằng hữu còn được nói đến trong đời sống hiện tại. Nghĩ đến một cụ Tú, một ông Ký trong đoản thiên về tri kỷ và cờ tướng ấy của Khái-Hưng, tới nhau từ bên kia những triền núi biếc, tôi không còn có thể tưởng tượng thơ văn ta còn có thể nổi — khi thơ văn ngợi ca một liên hệ cảm động của người — một bài hai bảy sáu tám bất hủ như bài thơ khóc bạn của Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê, trong cõi thơ Đường, tình bằng hữu cao trọng này đã được thăng hoa thành những hạt ngọc tuyệt vời và đôn hậu nhất. Thời buổi này, lối sống này, những Khổng Minh cứ việc ẩn tàng trong những thảo lư. Không có Lưu Bị đội tuyết tam cố đâu. Chỉ có Trương Phi khúc khích cười. Trên cái bàn cờ của một cụ Ký, những quân bài ngà dành riêng cho hầu tiếp tri kỷ cứ việc bầy. Núi biếc là cuộc đời làm lạ mặt hết thảy. Chẳng còn tri kỷ nào. Gậy trúc áo lam đến từ phía bên kia những triền núi biếc.

Thản nhiên là tự do ? Không rõ. Sống thản nhiên với nhau là dấu hiệu một trưởng thành với đời ? Nhầm quá.

Mây đục đậu trên thành cửa sổ
Người nằm ôm chăn mỏng nhớ đời
Bệnh viện thành công viên khuất nẻo
Người ngủ một mình đợi chúng tôi.

Người ngủ một mình đây là Quách Thoại. Một thứ Dương Khuê mới. Người làm thơ về bạn đây là Thanh Tâm-Tuyền. Một thứ Nguyễn Khuyến mới. Chăn mỏng manh, lồng ngực yếu, mây chiều trên cửa sổ, bệnh viện khuất tịch không thăm viếng, người cứ ngủ một mình, đừng chờ đợi. Đó, một bài thơ nhớ bạn của người bây giờ. Cái hay của nỗi nhớ chính là cái lối nhớ thoáng, thình lình, bất chợt của một giờ, một phút « trống ». Vì còn phải sống. Với một cây sào, trên một sợi dây. Nhớ ở đâu đó, tôi đã nói đến rồi thì phải, nói đến cánh rừng bằng hữu của thời và của người bây giờ. Đó là một cánh rừng cháy, gần như tận cùng mọi gốc.

MAI-THẢO *

---

* Bài viết dở dang tới đây thì tác giả ngã bệnh. Thay mặt Mai-Thảo, tòa soạn xin chân thành tạ lỗi cùng Vũ quân và toàn thể độc giả.

CHỈ CÒN RẤT ÍT TẠI CÁC TIỆM SÁCH

GIÒNG SÔNG TRẮNG

Phân khúc 2

truyện dài TRIỀU LINH

QUẬT KHỞI xuất bản

- Tìm ở đâu một JACQUELINE KENNEDY
  Tìm ở đâu một TRẦN LỆ XUÂN
  Tìm ở đâu một SORAYA
- Những mảnh đời trên sẽ như thế nào ?
- Hãy tìm cho được :

BÀ CHÚA HÒN

- Tác phẩm nói lên những phong tục tập quán, những cuộc tình nóng bỏng của ông Hoàng bà Chúa.
- Những cuộc nổi dậy khi quân Pháp mới bắt đầu đặt chân lên những hòn đảo thơ mộng, huyền bí xa tít ở cuối chân trời miền Nam Việt-Nam.
- Đọc BÀ CHÚA HÒN để ta được lạc vào thế giới ngàn lẻ một đêm.
- Một tác phẩm nổi bật nhất của nhà văn SƠN NAM

Nhà xuất bản KỶ NGUYÊN

Đã phát hành khắp nơi trên toàn quốc.

« XỨ TRẦM HƯƠNG »

Tác-giả : thi-sĩ QUÁCH TẤN
Người đọc : NGUYỄN HIẾN-LÊ

TÔI CŨNG HAM ĐI NƠI NÀY NƠI KHÁC ĐỂ BIẾT NON SÔNG gấm vóc của mình, nhưng tôi phải thú thực rằng ngay những nơi tôi đã đặt chân tới, tôi cũng vẫn chẳng biết chút xíu gì cả.

Xin lấy thí dụ tỉnh Khánh-hòa. Tôi đã ra chơi ngoài đó hai lần, trước và sau Thế-chiến, mỗi lần ở lại vài ba ngày. Tôi đã đi coi Tháp Bà, Hòn Chồng, viện Pasteur, viện Hải-học, vài ngôi chùa và giáo đường ở Nha-trang, đã leo đèo Rù Rỳ, tắm ở bãi biển Đại-lãnh nước trong như ngọc bích, nhưng bây giờ đọc *Xứ Trầm Hương* của Quách Tấn, tôi mới thấy những thắng cảnh cùng cổ tích ở Khánh-hòa, mười phần tôi chưa coi được một.

Đúng như Vương An Thạch đã nói trong bài *Đi chơi núi Bao Thiền* : « Chỗ phẳng mà gần thì kẻ đến chơi nhiều, chỗ hiểm mà xa thì người đến chơi ít. Mà những cảnh kỳ vĩ phi thường ở trong đời thì lại thường ở những chỗ hiểm và xa người ta ít tới ».

Những cảnh kỳ vĩ ở Khánh-hòa đều cách xa Quốc-lộ số 1 và nhờ thi sĩ Quách Tấn tôi mới được biết tên. Chẳng hạn núi Mẹ bồng con (Hòn Mẫu tử) ở quận Khánh-dương có nhiều tảng đá hình thể lạ lùng : rổ may với sợi chỉ thòng xuống đất, cối chày, sàng chổi, con nghĩa khuyển nằm tròng con gà cồ đang lẩn quẩn bên cối xay, lại thêm một bàn cờ tiên mới dàn quân nhưng mất dâu một con tốt... ; rồi Chử M'Ta (đọc là Cử Mơ Ta) lầm lì và dữ, có trầm hương, voi trắng và chim đại bàng to lớn tới nỗi có thể tha được một con bò con, loài chim mà từ trước tôi cứ tưởng chỉ có ở Ấn-độ và các quốc gia Ả-rập ; rồi Hòn Bà ở Ninh-hòa, chim chóc nhiều như lá, đủ loại, con thì như trái ớt chín, con thì lá chuối non, vân vân...

Một cảnh kỳ quái là cảnh Thác Võng: một dây rừng lớn bằng bắp vế, giang ngang, sà sà trên mặt một thác nước chảy rất mạnh. Nước thác đánh tung dây lên cao rồi rớt xuống, lại tung lên rớt xuống, tưởng chừng có những vị thần vô hình nào chơi cái nhẩy dây quanh năm suốt tháng. Ghe thuyền qua lại phải canh cho đúng lúc mà lướt nhanh qua, chậm tay một chút sẽ bị dây quật, ghe không vỡ thì cũng chìm.

Còn cả trăm cảnh lạ khác nữa : núi, thác, hang, hồ... mà tôi chắc ngay những người sinh trưởng ở Khánh-hòa cũng vị tất đã được nghe tả chứ đừng nói là tới thăm. Cảnh nào tác giả cũng tả tỉ mỉ, dẫn sự tích, truyền thuyết hoặc thơ để cho câu chuyện thêm hứng thú.

Ngay những cảnh ở thị trấn Nha-trang, tôi cũng phải thú thật rằng mặc dầu đã coi nhiều lần mà nay đọc *Xứ Trầm Hương* mới thực sự là được *thấy*. Trước kia tôi cho ngọn đồi Tháp Bà kém xa ngọn Núi Sam ở Châu-đốc, mà Hòn Chồng cũng kém hòn Phụ tử ở Hà-tiên. Nay được đọc những đoạn thi sĩ Quách Tấn tả cảnh đêm giao thừa ở Tháp Bà và dẫn thơ của người xưa cùng người nay vịnh Hòn Chồng, tôi mới nhận ra được cái đẹp của Nha-trang. Giá tôi được đọc trước khi đi du lịch thì cái thú của tôi đã tăng lên gấp mấy !

Hai đoạn tả cảnh đó đều dài ba bốn trang, tôi chỉ xin trích dẫn ra đây ít hàng về cảnh trên :

« Khí trời đương lạnh tự nhiên thấy ấm, một khí ấm đặc biệt, dìu dịu, thưng thưng, trong trong lại mát mát. Lại phảng phất một mùi hương thanh thanh : hương trầm, hương kỳ nam từ rừng sâu đưa đến hay hương nhang hương hoa từ trong nhà chùa bay ra? (...) Núi non trông biếc thêm, sông biển trông trong thêm. Và những chòm cây muồng hoè ở hai bên đường, những khóm lau khóm dứa ở nơi bãi vắng, đầy đặc cả đom đóm (...) [tựa như] bao nhiêu sao trên trời sa xuống đọng nơi cây cối. Ánh vàng làm chúa tể thay bóng tối đêm ba mươi (...) Từ cầu Hà Ra qua đến Xóm Bóng, du khách có cảm giác đi ngang qua một rừng sao. Nhưng rừng sao ở đây không đứng yên mà luôn luôn cử động. Hễ vùng này sáng thì vùng kia tắt, vùng này tắt thì vùng kia liền sáng. Cứ sáng tắt, tắt sáng... luân phiên, liên tục, không mau không chậm, đều đặn, nhịp nhàng.

(...) Và trên tầng ánh sáng khi khuất khi hừng, bốn ngọn

tháp nửa quyến cây xanh nổi bật lên nền trời cao, uy nghiêm nhưng hiền hậu.

Những ngọn đèn lồng ngũ sắc đang trên cành cây những ngọn huyền đăng đeo treo trước sân tháp, chập chờn trong bóng lá, rọi vào cảnh vật, chỗ tỏ chỗ mờ, nơi thưa nơi nhặt, vui vẻ nhưng rụt rè, như cô gái quê mặc áo mới ra chào khách » (trang 178-180).

Cảnh thiên nhiên cũng như thiếu nữ : dù tầm thường tới đâu cũng có vẻ đẹp riêng, nhưng vẻ đó chỉ hiện lên một lúc nào thôi, và phải là hàng nghệ sĩ có tình riêng với non sông mới nhận ra được, cũng như phải yêu một thiếu nữ nào mới nhận ra được cái duyên kín của nàng.

Thi sĩ Quách Tấn coi Xứ Trầm Hương là « nghĩa mẫu » của mình, yêu Khánh-hòa gần như yêu Bình-định, quê hương của ông, nên mới thấy được hết những vẻ đẹp của Khánh-hòa, hơn nữa, còn tô điểm thêm cho non nước Khánh-hòa. Đọc những trang 351-355, đoạn ông tả cái thú uống nước dừa, độc giả sẽ thấy tôi dùng hai chữ *tô điểm* đó không phải là quá đáng. Ông có dẫn một câu của Lưu Vũ Tích đại ý rằng : « Non không tại cao, có tiên thì nổi danh, nước không tại sâu, có rồng thì hóa linh ». Tôi muốn thêm : « Nhưng non nước đều phải nhờ ngọn bút của nghệ sĩ thì danh mới truyền rộng ».

•

Trong *Lời Thưa*, tác giả bảo *Xứ Trầm Hương* không phải là một tập địa phương chí, mà chỉ là một tập du ký. Sự thực nó cũng là một địa phương chí (dày 180 trang) ghi chép về lịch sử, địa lý, cổ tích, danh nhân, kinh tế, thổ sản (trầm, yến sào, muối, cát đều nổi tiếng trong nước)... cũng công phu như bất kì một cuốn địa phương chí nào từ trước tới nay ; nhưng nhờ lòng yêu thiên nhiên, nhờ tâm hồn nghệ sĩ và ngọn bút của ông mà chúng ta có cảm tưởng được đọc một tập du ký hơn là một tập địa phương chí. Phần tả cảnh thiên nhiên và cổ tích chiếm non 300 trang, gần hai phần ba tác phẩm.

Đã ngoài lục tuần mà thi sĩ vẫn cặm cụi, âm thầm ghi ơn của non sông, chẳng bù với những cơ quan này nọ luôn luôn hô hào phải trở về nguồn, phải phát huy văn hóa truyền thống..., mà mười mấy năm nay chẳng làm được gì cho quê hương cả.

Người ta có dư phương tiện, chỉ cần định một kế hoạch là trong vài năm có đủ một địa phương chí, quay được một phim tài liệu cho mỗi miền, ghi lại những di tích, truyền thuyết, nếp sống, phong tục chẳng bao lâu nữa sẽ mai một vì lửa chiến tranh, vì đợt sóng mới và cũng vì những người già cả sẽ lần lần khuất bóng hết. Công việc đó có lợi cho văn hóa, giáo dục biết bao ; thanh niên có biết những cái đẹp cái lạ của quê hương rồi mới yêu quê hương được. Tôi mong tới cái ngày được thấy trên màn vô tuyến truyền hình Việt Nam những cảnh mà các ông Quách Tấn, Nguyễn Đình Tư, Phạm Trung Việt, Nguyễn Văn Kiềm, Huỳnh Minh... đã tả trong sách. Tôi chắc chắn khán giả sẽ thích thú hơn là coi phim du lịch Scandinavie mới chiếu hồi đầu xuân.

Đọc *Xứ Trầm Hương* tôi còn có cảm tưởng này. Nha-trang nhờ khí hậu mát mẻ, cuộc sống dễ chịu, có nhiều thắng cảnh, cổ tích, có biển có núi nên thích hợp với hạng người hoạt động về văn hóa. Hiện nay đã có viện Pasteur, viện Hải-học, viện Phật học, chỉ còn thiếu một viện Đại-học, một thư viện, một nhà in lớn là sẽ thành một trung tâm văn hóa quan trọng của xứ sở. Thị trấn đó có nhiều tương lai nhất ở miền Trung, chỉ mười năm nữa, nó sẽ phát triển rất mạnh.

Sau cùng tôi xin trình bày nhận xét này với các nhà viết địa phương chí. Tên các danh nhân trong miền, đôi khi mỗi sách chép một khác. Chẳng hạn về tỉnh Khánh-hòa,

Xứ Trầm hương ghi	*Non nước Khánh-hòa* ghi
Trần văn *Nằng*	Trần văn *Năng*
Phạm *Luông*	Phạm *Luôn*
Trần *Đường*	Trần *Đương*
Lê *Nghị*	Lê *Nghi*

Hai tên trên thì ai cũng biết rằng do sắp chữ lầm : *Năng* và *Luông* (tức *Long*) mới đúng ; còn hai tên dưới thì chúng tôi không thể đoán được đâu đúng đâu sai. Những tên đó rất quan trọng, nếu biết trước không thể sửa bản in mà đính chính được thì nên ghi thêm chữ Hán ở bên cho độc giả dễ nhận được tên chính xác. Dĩ nhiên, hết chiến tranh, khi ngành ấn loát của ta đã tấn bộ, lỗi in rất ít, thì sự ghi thêm như vậy không cần thiết.

NGUYỄN HIẾN-LÊ
(Sài-gòn, ngày 1.3.1970)

tin văn vắn

• TRONG NƯỚC

Hoa bút về ngôi

Hồi 10 giờ sáng chủ nhật 8 tháng 3 năm 1970, Trung-tâm Văn-Bút Việt-nam đã tổ chức một buổi nói chuyện văn chương, tại thính đường trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ, Sài-gòn.

Diễn giả là nữ sĩ Qùy-Hương. Đề tài buổi nói chuyện là « Hoa Bút về ngôi ».

Nữ sĩ Qùy-Hương đã nói về cuộc đời và thi phẩm của nữ sĩ Mai-Oanh, một thi viên của Quỳnh-Dao Thi-xã, tác giả những thi phẩm : *Chín năm ly loạn, Từ Thức, Trương Chi, Phong Lan* v.v...

Buổi nói chuyện thu hút được chừng hơn trăm người nghe, trong bầu không khí trang nghiêm, kính cẩn.

Nói chuyện về thơ

Người giới thiệu diễn giả buổi nói chuyện kể trên đây, nhà thơ Bàng Bá Lân, 5 ngày sau, sẽ đảm nhiệm vai trò người nói chuyện trong một buổi thuyết trình do Hội Việt-Mỹ tổ chức tại trụ sở của Hội,

Đề tài của buổi thuyết trình là « Thi-ca Việt-nam hiện-tại », khởi sự hồi 19 giờ 30 thứ sáu 13 tháng 3 năm 1970.

Chúng tôi viết bản tin này chiều ngày 11/3, nên rất tiếc chưa thể thuật lại hầu độc giả sơ lược nội dung buổi thuyết trình của thi sĩ họ Bàng.

Về cái chết của Song-Linh

Trong Văn số 118, cùng mục nầy, chúng tôi đã loan báo nhà văn Song-Linh bị tử trận. Tin đã loan có một vài chi tiết không đúng, hoặc chưa rõ. Nay, chúng tôi xin đăng tiếp bài viết của một chiến hữu của Song-Linh để nội vụ được thêm phần sáng tỏ.

SONG LINH ĐÃ CHẾT

13 giờ ngày 24-1-70 — Chiếc UHID thứ nhì chỉ còn là một chấm nhỏ phía chân trời xa, đồng ruộng xanh rì, những cánh đồng ngập nước chói chang dưới ánh nắng trưa. Đây là căn cứ Giáo-đức của tỉnh Định-tường cách Bắc Mỹ-thuận 4 km, cả một khu chiến Tiền-giang toàn là mìn bẫy giăng mác, chỉ sơ hở là cuộc đời hai năm mươi.

13 giờ 15 ngày 24-1-70.

— Chiến Bào đây Nam Định ! tôi đang ở trên vùng.

— Đáp nhận anh ! Có gì cho.

— Những đứa con tôi đang lục soát mục tiêu.

Đại úy Nghiêm — nhà văn Song Linh — còn một biệt hiệu nữa là Nam Định, dáng người to lớn, đen đúa, trên miệng luôn luôn giữ nụ cười, hiện giữ chức Trưởng ban 3 Tiểu-đoàn 4 TQLC, trên chiếc trực thăng còn có Đại-úy Đơn, Tiểu-đoàn Phó, Đại-úy cố vấn Mỹ và một nhân viên mang máy.

13g25 ngày 24-1-70 — Hai chiếc trực thăng bay lượn trên vùng hành quân, phía dưới đồng ruộng những binh sĩ đang bước từng bước khó nhọc trên sình lầy.

— Chiến Bào đây Nam Định tôi có 2 whisky (tiếng lóng chỉ bị thương) vì dạp lôi của VC.

— Anh có cần xin tản thương không ?

— Tôi có thể hạ cánh để bốc, dưới tôi là một bãi đất trống có thể đáp.

— Vậy thì anh bốc đi.

— Đáp nhận ! tôi xuống.

Đó là lời cuối cùng mà chúng tôi nghe Đại-úy nói, tình đồng đội đã khiến ông quên những hiểm nguy để hạ cánh xuống vùng nguy hiểm.

11 giờ ngày 21-1-70 — Từ dưới đất một trái khói màu vàng bốc lên, hai chiếc phi cơ từ từ hạ cánh, luồng gió từ cánh quạt làm ngả rạp những ngọn cỏ và thổi tung một vùng nước trắng xóa, khi 2 chiếc sắp chạm đất thì một tiếng « inh » vang dội, chiếc phi cơ của Đại-úy lảo đảo và đâm sầm xuống đất bốc cháy, chiếc thứ hai còn gượng lên nhưng cuối cùng cũng đâm sầm và bốc cháy.

11 giờ 15 ngày 21 — Từ Bộ Chỉ-huy chúng tôi nghe Tiểu-đoàn 4 báo về.

— Chiến Bảo đây Hàn Sinh ! Thẩm quyền Nam Định đã bị mìn nổ, không ai sống sót !

Cả Bộ Chỉ-huy nhốn nháo.

11 giờ 20 — Một chiếc trực thăng tức tốc bay lên vùng, từ căn cứ Giáo-đức vào đến vùng hành quân mất 7 phút đường bay.

11 giờ 30 ngày 21 — Từ trên cao nhìn xuống chỉ còn là 2 đống sắt vụn đen sì đang cháy. 2 chiếc trực thăng võ trang đang bắn rốc kết chung quanh khu vực. Cả tiểu đoàn được lệnh án ngữ để bảo vệ xác 2 chiếc phi cơ bị nạn.

Đại úy Nguyễn Văn Nghiêm đã chết. Phi hành đoàn không ai sống sót.

Trời vẫn còn nắng, vài tràng đạn vu vơ từ xa vọng lại...

TƯƠNG GIANG TÙNG

• NGOÀI NƯỚC

Đêm đọc thơ Việt-nam tại Mỹ.

Nhóm « Người trẻ Việt-nam » ở Hoa-kỳ đã tổ chức một đêm đọc và phát hành thơ Phương-Tấn vào đêm mồng Một Tết Canh Tuất tại một căn cứ huấn luyện ở Tiểu-bang Texas.

Ngoài khoảng 60 sĩ quan và hạ sĩ quan Việt-nam thuộc căn cứ Sheppard, đã có thêm một số sinh viên sĩ quan phi hành tại Fort Worth và một số ít người Mỹ được mời tham dự đêm đọc thơ này.

Tập thơ được mang đọc mang tên « Thơ tình của một thi sĩ Việt-nam trên đất Mỹ ». Ngoài những bài viết về quê hương, gia đình bè bạn ở quê nhà, còn có những bài viết về những gì đã sống, thấy và xúc động tại nước người.

Góp vui cho đêm đọc thơ Phương-Tấn, một số anh em yêu văn nghệ đã trình bày một số tình khúc Việt nam và ngoại quốc. Thơ và nhạc đều được toàn thể cử tọa nhiệt liệt hoan nghênh...

Tác phẩm của một con ruồi

Các nhà xuất bản Secker and Warburg ở Luân-đôn, cùng nhà Sol Stein ở Nữu-ước, vừa liên tiếp phát hành một cuốn tiểu thuyết mà những « lecteurs » của họ đã ca tụng là tác phẩm của bậc thiên tài. Một trong những nhân viên ban tuyển đọc tác phẩm của hai nhà xuất bản nọ đã tuyên bố với báo *Sunday Times* rằng đã từ hai mươi bốn năm qua, ông ta chưa từng được đọc một tác phẩm nào dị thường đến thế.

Cuốn tiểu thuyết vừa kể có nhan đề *Down all the days* (tạm dịch : Theo dòng năm tháng) ; và tác giả là một người Ái-nhĩ-lan ba mươi bẩy tuổi, tên Christy Brown. Nhân vật chính là một con ruồi (hiểu theo nghĩa kẻ ăn bám khốn khổ : parasite importun), nó quan sát và thuật lại đời sống bỉ ổi của một khu bần tiện tại Dublin.

Tại sao lại một con ruồi ? Tại vì Christy Brown có tới hai mươi hai anh chị em, mà nay còn mười ba người sống sót, tất cả là con một người thợ nề nát rượu. Brown bị tàn phế một cách thảm thương ngay từ khi lọt lòng mẹ. Anh ta không biết nói, không biết đi, đứng cũng không được, tự ăn lấy cũng không xong. Cánh tay và bàn tay bị teo lại, anh ta chỉ cọ quậy được những ngón của bàn chân trái mà thôi. Tuy vậy, lương tri của anh thì lại hoàn toàn trong sáng.

Mẹ anh ta, hiểu được những tiếng ú ớ của con, đã dạy anh viết bằng một cục phấn gắn giữa hai ngón chân. Một y sĩ tại Dublin đã bổ túc việc giáo huấn bằng cách cho anh một máy đánh chữ chạy điện mà anh có thể sử dụng bằng những ngón chân.

Thoạt tiên Christy Brown trở thành họa sĩ và những họa phẩm của anh (cũng vẽ bằng những ngón chân) đã được một tổ chức mua tất cả, để tháng tháng trợ cấp cho anh một khoản tiền chừng hai ngàn quan.

Năm hai mươi mốt tuổi, anh viết cuốn sách đầu tiên (được dịch sang nhiều thứ tiếng) rồi sau đó anh không ngừng viết, ngày cũng như đêm.

Ma túy và nghệ thuật

More là một cuốn phim đề cập đến vấn đề ma túy. *Les chemins de Katmandou* lại cũng khai thác đề tài nam nữ thanh niên đua nhau dùng ma túy.

Một nhà văn, được đạo diễn André Cayatte mời đi Catmandou để chuẩn bị cho cuốn phim *Les chemins de Katmandou,* nhà văn này — René Barjavel — cũng bị cảnh tượng đọa lạc tập thể, này thu hút. Và René Barjavel viết một cuốn tiểu thuyết, lại mang cùng nhan đề như cuốn phim.

Thanh niên và ma túy đã thành ra một đề tài thời thượng ở Âu Mỹ. Quay phim, viết truyện, và khảo cứu nữa : nhóm Mandala có cuốn *Essai sur l'expérience hallucinogène,* bác sĩ André Haim có cuốn *Les suicides d'adolecents.*

Không biết trai gái bên Tây phương bị ma đưa lối qủi dẫn đường thế nào mà đi vào cảnh tự hủy hoại kỳ quặc đến thế !

Tình và Chúa

Còn các vị linh mục thì không phải là nạn nhân của ma qủi, mà là của... đàn bà. Trong vòng 5 năm gần đây, có tất cả vào khoảng mười ngàn vị linh mục cưới vợ. Có vị được phép Toà Thánh, có vị thì không cần phép tắc nào cả.

Đó là tiết lộ của Georges Walter và Maurice Weithauff trong cuốn *Les prêtres mariés,* do nhà Editions spéciale vừa ấn hành.

Theo tài liệu này thì số linh mục càng ngày càng hao hụt hẳn đi. Tại riêng một nước Pháp, mỗi năm hụt đi năm trăm vị. Đàn chiên thiếu người chăn, mỗi lúc một lạc lõng thêm, và dĩ nhiên càng dễ bị lôi cuốn vào tội lỗi hơn là các vị chăn chiên.

THƯ-TRUNG và các bạn

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cám ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

★ KHAI PHÓNG, Diễn đàn văn hóa giáo dục xã hội. Số 3 : 152 trang, ấn phí 60 đồng.

Nội san của Tỉnh-hội Phụ-huynh Học-sinh tỉnh Khánh-hòa.

● BÀ CHÚA HÒN, Sơn Nam, Kỳ Nguyên xuất bản. Sách dầy 520 trang, giá 400 đồng.

Truyện dài dã sử đất Hà-tiên. Bìa Nguyên-Khai.

★ ĐĂNG ĐÀN, Đông-Hồ, Mặc Lâm xuất bản. Sách dầy 286 trang, giá 250 đồng.

Sách gồm mười bài nói chuyện của cố thi sĩ Đông-Hồ về thơ văn.

● GIÒNG SÔNG TRẮNG, Triều Linh, Quật Khởi xuất bản. Sách dầy 124 trang, giá 250 đồng.

Trường thiên tiểu thuyết. Quyển thứ hai : Những giòng sông chia rẽ. Bìa Vị Ý.

★ VÕ THUẬT, Bộ Mới, số 1, tháng 3/1970. 10 trang khổ lớn, giá 50 đồng.

Nguyệt-san nghiên cứu mọi ngành võ thuật thế giới. Tòa soạn : 293 Phạm Ngũ Lão, Sài-gòn.

● BÓNG NGỰA QUA CẦU SƯƠNG, Trầm-nguyên Ý-anh và Vũ-đức Sao-biển, Hồng Hộc xuất bản. Sách in rô-nê-ô.

Thi phẩm của hai tác giả trẻ. Bìa và phụ bản của Hậu Ngụy Đình.

★ TUY NHIÊN, Lương Thái Sỹ, Tác giả xuất bản. Sách dầy 32 trang, không ghi giá bán.

Tác phẩm đầu tay của Lương Thái Sỹ, — một cây bút trẻ quen thuộc với độc giả Văn — là một tập thơ. Bìa và phụ bản Hồ Đắc Ngọc.

● CHO ĐẾN KHI CHIỀU XUỐNG, Nguyễn thị Hoàng, Tổ hợp Gió xuất bản. Sách dầy 424 trang, giá 350 đồng.

Quyển đầu của một bộ trường thiên tiểu thuyết sẽ gồm ba cuốn. Bìa in offset, mỹ thuật.

★ CHÚNG TA ĐI VỀ ĐÂU, Đoàn Nhật Tấn, Thời Mới xuất bản. Sách dầy 168 trang, giá 150 đồng.

Sách khảo luận về vấn đề tiến hóa của nhân loại, chỉ mới được phép xuất bản sau hàng năm dài trắc trở.

● CÚI MẶT, Bùi Đăng, Thái Phương xuất bản. Sách dầy 216 trang, bản đặc biệt không ghi giá.

Tác phẩm đầu tay của Bùi Đăng là một truyện dài, đã được quay thành phim ảnh. Sách tái bản, tranh bìa của Phạm Tăng.

★ MÙA XUÂN ỐC ĐẢO, Nguyễn Sa Mạc, Tác giả xuất bản. Sách dầy 32 trang, giá 72 đồng.

Thi phẩm đầu tay của Nguyễn Sa Mạc. Bìa và phụ bản của Thanh Hồ và Nguyễn Tài.

● ĐỐI DIỆN, số 9 tháng 3 năm 1970. Dầy 128 trang, giá 40 đồng.

Tạp chí có lập trường cấp tiến.

★ NHÂN CHỨNG, Đất đứng đầu Xuân, 14 tác giả. 120 trang, giá 110 đồng.

Tuyển tập thơ văn đầu Xuân 1970 của Cơ sở Nhân Chứng.

● HOA THÔNG THIÊN, Đào Tiến Luyện, Tác giả xuất bản. Sách dầy 80 trang, giá 100 đồng.

Thi phẩm đầu tay của Đào Tiến Luyện, gồm 18 bài thơ. Bìa Đinh Tiến Luyện.

THƯ ĐI tin lại

★ Ông Phan Kỳ Quan, Kbc 3578.

Ông nên viết thư xin phép tác giả vở kịch muốn đem trình diễn trước công chúng. Chúc ông và ban kịch thành công.

● Bùi Hoàng Vị, Đàlạt.

Như bạn đã biết, Tuổi Ngọc đã ngưng hoạt động. Hãy gửi tem về gấp, quá ngày 31/3, chúng tôi sẽ hủy bỏ hai tập bản thảo đó.

★ Ông Nguyễn Hùng, Sàigòn.

Vở kịch « Kẻ ở » chưa xuất bản. Kịch tác gia Vi Huyền Đắc dịch xong đã lâu nhưng chưa tìm được người bỏ tiền in.

● Phạm Quỳnh Dao, Sài-gòn.

Khi nào viết xong toàn truyện thì gửi tới. Muốn dùng mực, giấy gì cũng đặng, cần nhớ viết trên một mặt giấy là đủ. Nếu được chọn, tòa trị sự sẽ thương lượng với tác giả về khoản tác quyền.

★ Ông Y Phương, Kbc 3910.

Thư gửi NXH cứ gửi về tòa soạn sẽ chuyển giao.

NHẮN TIN RIÊNG :

★ Anh Vũ Đức Sao Biển.

Cần liên lạc với anh để thực hiện một đêm trình diễn nhạc tại Cần-thơ. Thư gấp về : Nguyễn Lệ Uyên, Đại-học Sư-phạm Cần-thơ.

● Ngữ.

Đã nhờ người đem thư và « cái ấy » đến nhà nhưng không gặp ai hết. Thư gấp ở địa chỉ : B-66/32 Tôn Thất Thuyết, Khánh-hội cho cô Huỳnh Ngọc Châu, nhờ trao lại Thảo. Đã lên Pleiku.

★ Đông Ngô (?)

Sẽ đăng « Thân phận ». Đề nghị đổi nhan đề khác thì hay hơn.

● Hạc-thành Hoa, Sadec.

Sẽ đăng « Trong nỗi buồn vàng ».

● Lâm Chương (?)

Sẽ đăng « Đêm nằm tiền đồn ». Chúc nhiều may mắn. Tình thân.

NHẮN TIN CHUNG :

Qúy bạn : Trần Văn Nam, Phương Hoa Sử, Hoằng Hiến, Hà Nghiêu Bích, Trần Hoài Thư, Trần Dzạ Lữ, Từ Hoài Tấn, Đặng Hòa, M-M, Nguyễn Chí Kham, Từ Kế Tường, Lưu Vân, Phạm Thanh Chương, Phạm Trần Nguyên, T-H D-V, Lê Văn Trung...

Mong qúy bạn gửi sáng tác mới cho Văn. Đa tạ.

BÀI LAI CẢO NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa-soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin qúy bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ « yêu cầu miễn ghi » trên bản thảo.

- **VĂN**

Qúy bạn : Vương Văn Huệ . Đan Phức . Trần Viết Tuấn . Lê Cung Tưởng (gt) . Phan Cung Nghiệp . Vũ Phan Trần . Xuân-Vũ Trần Đình Ngọc . Hoàng Thị Kim. Dương Thanh Tùng . Nguyễn Tất Vinh . Lê Trung Định.

- **THƠ**

Qúy bạn : Vương Văn Huệ . Nguyễn Hữu Hà . Mai Xuân Thảo (2) . Hoài Đơn Phương . Nguyễn Tam . Đ-C-A . Trần-mặc Đan-thy . Hoài Bá . Th-Nam . Triệu Phẫn (2) . Hoàng Thương . Y Miêng . Nguyễn-nữ Phong-lan . Trần Tường Trình . Thy Tuyên . T-K . Đông Thùy . Hoàng Tử Giang . Vũ Phan Trần . An Khang . Dạ Ca . Nguyễn Thất Chí . Ngu Uyển Nhoa . Như Lan . Nguyễn Huy . Phùng Nhân. Tố Lữ . Lê Thân Động . Phong Nhân Hoài . Lê-nguyễn Trầm-Ca . Hoài Đan Liệp . Tô Minh Hồ . Lý Bái . Xuân Định . Trần Lữ Thứ Thương-hoài Hồng-trang (2) . Trần Hữu Nghiễm . Thái . Châu Minh Thông . Biển Trầm-lặng . Giao Chi . Hồ Văn Dương . Vũ Ý . Mai Lễ . Tiêu Dao . Đỗ Phượng Trung . Hoàng Hải Đảo . Trần Đình Chính . Cung Cách Sơn . Bằng Linh . Trần Thoại Nhiên (gt). Thi-vũ Hà-như (3) Ánh Nhựt . Khúc Lĩnh . Hạ Viên Long . Nguyễn Đức Phổ . Đạm Vân . Trịnh Xuân Hùng . Vũ Thành Nhân . Vĩnh Xuyên . Đinh Hữu Hiền . Vinh Hồ . NDN . Trần Đình Long . NTG . Nguyễn Tường Văn Đinh Xuân Phương . Trương Thanh Thủy . Di Châu . Cao Nhật Quyên . Vũ Văn Hậu . Ngô Nguyên Nghiễm . Trương Bách Nguyễn .

Ban Tuyển-đọc Tác-phẩm của VĂN đã đọc những tác phẩm của qúy bạn có tên trên đây và rất tiếc không thể chọn đăng Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những tác phẩm khác

ĐÓN ĐỌC :

NHAN SẮC

truyện DƯƠNG NGHIỄM MẬU

ĐÃ PHÁT HÀNH :

NGHỆ-THUẬT số : 33

Với những bài vở chọn lọc của : *Cung-Tiến*. Phổ nhạc thơ Tự do của *Thanh Tâm Tuyền*. *Lê Huy Oanh* Sayonara — *André Malraux*. Phận người (*Tô Thùy Yên* dịch « La condition humaine » *Frank Kappa* : Một ngôi làng cám dỗ. *Hoàng Vyễn Ngư : Cuộc đời của nhà thơ Đông Hồ*, một bài tiểu luận đặc sắc : *Người văn nghệ trước bản thân, trước cuộc đời, tác phẩm và người khác...* và *Nguiễn Hữu Ngư* xét Hồ Hữu Tường qua một cuộc phỏng vấn gay gắt.

BẠN ĐÃ ĐỌC 2 TÁC PHẨM MỚI NHẤT NÀY CỦA HỒ - HỮU - TƯỜNG *CHƯA ?*

LUẬN LÂM, I & KỂ CHUYỆN

để rõ con người-dùng-văn họ Hồ vượt biện chứng pháp ra sao và quan niệm kể chuyện như thế nào. Và mời bạn chờ :

GÁI NƯỚC NAM LÀM GÌ ?

SÁCH HAY • IN ĐẸP • BÁN RẺ

ĐÃ PHÁT HÀNH

5/66

viên đạn đồng chữ nổi

TRUYỆN DÀI MAI-THẢO

ĐÓN COI

6/66

chân dung Nhất-Linh

HỒI-KÝ CỦA BẦY TÁC-GIẢ

TẬP-SAN VĂN XUẤT-BẢN

KD số 1270 BTLC
ngày 28-5-1966

Giá 15 đồng
Công sở giá gấp đôi